



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Ass.Viet Nam Fraternité, 37 rue du Clos de l'Erable, 77400 Saint Thibault des Vignes, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

## Đài Loan, một quốc gia đang hình thành

Cuộc bầu cử tổng thống Đài Loan ngày 18-3-2000 đã kết thúc với thắng lợi của ứng cử viên Dân Chủ Cấp Tiến Trần Thủy Biển, chấm dứt 50 năm cầm quyền của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Cử tri Đài Loan đã bất chấp những lời đe dọa hùng hổ của chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân và thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ. Riêng ông Chu Dung Cơ đã leo thang trong sự hung hăng bằng ngôn ngữ, ông hăm dọa người dân Đài Loan là họ sẽ không còn cơ hội để hối tiếc nếu họ bầu cho Trần Thủy Biển vì ứng cử viên này là người đứng đầu khuynh hướng ly khai tại Đài Loan.

Đầu vậy Trần Thủy Biển vẫn đắc cử. Trước hết là vì cả người Đài Loan lẫn dư luận thế giới đều không coi những lời đe dọa của Bắc Kinh là có trọng lượng. Trái với thời kỳ của cuộc bầu cử tổng thống Đài Loan đúng bốn năm về trước, hạm đội 7 của Mỹ đã không hề rục rịch, lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương không hề được đặt trong một mức độ báo động nào. Mọi chính phủ và mọi quan sát viên đều biết là Bắc Kinh không thể mà cũng không có ý định gây hấn trong lúc này. Trung Quốc đang có quá nhiều vấn đề nội bộ mà vấn đề nhức nhối nhất là đã phát triển kinh tế đang khựng lại, gây nhiều khó khăn cho chính quyền và căng thẳng trong xã hội.

Điều đầu tiên cần nhận xét, dù không phải là quan trọng nhất, là lý do khiến ông Trần Thủy Biển đắc cử, hay đúng hơn lý do khiến Quốc Dân Đảng thất bại. Mặc dầu những đe dọa của Bắc Kinh đã

chọc tức cử tri Đài Loan và gián tiếp ủng hộ ông, mặc dầu một số cộng tác viên của tổng thống Lý Đăng Huy đã ủng hộ ông, Trần Thủy Biển đã chỉ được 39,3% trong khi hai ứng cử viên thuộc Quốc Dân Đảng là các ông James Tống (36,8%) và Liên Chiến (gần 24%) đã được một số phiếu tổng cộng trên 60%. Quốc Dân Đảng thất bại không phải vì mất tín nhiệm của quần chúng, 60% trong một nước dân chủ là số phiếu rất lớn, Quốc Dân Đảng cũng đã thắng lớn về vang trong cuộc bầu cử quốc hội gần đây. Quốc Dân Đảng đã thất bại vì đã có tới hai ứng cử viên tổng thống thay vì một ứng cử viên duy nhất.

Tình trạng này nói lên một bất lợi của chế độ tổng thống. Chức vụ tổng thống là tất cả nên các nhân vật có uy tín đã không thể nhường nhịn và thỏa hiệp với nhau cho thắng lợi chung như trong một chế độ đại nghị trong đó vị thủ tướng chỉ là người thứ nhất trong số những người ngang hàng. Chế độ tổng thống, và cách bầu cử tổng thống qua phổ thông đầu phiếu, đã làm rạn nứt rất nhiều chính đảng và đưa nhiều quốc gia đến bế tắc. Đó là cách chọn một người cầm quyền thay vì một đảng, bầu theo cảm tình dành cho một cá nhân thay vì bầu cho một dự án chính trị. Khi nó không đưa tới độc tài, chế độ này cũng đưa tới một sự dang dở tai hại giữa lập pháp và hành pháp. Cho tới nay trên khắp thế giới đã chỉ có một chế độ tổng thống thành công là Hoa Kỳ, nhưng sự ổn vững của Hoa Kỳ chủ yếu nhờ chế độ liên bang tản quyền và nhờ ở một xã hội dân sự mạnh.

Tuy vậy người ta vẫn có mọi lý do để tin là Hoa Kỳ sẽ thành công hơn dưới một chế độ đại nghị.

Điều quan trọng hơn cần được nhận diện là sự thành công của Đài Loan. Với cuộc bầu cử này, Đài Loan đã tự xác nhận là một quốc gia dân chủ đích thực, sau khi đã là một thành công lớn về mặt kinh tế. Mức sống của Đài Loan đã ngang hàng với một số nước Tây Âu, tỷ lệ dự trữ ngoại tệ so với tổng sản lượng quốc gia của Đài Loan lớn nhất thế giới, các xí nghiệp của Đài Loan hoạt động một cách lành mạnh và tỷ lệ tăng trưởng của Đài Loan tiếp tục ở mức độ cao.

Sự thành công của Đài Loan thường được viện dẫn cho hai nhận định hời hợt.

Nhận định thứ nhất là Đài Loan đã phát triển mạnh vào lúc chưa có dân chủ, và như thế đã chứng tỏ một quốc gia có thể phát triển mà không cần dân chủ, rồi dân chủ sẽ đến như là hậu quả của phồn vinh. Phát biểu như vậy là ngộ nhận về trường hợp Đài Loan. Năm 1949, khi lực lượng của Tưởng Giới Thạch bỏ chạy sang đây, đem theo rất nhiều của cải và chất xám, Đài Loan không phải là một quốc gia mà là một chiến khu và một trại lính. Do số vốn khổng lồ, số chuyên viên đông đảo, và nhất là sự yểm trợ mạnh mẽ của Hoa Kỳ để bảo vệ một hòn đảo chiến lược trên Thái Bình Dương, Đài Loan đã phát triển. Thêm vào đó, đại bộ phận nhân dân Đài Loan lại thực sự chia sẻ một đồng thuận lớn là chống lại nguy cơ thôn tính của Hoa Lục. Với

một đồng thuận mạnh như vậy, dân chủ, mà mục đích chính là để sống và làm việc chung trong sự khác biệt chính kiến, không phải là nhu cầu bức thiết nhất. Không có quốc gia nào có những điều kiện đặc biệt như Đài Loan và do đó không thể lấy trường hợp Đài Loan làm kiểu mẫu cho những quốc gia khác. Điều cần được nhận diện là lý do đã khiến Đài Loan có thể tiếp tục phát triển trong nhiều thập niên. Đó là nhờ một ý chí dân chủ hóa rất mạnh, nhất là từ khi các cường quốc phương Tây nhìn nhận Hoa Lục và cắt quan hệ ngoại giao với họ. Từ một chiến khu họ đã tiến lên thành một nước dân chủ, và nhờ dân chủ họ đã trở thành một cường quốc kinh tế và tranh thủ được cảm tình của thế giới. Như vậy, trong tương quan giữa dân chủ và phát triển, Đài Loan mới đầu là một ngoại lệ do một hoàn cảnh có một không hai đã mau chóng chứng minh qui luật dân chủ rất cần cho phát triển.

Nhận định sai lầm thứ hai là cho rằng Đài Loan đã chứng minh rằng văn hóa Khổng Mạnh có thể là một căn bản tốt cho phát triển, hay ít nhất không mâu thuẫn với phát triển. Trên thực tế, tuy đại bộ phận người Đài Loan có gốc Trung Quốc, nhưng họ là những người Trung Quốc đã rời bỏ Trung Quốc vì đói kém loạn lạc từ ba hoặc bốn thế kỷ nay. Họ là những người thích buôn bán và cuộc sống tự do. Nhờ vị trí địa lý đặc biệt họ cũng đã tiếp xúc rất nhiều với các nước phương Tây. Sau đó, từ năm 1895, họ đã bị Nhật chiếm làm thuộc địa trong một nửa thế kỷ. Người Nhật đã mở mang Đài Loan và để lại những dấu ấn rất đậm trên văn hóa và tâm lý Đài Loan.

Tập đoàn Tưởng Giới Thạch tị nạn sang Đài Loan cũng là thành phần phương Tây hóa nhất. Chỉ một sự kiện cũng đủ chứng tỏ sự hòa nhập của Đài Loan với văn hóa và nếp sống phương Tây: ông James Tóng (Tóng Sở Du), một người có thêm một tên Mỹ, đã về hạng nhì trong cuộc bầu cử tổng thống này, sát nút với ông Trần Thủy Biển; nếu Quốc Dân Đảng không phân hóa và ông là ứng cử viên duy nhất của đảng chắc chắn ông đã đắc cử rất dễ dàng. Đài Loan không giống Trung Quốc, đó là điều không thể ngờ nhận.

Điều còn đáng chú ý hơn nữa là một quốc gia Đài Loan hoàn toàn khác biệt với Trung Quốc đang hình thành. Chính quyền Bắc Kinh sẽ không ngăn cản được sự hình thành tất nhiên này. Trong một tương lai khá dài họ sẽ không có sức mạnh quân sự để đổ bộ và chiếm đóng đảo Đài Loan. Quân đội của họ có số lượng nhưng không có phẩm chất, dùng tàu chiến để đổ bộ là chuốc lấy sự thảm bại chắc chắn, dùng bom nguyên tử để tiêu diệt Đài Loan là một sự điên dại ngoài tưởng tượng bởi vì Đài Loan đang là nguồn cung cấp cả tư bản lẫn kỹ năng cho lục địa. Chưa kể là sử dụng bom nguyên tử còn hầu như chắc chắn đón nhận sự trả đũa bằng vũ khí nguyên tử của Hoa Kỳ. Như vậy tình trạng hiện nay sẽ kéo dài trong khi Đài Loan ngày thay đổi về nếp sống và văn hóa, càng thêm sức mạnh về kinh tế và kỹ thuật và cũng càng ngày càng được chấp nhận trên thế giới.

Người Đài Loan không có bất cứ một lý do nào để muốn tự đặt dưới sự kiểm tỏa của Bắc Kinh và họ cũng có sức mạnh để tự vệ. Họ có một nền văn hóa khác với lục địa và ngày càng khác hơn. Họ có một mức sống cao hơn hẳn Hoa Lục và sự chênh lệch ngày càng lớn hơn. Họ sống dưới một chế độ tự do và ngày càng trở thành những con người tự do khác với những con người trong lục địa trưởng thành trong chế độ độc tài. Họ sống theo một chủ nghĩa tự do cá nhân mà người Hoa Lục không thể có và còn rất lâu mới có được. Nói chung họ theo đuổi một dự án tương lai khác hẳn với lục địa. Mối liên hệ với lục địa sẽ ngày một mờ nhạt đi và họ sẽ tạo dựng ra một quốc gia khác hẳn, bởi vì quốc gia trước hết là một dự án tương lai chung. Dĩ nhiên những người lãnh đạo Đài Loan sẽ không khiêu khích Bắc Kinh, họ sẽ không tuyên bố độc lập và ly khai hẳn với Trung Quốc mà sẽ để cho thời gian làm công việc của nó. Đó đã là thái độ mà tân tổng thống Trần Thủy Biển vừa chọn.

Việt Nam có mọi lý do để thắt chặt thêm quan hệ kinh tế, thương mại và văn hóa với Đài Loan. Đài Loan có vốn để đầu tư vào Việt Nam và cũng rất cần mở rộng hậu thuẫn quốc tế để giải tỏa áp lực

của Bắc Kinh. Chúng ta cũng có rất nhiều điều để học hỏi nơi họ về kỹ thuật, quản trị và thương mại. Hơn tất cả, chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm xây dựng dân chủ của họ trong hơn hai thập niên vừa qua.

Nhưng đối với Việt Nam, Đài Loan còn có vai trò của một lá bài quý báu trong cách ứng xử với Trung Quốc. Cho tới nay, do truyền thống bành trướng, Trung Quốc đã không ngừng chèn ép Việt Nam tại biên giới, trong vùng Vịnh Bắc Bộ và tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trung Quốc cũng còn có khả năng dựa trên một số sắc tộc ít người có liên hệ với họ để gây rối trong vùng Thượng Du miền Bắc. Tất cả những yếu tố đó khiến chính quyền cộng sản Việt Nam luôn luôn lo sợ Trung Quốc và không dám theo đuổi một chính sách đối ngoại thật sự độc lập.

Đài Loan có thể là vũ khí tự vệ cho Việt Nam. Một chính quyền Việt Nam sáng suốt phải để cho Bắc Kinh hiểu rằng khả năng Việt Nam công nhận Đài Loan là có thực và mỗi hành động khiêu khích của Trung Quốc sẽ có hậu quả khiến Việt Nam tiến thêm một bước tới gần Đài Loan. Muốn như thế, nghĩa là muốn sử dụng khả năng công nhận Đài Loan làm một áp lực đòi hỏi Bắc Kinh phải cư xử một cách biết điều, ít nhất chính quyền Việt Nam phải có đủ sức mạnh tự vệ trước đã. Sức mạnh đó không phải chỉ là quân sự mà còn là sức mạnh kinh tế, cảm tình của thế giới và sự gắn bó của toàn dân sau lưng chính quyền.

Nhưng làm thế nào để vươn lên về kinh tế nếu không chấp nhận một cách thành thực những luật chơi của kinh tế thị trường, nếu luật pháp vẫn có thể bị giải thích một cách tùy tiện và thay đổi một cách tùy tiện, nếu độc quyền chính trị vẫn được tiếp tục duy trì và tiếp tục để ra lạm quyền và tham nhũng? Làm thế nào để gắn bó mọi người trong một ý chí giữ nước khi đất nước vẫn chỉ là của riêng của hai triệu đảng viên cộng sản, hay đúng hơn vẫn là của riêng của một nhóm người cầm quyền trong đảng cộng sản?

Chúng ta đều hiểu: phải có dân chủ.

**Thông Luận**

## Dân chủ đa nguyên thắng lớn tại Sénégal

Sau 40 năm dưới quyền cai trị độc đảng, với hai tổng thống thay nhau cầm quyền, Léopold Sédar Senghor (1960-1980) và Abdou Diouf (1980-2000), Sénégal, một nước miền tây châu Phi đã chững chạc đi vào tiến trình dân chủ đa nguyên bằng bất bạo động với tinh thần hòa giải hòa hợp. Tân tổng thống Abdoulaye Wade, một luật sư tốt nghiệp và đã từng hành nghề tại Pháp, đã đắc cử với một đa số khá cao (65%) trong vòng hai của cuộc bầu cử tổng thống được tổ chức vào ngày 19-3-2000.

Vị tổng thống đầu tiên của Sénégal, Léopold Sédar Senghor, là một người đặc biệt và đặc sắc. Ông học hành rất giỏi, vốn là cựu sinh viên trường Cao Đẳng Sư Phạm Pháp (Ecole Normale Supérieure, rue d'Ulm), trường cao đẳng dành cho các sinh viên ưu tú nhất nước Pháp, cùng với cựu tổng thống Pháp Pompidou và cựu đại sứ Phạm Khắc Hy. Về mặt chính trị ông đã là dân biểu Quốc hội Pháp vào năm 1946, tổng trưởng của nội các Edgar Faure của đệ tứ cộng hòa Pháp (1955-56). Vào năm 1960, khi Sénégal chọn lựa trở thành một nước độc lập, không còn ở trong Cộng Đồng Pháp - một tổ chức do đệ ngũ cộng hòa Pháp sáng chế để quy tụ các thuộc địa cũ, tương tự như Liên Hiệp Pháp của đệ tứ cộng hòa - Senghor trở thành tổng thống. Ông ta đã từ chức tổng thống vào năm 1980. Thủ tướng Abdou Diouf của Senghor từ năm 1960, trở thành tổng thống. Đó là những điểm đặc biệt của Senghor. Ông còn là một thi sĩ với những tập thơ như Ethiopiques và Nocturnes, đó là một điểm đặc sắc, đặc sắc hơn nữa là ông là tác giả những bài nghị luận nổi tiếng về khái niệm da đen, đề cao những giá trị văn hóa và tinh thần của sắc dân da đen. Một người da đen đã hấp thụ tinh hoa của văn hóa Pháp, lại ca ngợi những giá trị của văn hóa da đen, phải được xem là một nhân vật vô cùng đặc sắc hiếm có trên cõi đời này. Nhất là nhân vật đó vừa là tổng trưởng cho một chính phủ Pháp da trắng

vừa là tổng thống một nước da đen. Về mặt thực tế chính trị, Senghor đã hoàn toàn có lý, và có lẽ đó là lý do cốt lõi giải thích sự thành công trong sự nghiệp chính trị của vị lãnh đạo đặc biệt và đặc sắc này của châu Phi da đen.

Không như Senghor, Diouf đã bám vào cái ghế bành tổng thống. Tân tổng thống Wade, vốn là đối lập từ thập niên 70, đã từng bị Diouf cho vào tù ra khám nhiều lần với những lý do mà các nhà độc tài các nước nghèo nhược tiểu hay dùng như "xâm phạm an ninh quốc gia", "tòng phạm ám sát", "phạm pháp quá tang một cách liên tục", trong không khí gian lận và bạo động của các cuộc bầu cử tổng thống, quốc hội hoặc các sinh hoạt chính trị trong quá khứ. Đặc biệt là cuộc bầu cử tổng thống vào năm 1988 mà Diouf đã gian lận một cách trắng trợn, trong cuộc bầu cử năm 1993, phó chủ tịch Hội Đồng Hiến Pháp bị ám sát, và năm sau đó, 1994, một cuộc biểu tình do đảng Dân Chủ Sénégal mà Wade là chủ tịch đã bị biến thành một cuộc bạo động với một số cảnh sát bị tử thương. Cuộc bầu cử tổng thống lần này đã xảy ra trong không khí bất bạo động và không gian lận.

Tiến trình dân chủ hóa này một phần do các cơ quan truyền thanh tư được phép thành lập từ vài năm nay. Dân chúng đã được thông tin đầy đủ và nhanh nhẹn đến nỗi chính quyền khó mà gian lận trong các cuộc bầu phiếu và kiểm phiếu. Các ký giả đã đi vào từng làng để làm phóng sự và với phương tiện truyền thông hiện đại bằng điện thoại lưu động họ có thể báo tức khắc cho các cơ quan truyền thanh những gian lận có thể xảy ra.

Một lý do khác giải thích tiến trình dân chủ hóa này là một tầng lớp trung lưu đã được thành hình tại các thành phố. Họ đã tiếp cận một cách dễ dàng với các thay đổi mới trên thế giới, đầu óc và tầm nhìn được mở rộng và theo đó họ

đòi hỏi những thay đổi chính trị, xã hội, kinh tế cần phải thực thi cho đất nước của họ. Đảng Xã Hội do Diouf sau Senghor cầm đầu đã liên tục cai trị Sénégal trên 40 năm, chỉ được nông dân ủng hộ, trong khi đó tầng lớp trung lưu càng ngày càng đông tại các trung tâm phố thị lại ủng hộ Wade, được xem là giáo hoàng của cải cách, gọi là "sopi" theo tiếng wolof (tiếng nói của 80% dân Sénégal, trong khi tiếng Pháp là ngôn ngữ chính thức). "Sopi" lại được dùng làm tín hiệu tập hợp của quần chúng cảm tình viên của Wade.

Một điểm son khác của tiến trình dân chủ hóa này là chính tổng thống thất cử Diouf đã điện thoại chúc mừng tổng thống đắc cử Wade theo đúng lễ nghi của một nước dân chủ tân tiến.

Sự thành công của Wade một phần khác là nhờ tinh thần hòa giải và hòa hợp của ông ta đối với các lãnh tụ và chánh đảng khác tại Sénégal, trong một mặt trận chống đối tổng thống mãn nhiệm Diouf. Khoảng 20 đảng phái và tất cả các lãnh tụ chính trị đã tham gia vòng một của cuộc bầu cử tổng thống đã ủng hộ Wade, trừ Djibo Ká, về hạng tư với 7% phiếu trong vòng đầu. Các lãnh tụ này vốn là những đảng viên cao cấp của đảng Xã Hội Sénégal và đã từng là tổng trưởng cho Diouf. Điển hình là Moustapha Niasse, về hạng ba với 17% phiếu trong vòng đầu, đã ủng hộ Wade và kêu gọi cử tri của mình dồn phiếu cho Wade. Ông vốn là một lãnh đạo cao cấp của đảng Xã Hội Sénégal, từng là bộ trưởng ngoại giao cho Diouf và đã ly khai đảng Xã Hội năm ngoái. Ông sẽ là thủ tướng tương lai của Sénégal.

Sự thành công lớn này của dân chủ đa nguyên tại Sénégal đã được thế giới, nhất là thế giới Pháp thoại ca ngợi. Nước Pháp sẵn sàng ủng hộ tân tổng thống Sénégal về mặt tài chính trong chương trình cải thiện kinh tế và xã hội để nâng cao mức sống của dân Sénégal mà chính phủ mới đề ra.

Huỳnh Hùng

Đọc và cổ động  
đặt mua đại hạn báo  
Thông Luận

## Đài Loan trưởng thành trong dân chủ

Nguyễn Phi Phụng

Chỉ trong không đầy 15 năm, Đài Loan đã làm thế giới ngạc nhiên về tiến trình dân chủ. Sự thắng lợi của một ứng cử viên đối lập qua một cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp tổng thống lần thứ hai lại còn làm cho thế giới càng thêm khâm phục trình độ trưởng thành của người dân Đài Loan.

Kết quả đầu phiếu ngày 18-3 cho biết hơn 80% cử tri đã tham dự cuộc tuyển chọn hoàn toàn dân chủ và đã bầu ông Trần Thủy Biển (Chen Shui Bian), người thuộc đảng Dân Chủ Tiến Bộ hay Dân Tiến Đảng (DTP) làm tổng thống với 39,3% (gần 5 triệu phiếu). Người về hàng thứ hai là ông Tống Sở Du (Song Chu Yu), ứng cử viên ly khai của Quốc Dân Đảng (QDD) với 36,8%. Sự sai biệt về phiếu cử tri giữa ông Trần và ông Tống chỉ có 313.000 phiếu. Đại diện chính thức của QDD là ông Liên Chiến (Lian Zhan hay Lien Chan), lần đầu tiên trong lịch sử của QDD bị thua nặng, chỉ chiếm 23,1%.

Tiến trình nhanh chóng về dân chủ của Đài Loan có nhiều ý nghĩa lớn cho các nước Á Châu và dư luận thế giới. Nó đã đánh đổ huyền thoại theo đó thuyết Khổng Mạnh đã "cản trở" sự phát triển của con người và huyền thoại người Á Châu chưa "chín muồi" về dân chủ. Nếu dân chúng và người lãnh đạo của một nước có ý chí dân chủ thì dân chủ sẽ đến. Những chế độ độc tài thường tránh né những cuộc tuyển chọn đầu phiếu trực tiếp vì họ sợ bị loại trừ. Họ thường viện dẫn đa nguyên đa đảng sẽ đưa đến hỗn loạn.

Kinh nghiệm ở các chế độ tự do dân chủ cho thấy mỗi nước đều có cả chục đảng phái nhưng cuối cùng chỉ có một vài đảng quyết định. Những đảng không đi đúng nguyện vọng của quần chúng đương nhiên bị luật thiên nhiên đào thải mà không cần phải cấm chỉ.

Bài viết này tiếp nối bài "Đài Loan từ độc tài đến dân chủ" đăng trên Thông Luận số 90 tháng 2-1996, nhưng chủ yếu phân tích lý do thắng lợi của đảng đối lập Dân Tiến Đảng.

Sau khi lưu vong sang đảo Đài Loan vào cuối năm 1949, chính quyền Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đã ngự trị và khống chế trong gần 40 năm. Trong 25 năm cầm quyền cho đến ngày chết năm 1975, Tưởng Giới Thạch đã cai trị Đài Loan với bàn tay sắt không thua kém gì Mao ở lục địa. Chế độ thiết quân luật do Tưởng ban hành ở lục địa năm 1948, được tiếp tục áp dụng ở Đài Loan, cho phép chính quyền QDD trấn áp đối lập, kiểm duyệt báo chí, không tổ chức tuyển cử v.v... Các lãnh tụ đối lập nếu không bị tù nặng như cựu chủ tịch Dân Tiến Đảng ông Thi Minh Đức (Shi Ming De) (bị 25 năm tù) hay bị "tai nạn" giao thông thì cũng phải bắt buộc bỏ nước ra đi như ông Bành Minh Mẫn (Peng Ming Min) và Hứa Tín Lương (Xu Xin Liang), hai thủ lãnh khác của DTP

Về độc tài đảng trị, Mao và Tưởng là hai anh em sinh đôi! Người kế tiếp nhiệm kỳ bỏ dở (3 năm) của Tưởng là phó tổng thống Nghiêm Gia Cán (Yan Jia Gan), nhưng thực tế là Tưởng Kinh Quốc (Jiang Jing Guo), con của Tưởng Giới Thạch với tư cách chủ tịch QDD kiêm thủ tướng chính phủ. Tưởng Kinh Quốc sau đó trở thành tổng thống trong hai nhiệm kỳ (1978-1988).

Chính trong nhiệm kỳ hai (1984-1990), Tưởng Kinh Quốc vào cuối đời cho mở rộng chính trị. Trong thời gian này, các đảng phái đối lập dù chưa được chính thức công khai hoạt động đã bắt đầu thành hình với sự ra đời bán chính thức của DTP (tháng 9-1986). Các lãnh tụ của đảng này được trả tự do hoặc được phép trở về nước hoạt động. Phải đợi tới tháng 7-1987, chế độ thiết quân luật bị bãi bỏ thì các đảng phái mới được công khai hoạt động. Tự do báo chí cũng được tái lập sau đó.

Người có công trong việc dân chủ hoá đất nước là ông Lý Đăng Huy (Lee Teng Hui hay Li Deng Hui), phó tổng thống tiếp nối nhiệm kỳ bỏ dở của Tưởng Kinh Quốc (từ trần năm 1988) cho đến 1990. Sau đó ông được Quốc Hội bầu tổng thống trong 6 năm (1990-1996). Trong nhiệm kỳ này, ông Lý cho tu chính hiến pháp thay Quốc Hội cũ (xin

đừng làm với Viện Lập Pháp), tổ chức tuyển cử và cho phép dân chúng tuyển chọn thống đốc đảo và thị trưởng hai thành phố lớn (Đài Bắc và Cao Hùng) qua phổ thông đầu phiếu trực tiếp thay vì do tổng thống bổ nhiệm. Ông sẽ còn được người Trung Hoa ghi nhớ là ông là người đầu tiên trong lịch sử nhiều ngàn năm của Trung Hoa chủ trương tổ chức tuyển cử tổng thống bằng phổ thông đầu phiếu trực tiếp.

Từ khi cách mạng Tân Hợi thành công năm 1911, các tổng thống từ Tôn Dật Tiên, Viên Thế Khải v.v... đến Tưởng Giới Thạch đều do Quốc Hội bầu ra chưa nói đến những cuộc "tuyển chọn" chủ tịch nước do Đảng đưa ra ở lục địa.

### Quá trình đấu tranh của Dân Tiến Đảng

Thành lập bất hợp pháp một năm trước khi chế độ thiết quân luật bị bãi bỏ năm 1987, DTP chỉ trong thời gian ngắn đã trở thành một đảng đối lập đáng kể trước khi lên nắm chính quyền. Có lẽ chưa có xứ đang phát triển nào trên thế giới đã có tình trạng tương tự. Người ta khó tượng tượng một đảng còn non trẻ đã đối chọi một cách thắng lợi với một đảng đã thành lập từ hơn 100 năm (1894) với 2 triệu thành viên và nhiều chục tỷ USD về bất động sản. Đảng này đã thống trị không chia chác trong nhiều thập niên ở lục địa và ở Đài Loan.

Năm 1989, DTP đã chiếm 38,3% phiếu trong kỳ phổ thông đầu phiếu huyện trưởng. Sang kỳ 1993 và 1997, tỷ số tăng lên 41% và 43,3%. Đặc biệt kỳ 1997, DTP về đầu chiếm 12 ghế trên 23 trong toàn quốc so với 8 ghế của QDD. Năm 1994, ghế thị trưởng lần đầu tiên do dân bầu lọt vào tay ông Trần Thủy Biển, tân tổng thống vừa thắng cử. Ở Viện Lập Pháp, DTP có 54 ghế trên 164 (32,9%) trong năm 1995, QDD với 85 ghế chỉ có 3 ghế đa số (có lúc chỉ có một ghế). Sang kỳ tuyển cử năm 1998, DTP chiếm 70 ghế. Tuy nhiên, số đại biểu của Viện được tăng lên 225 cho nên tỷ số của DTP bị giảm xuống còn 31%, QDD chiếm đa số ghế ở Quốc Hội với 124 ghế.

Những thắng lợi nói trên không phải do một sớm một chiều mà có. Những người lãnh đạo DTP đã không ngừng tranh đấu từ trong bóng tối, đã từng vào tù ra khám hay bắt buộc phải lưu vong. Năm 1977, lần đầu tiên, họ đứng ra thành

lập những phần tử "đảng ngoài" nghĩa là không cùng với QDD ra tranh cử ở hội đồng xã. Họ chiếm được 21 trên 77 ghế và 4 ghế xã trưởng. Sự thắng lợi bất ngờ, dù còn khiêm tốn, làm họ phấn khởi. Họ dự định sang năm 1978 sẽ ra tranh cử bán phần ở Quốc Hội và ở Viện Lập Pháp nhưng chính quyền của Tưởng Kinh Quốc cho hủy bỏ vì Hoa Kỳ tái lập quan hệ chính thức với Bắc Kinh. Sự kiện này làm họ bất mãn và tiến thêm một bước mới. Họ tổ chức một hội nghị những người đảng ngoài đòi chính quyền: phóng thích tù nhân chính trị, tự do lập đảng, bãi bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí, thay đổi toàn diện đại biểu ở Quốc Hội và Viện Lập Pháp, tuyển cử bầu phiếu trực tiếp thống đốc đảo và thị trưởng Bãi Bắc và Cao Hùng.

Năm 1979, DTD cho ra tạp chí "Mỹ Lệ Đảo", tên gọi của Đài Loan do những lãnh tụ tương lai của DTD như Hoàng Tín Giới (Huang Xin Jie), Hứa Tín Lương, Thi Minh Đức, Lâm Nghĩa Hùng (Lin Yi Xiong) làm nơi tập tụ đối lập. Vào cuối năm 1979, họ ra sáng kiến làm lễ kỷ niệm ngày thành lập Nhân Quyền ở tỉnh Cao Hùng. Cuộc biểu tình làm nhiều trăm người bị thương nặng trong nhóm người biểu tình và cảnh sát. Tám người tổ chức trong đó có nhiều thủ lãnh như Thi Minh Đức, Hoàng Tín Giới, Lâm Nghĩa Hùng, bà Lữ Tú Liên (Lu Xiu Lian hay Annette Lu) bị tù từ 8 năm đến chung thân. Sự kiện Cao Hùng bắt nguồn từ đó. Sự kiện này cũng có ảnh hưởng không nhỏ trong nhóm lãnh đạo về hai đường lối ôn hòa và bạo động. Phải đợi đến năm 1986, nhân dịp có tuyển cử bán phần ở Viện Lập Pháp, họ quyết định thành lập DTD (ngày 28.9) bất chấp sự cấm chỉ của chính quyền. Tháng 11, một đại hội lần đầu tiên được tổ chức bầu 35 uỷ viên trung ương và 11 người ở ban thường trực. Luật sư Giang Bằng Kiên (Jiang Peng Jian), một đại biểu của Viện Lập Pháp được bầu chủ tịch đảng.

Trong lần tuyển cử phổ thông đầu phiếu trực tiếp tổng thống đầu tiên năm 1996, ứng cử viên DTD ông Bành Minh Mẫn chỉ chiếm 21% phiếu vì nhiều nguyên nhân. Người đối thủ là ông Lý Đăng Huy, như đã nói trên, là người có công lớn trong tiến trình dân chủ hóa của đảo mặc dù đảng của ông đã làm dân chúng dần dần mất tín nhiệm vì thạm những.

Cương lĩnh chính trị của DTD lúc đó chủ trương người Đài Loan có quyền tự quyết, một hình thức tuyên bố độc lập nếu thắng cử.

Sự kiện này có ảnh hưởng không nhỏ cho dân chúng Đài Loan vẫn lo sợ lục địa có lý do dùng vũ lực để chiếm đảo nhất là vài tháng trước ngày đầu phiếu Bắc Kinh đã cho thị uy vũ lực. Họ đã cho động viên 150.000 quân lục, điều động 250 phi cơ phản lực, 4 tiềm thủy đình và 5 tàu chiến hộ tống. Họ còn cho bắn hai hỏa tiễn ở phía nam thành phố Cao Hùng (Gao Xiong) và hai hỏa tiễn ở phía bắc thành phố Cơ Long (Ji Long) và hăm dọa Hoa Kỳ không nên can thiệp vào "nội bộ" của họ. Nhưng khi Mỹ cho hạm đội 7 sang ngoài biển Đài Loan với 11.000 quân và 160 phi cơ có trang bị hỏa tiễn, Bắc Kinh đành rút lui có trật tự! Kết quả là ông Lý Đăng Huy thắng cử với tỷ số khá cao (54%). Bắc Kinh đành mất mặt và cay đắng chấp nhận kết quả.

### **Bối cảnh tuyển cử tổng thống kỳ hai**

Trong kỳ tuyển cử lần này, tình hình trong ngoài nước hoàn toàn khác hẳn. Ông Lý Đăng Huy, 77 tuổi, đã đảm nhận liên tục 12 năm (1988-2000) chức vụ tổng thống không ra tranh cử. Người đứng ra tranh cử cho QDD là phó tổng thống Liên Chiến cùng với ông Tiêu Vạn Trường (Vincent Siew), thủ tướng chính phủ. Trên nguyên tắc, QDD chiếm thế thượng phong vì đảng này chiếm 55% ghế ở Viện Lập Pháp vào cuối năm 1998. Quan hệ với Bắc Kinh cũng được cải thiện sau cuộc gặp gỡ thượng đỉnh của hai chủ tịch bang giao giữa hai bờ eo biển Cô Chấn Phủ và Ưng Đạo Hàm trong tháng 10-1998. Nhưng sự chia rẽ ở đảo nào đã đưa QDD đến đại bại.

Trước hết là người đại diện của QDD ông Liên Chiến. Đặc tính của ông Liên là không được người trong đảng và dân chúng ưa chuộng. Ông lại là một trong những người giàu có ở đảo. Sau khi ông Lý thắng cử năm 1996, ông Liên kiêm chức vụ thủ tướng nhưng chỉ được 15 tháng thì phải từ chức nhường chỗ cho ông Tiêu cho đến nay. Đồng thời, ông Tống Sở Du, cựu thống đốc đảo, người của QDD vì bất mãn với ông Lý cùng đứng ra tranh cử. Về phía DTD, cũng có hai người ra tranh cử. Ông Trần Thủy Biển được DTD đưa ra tranh cử trong khi ông Hứa Tín Lương, cựu chủ tịch của

đảng này vì bất mãn với đảng cùng đứng ra tranh cử. Trường hợp của hai ứng cử viên ly khai đảng không giống nhau. Ông Tống, người gốc tỉnh Hồ Nam ở lục địa, trước đây là người thân tín của ông Lý. Ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng như phát ngôn viên, tổng bí thư đảng, thống đốc đảo do dân bầu.

Trong năm 1998, QDD và DTD đã thỏa thuận tiếp tục làm tu chính hiến pháp cho tăng cường quyền lực của tổng thống và Viện Lập Pháp. Chức thống đốc, do đó, không còn do dân bầu mà do tổng thống bổ nhiệm. Điều này làm ông Tống bất mãn vì ông Lý không tham khảo ý kiến của ông. Từ đó trở đi, quan hệ giữa hai người trở nên xấu đi. Việc ông ra ứng cử làm nội bộ đảng gần như nổ bùng. Nhiều nhân vật cao cấp và một số đại biểu đứng về phía ông bị khai trừ khỏi đảng. Tất cả những mũi dùi thâm độc của QDD thay vì chia về ứng cử viên DTD đều chia về phía ông Tống. Ông lại bị tố cáo có nhiều cục ố và nhiều trường mục ở ngân hàng trong ngoài nước với nhiều triệu đô la Mỹ trong thời gian làm tổng bí thư đảng. Ông Tống cũng không chịu thua. Ông trả lời là ông làm việc dưới sự chỉ đạo của một chủ tịch đảng có tên là... Lý Đăng Huy. Ông lại trách móc ông Lý với thuyết "lường quốc luận", vì theo ông, chỉ làm thách thức vô ích Bắc Kinh. Ông, trái lại, chủ trương một hiệp ước "không xâm lược" giữa hai bờ eo biển.

Quan hệ giữa ông Lý và ông Tống trở thành một hố sâu không thể che lấp được đến nỗi ông Lý phải tuyên bố: "Ngoại trừ Tống Sở Du ra, ai thắng cử tổng thống cũng được". Trong khi đó, ông Liên Chiến tuyên bố ông Tống là người có "Lang tâm cầu phế" (người có tâm địa lang sói với phổi con chó), nghĩa là lòng người dạ thú, một lời nhục mạ không xứng đáng với tầm vóc một nguyên thủ quốc gia. Lý do của những hành động hèn hạ này là ứng cử viên của QDD về hàng thứ ba sau ông Tống và ông Trần theo những cuộc thăm dò ý kiến. Kết quả là dân chúng được biết thêm nhiều chuyện xấu xa của QDD.

Trường hợp của ông Hứa có thể nói là tham vọng cá nhân hơn là đường lối chính trị. Năm 1996, đương là chủ tịch đảng ông không được đảng chọn đứng ra tranh cử tổng thống. Lần này, không còn là chủ tịch đảng, ông lại bị loại sau khi báo chí thố lộ ông có nhận tiền của cựu

lãnh sự Bắc Kinh, ông Đường Thụ Bị (Tang Shu Bei) lúc còn lưu vong ở Mỹ. Họ Đường nay là phó chủ tịch hiệp hội bang giao giữa hai bờ eo biển của Bắc Kinh. Ngoài sự tranh chấp quyết liệt giữa hai ứng cử viên của QDD, nhiều nhân tố thuận lợi khác giúp DTĐ đi đến thắng lợi. Trước hết là cương lĩnh chính trị của DTĐ lần này không đề cao tuyên bố độc lập cũng như không chấp nhận hệ thống "một nước, hai thể chế" của Bắc Kinh mà chỉ nói sẽ do dân quyết định thông qua một trưng cầu dân ý.

Ông Trần Thủy Biển còn làm các đối thủ ngạc nhiên là đề nghị trực tiếp tăng cường quan hệ kinh tế với lục địa mà đầu tư của Đài Loan đã lên đến 50 tỷ USD, đứng hàng thứ hai sau Hương Cảng. Ông tuyên bố sẵn sàng gặp ông Giang Trạch Dân ở Bắc Kinh, Đài Bắc hoặc Hương Cảng hay bất cứ nơi nào trước ngày nhậm chức trong tháng năm sau khi thắng cử. Ông lại còn khôn ngoan chọn bà Lữ Tú Liên trong liên danh phó tổng thống. Bà thuộc lớp người đàn bà chuyên nghiệp làm chính trị trên chính trường Đài Loan và đã bị 8 năm tù ở trong sự kiện Cao Hùng. Bà còn được về vang thắng cử huyện trưởng Đào Viên (Tao Yuan) trong năm 1997

Kế tiếp là đảng thứ ba Tân Đảng, một đảng ly khai của QDD trong năm 1993 đang trong thời kỳ xuống dốc nặng. Trong lần tuyển cử thị trưởng Đài Bắc năm 1998, người ứng cử của Tân Đảng chỉ chiếm 3% thay vì 30% như năm 1994. Sang kỳ tuyển cử Viện Lập Pháp vào cuối năm 1998, đảng này chỉ chiếm 11 ghế thay vì 21 ghế như năm 1995. Lần tuyển cử tổng thống này, họ phải nhờ một người ngoài đảng, nhà văn Lý Ngạo (Li Ao) để đại diện nhưng cuối cùng phải rút lui trước một ngày tuyển cử (thậm hồ ý kiến chỉ cho ông này có 1%). Những nhân tố thuận lợi này chưa đủ để đưa ông Trần Thủy Biển đến thắng lợi cuối cùng. Theo thiên kiến của người viết, hai nhân tố quyết định là thái độ của ông Lý Đăng Huy và thái độ của Bắc Kinh.

### **Thái độ của ông Lý Đăng Huy và của Bắc Kinh**

Như trên đã nói, thái độ của ông Lý đối với ông Tống đã dứt khoát là không muốn ông này trở thành người lãnh đạo tối cao của đảo. Còn thái độ của ông đối với ông Liên Chiến cũng rất mập mờ dù

ông này người cùng đảng và một trong những người thân tín của ông. Ông Liên, dù cha là người gốc Đài Loan, nhưng sinh đẻ ở lục địa (Tây An). Ông là người bản chất bảo thủ và có tiền sử là không muốn người gốc Đài Loan có địa vị cao trong đảng và nhà nước khác với quan điểm của ông Lý là muốn xúc tiến người gốc Đài Loan nắm lấy vận mạng của mình.

Người gốc Đài Loan vẫn không quên sự kiện 28-2-1947 (QDD đã giết hại từ 1 đến 3 vạn người gốc Đài Loan) và vẫn cho QDD là một thực lực ngoại bang. Ông Liên lại không hoàn toàn chia sẻ quan điểm của ông Lý về thuyết "luồng quốc luận" mà chỉ ủng hộ một cách hời hợt trong khi ông Trần Thủy Biển thành thật hoan nghênh vô tay. Ông Lý cố tình đưa ra thuyết này vì ông thất vọng thái độ của ông Clinton đưa ra thuyết "bà không" trong chuyến công du ở lục địa trong năm 1998 và cũng muốn biết thái độ của ông Tống khi ông này có ý định ra ứng cử tổng thống. Có lẽ những sự kiện này đã làm ông Lý bỏ rơi ông Liên vào phút chót. Người ta lại để ý ông Lý không chỉ trích ông Trần một cách hạ cấp mà chỉ cho ông còn trẻ, "thiếu kinh nghiệm" để điều khiển Đài Loan.

Chiến dịch "Khí Liên Bảo Biển" (Qì Lián bảo Biǎn), nghĩa là "Bổ Liên Chiến để ủng hộ Trần Thủy Biển" do những người thân tín của ông đưa ra một tuần trước ngày tuyển cử là một phát súng kết liễu cho ông Liên. Những người này không thể làm việc này nếu không có sự đồng tình của ông Lý. Số là, một số cố vấn của ông Lý ở tổng thống phủ đặc biệt là ông Lý Viễn Triết (Lee Yuan Tseh hay Li Yuan Zhe), người đoạt giải thưởng Nobel về hóa học của Đài Loan, viện trưởng Viện nghiên cứu Academia Sinica, công khai đứng ra ủng hộ ông Trần. Ngay sau đó, có hơn 400 nhân sĩ tiếng tăm của các đại công ty, các viện đại học, giới trí thức cùng theo ông lên tiếng ủng hộ. Đặc điểm của ông Lý này là có tiếng vang lớn trong quần chúng không những về kiến thức cao mà còn về tính liêm khiết. Báo chí còn đưa tin ông sẽ là thủ tướng tương lai hay chủ nhiệm đặc trách quan hệ với Bắc Kinh của ông Trần Thủy Biển.

Vì lý do nói trên, hơn 4.000 thành viên của QDD và 30 ủy viên Trung ương thân tín với ông Liên Chiến, khi biết kết quả đại bại, đã phản nộ biểu tình đòi ông

Lý Đăng Huy phải từ chức chủ tịch Đảng và chức tổng thống. Hai phó chủ tịch Đảng, ông Liên Chiến và ông Khưu Sáng Hoán (Qiu Chuang Huan) cùng tổng thư ký Đảng ông Hoàng Côn Huy (Huang Kun Hui) cùng xin từ chức. QDD do Tôn Dật Tiên sáng lập đang nổ bùng và phân tán ra nhiều nhóm. Ông Lý Đăng Huy trong nhiều ngày, bị áp lực mạnh trong ngoài nước, bắt buộc phải từ chức chủ tịch Đảng ngày 24-3 mặc dù ông có ý định đó vào tháng 9 sắp tới. Ông Liên Chiến, người vừa thất cử, lên thay tạm trong khi chờ đợi Đại Hội mới.

Thái độ của Bắc Kinh và tình hình nội bộ của họ, một cách nghịch lý, cũng gián tiếp giúp ông Trần đến thắng lợi. Rút kinh nghiệm thất bại lần trước, Bắc Kinh lần này chỉ thị uy một tháng trước ngày tuyển cử bằng "bạc thư" mà báo chí phương Tây chế nhạo gọi là "hòa tiền bằng giấy" dù lời lẽ không kém cứng rắn. Tình hình nội bộ của Bắc Kinh và thế giới cũng không như năm 1996. Bắc Kinh đang sắp được gia nhập vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO) sau 13 năm thương thuyết gay gắt. Những nỗ lực này sẽ tan theo mây khói nếu họ cho quân chiếm đảo. Dự luận thế giới nhất là dự luận các nước Á Châu sẽ lên án mộng bá quyền của Bắc Kinh mà họ vẫn khư khư không nhận. Hậu quả là tình hình thế giới sẽ trở nên đe dọa và kinh tế của Bắc Kinh sẽ suy sụp thêm. Từ hai số, số tăng trưởng kinh tế trong ba năm chót lần lượt giảm xuống còn 8,7% năm 1997, 7,8% năm 1998 và 7,1% năm 1999 nếu như Ngân Hàng Thế Giới không cho là có thổi phồng.

Vì sợ còn giảm xuống cho nên thủ tướng Chu Dung Cơ, trong lần họp khoáng đại thường niên Quốc Hội vào đầu tháng ba, không đưa ra chỉ số nào cả! Nếu như không vào được WTO và không được Hoa Kỳ gia hạn chế độ bình thường thương mại, kinh tế của Bắc Kinh sẽ tàn lụi trong khi số người thất nghiệp đã hơn ngoài 30 triệu chưa nói đến hiểm họa của môn phái Pháp Luân Công và những đòi hỏi về tự dân chủ vẫn thách thức chế độ. Hỗn loạn xã hội không thể tránh khỏi. Viên tượng đen tối này không cho phép Bắc Kinh làm việc điên rồ cho quân chiếm đảo chưa nói đến khả năng quân đội của họ có thể chinh phục Đài Loan một cách dễ dàng.

Quân đội Đài Loan có gần 40 vạn

Thông Luận 136 - Tháng 04.2000

quân thiện chiến với 460 phần lực cơ hiện đại do Hoa Kỳ và Pháp trang bị. Thêm vào đó, uy thế của đảng cộng sản Trung Quốc đang bị lung lay vì nạn tham nhũng trầm trọng cùng lúc với cuộc tranh chấp ở nội bộ đang diễn ra quyết liệt trong thời kỳ hậu Giang Trạch Dân. Tuy vậy, Bắc Kinh cũng mắc phải sai lầm nặng là xem thường tính ngoan cường của người dân Đài Loan qua lời "khuyến" hăm dọa của thủ tướng Chu Dung Cơ ba ngày trước tuyển cử khi cuộc thăm dò ý kiến mật cho biết ông Trần có khả năng thắng cử. Ông Chu tuyên bố: "Đồng bào Đài Loan không nên quyết định một cách thiếu suy nghĩ. Nếu không, sẽ không có cơ hội thứ hai để luyện tiếu".

Ngay sau đó, các ứng cử viên tổng thống đều có phản ứng nghiêm khắc chống lại sự can thiệp lộ liễu của Bắc Kinh vào nội bộ Đài Loan. Phản ứng của ông Trần tố cáo Bắc Kinh đã dùng lá bài khủng bố hăm dọa và nói người Đài Loan không cần các nhà lãnh đạo Bắc Kinh để chọn lựa vị nguyên thủ của họ. Người Đài Loan, trái lại, đã quá quen thuộc với những lời hăm dọa ngoan cường của Bắc Kinh nên không còn lo sợ. Những nhân tố khách quan này làm người dân Đài Loan không còn lo ngại dồn phiếu cho ông Trần Thủy Biển nhất là Bắc Kinh đã công khai tuyên bố "bỏ thăm" cho hai ông Liên Chiến và Tống Sở Du. Thị trường chứng khoán của Đài Loan bị giảm xuống 2,6% ngay sau đó nhưng lại tăng lên 5,5% hai ngày sau. Bắc Kinh chỉ còn "nuốt thêm vài con rắn nước" (nuốt nhục) để chờ ngày phục hận.

Bắc Kinh sẽ làm gì trong những ngày sắp tới? Phản ứng đầu tiên của họ rất cần nhắc thận trọng. Báo Nhân Dân ra ngày 20-3 đưa tin ngắn ở cuối trang đầu cho biết kết quả của ba người về đầu với một tí khá đặc biệt: "Kết thúc tuyển cử lãnh đạo ở địa khu Đài Loan"! Ngoài ra, báo còn đăng thông cáo của chính phủ như sau: "Trên thế giới chỉ có một nước Trung Quốc. Kết quả tuyển cử lãnh đạo của địa khu Đài Loan không thể cải biến được thực tế Đài Loan là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc. Bất cứ mọi hình thức "Đài Loan độc lập" nào đều "tuyệt đối không được phép". Cuối cùng, Bắc Kinh kêu gọi các đảng phái, đoàn thể, nhân sĩ Đài Loan chấp nhận nguyên tắc một nước Trung Hoa duy nhất cùng

họ trao đổi ý kiến về thống nhất trong hoà bình. QDD không còn được xem là đảng cầm quyền. Ở trang 5, tờ báo này trích lại bài xã luận của nhật báo Hoa ngữ thân Bắc Kinh, tờ "Âu Châu Thời Báo" xuất bản ở Paris chủ yếu lặp lại thông cáo nói trên, và các nhật báo thân cận của họ ở Hương Cảng và Ma Cao. Hai ngày sau, ông Giang tuyên bố: "Ngoài tiền đề về nguyên tắc một nước duy nhất, tất cả mọi vấn đề khác đều có thể thương lượng".

Nhưng tân tổng thống Đài Loan đã tuyên bố bác bỏ hệ thống "một nước, hai thể chế" của Bắc Kinh. Để biểu hiện thêm thiện chí của mình, ông Trần Thủy Biển tuyên bố hủy bỏ lời tuyên bố độc lập trong mào đầu (preamble) của hiến chương DTĐ cũng như không tổ chức trưng cầu dân ý (ngoại trừ bị bắt buộc). Ông còn đồng ý thương lượng ngay cả khái niệm "một nước duy nhất" nhưng không chấp nhận là tiền đề. Thực ra, đây cũng là một thái độ ôn hoà để xoa dịu sự phẫn nộ của Bắc Kinh. Ông Trần, với số thăm gần 40% của 12,7 triệu cử tri người Đài Loan không có sự uỷ nhiệm của họ để bàn cãi việc này vì 45% dân chúng của đảo ngày nay tự cho mình là người Đài Loan, 45% khác tự cho mình vừa người Đài Loan và Trung Hoa. Chỉ có 10% còn lại tự cho mình là người Trung Hoa theo một thăm dò ý kiến gần đây. Các tỷ số này sẽ còn biến đổi trong tương lai theo chiều hướng của một nước hoàn toàn khác biệt với lục địa

Tuy vậy, Bắc Kinh vẫn không hài lòng. Qua lời tuyên bố của phó thủ tướng Tiền Kỳ Tham ngày 24-3, họ vừa khẳng định rằng nguyên tắc "một nước duy nhất" là điều kiện không thiếu được (sine qua none). Nếu Đài Loan không chấp nhận nguyên tắc đó thì chẳng có gì thương lượng cả. Bắc Kinh muốn chiến tranh (?) hay có bất đồng ý kiến trong ban lãnh đạo (?). Thời gian sẽ trả lời.

### Tân tổng thống Đài Loan là ai ?

Tân tổng thống của Đài Loan, ông Trần Thủy Biển sinh ngày 18-2-1951, năm nay mới 49 tuổi, xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo ở Đài Nam (Tai Nan). Cha mẹ đều mù chữ. Ông là người học giỏi lúc nào cũng đứng đầu lớp từ tiểu học đến đại học. Sau khi tốt nghiệp đại học Đài Bắc, ông ra hành nghề luật sư chuyên về luật biển. Ông được Đại Học

Khánh Nam của Hàn Quốc và Viện Kinh Tế của Nga Sô trao bằng tiến sĩ-vinh dự. Ông đứng ra thành lập "Mặt trận thống nhất ngoài đảng" cùng với nhiều người bạn trong đó có ông Tạ Trương Đình (Xie Zhang Ting) hiện là thị trưởng Cao Hùng. Năm 1979, ông đứng ra biện hộ cho những người đối lập bị chính quyền đàn áp trong sự kiện Cao Hùng.

Năm 1981, ông trúng cử với tỷ số cao ở hội đồng thị xã Đài Bắc nhưng năm 1984 ông bị chính quyền bỏ tù tám tháng vì có liên hệ với một tạp chí đối lập. Trong khi ông đang ở trong tù, người vợ của ông, bà Ngô Thục Trân (Wu Shu Zhen), thuộc gia đình trưởng giả, đứng ra thay ông tranh cử đầu phiếu bán phần ở Viện Lập Pháp và thắng cử dễ dàng nhưng bà bị "tai nạn" giao thông trong trường hợp rất nghi ngờ (thực sự là do QDD tổ chức) làm bà bị tê liệt hai bàn chân cho đến ngày nay. Sau khi được phóng thích, ông sau đó trúng cử dân biểu năm 1989. Từ đó trở đi, ông là một trong những người lãnh đạo của DTĐ. Ông thuộc trường phái "Liên Minh Chính Nghĩa", một trường phái trung dung giữa hai trường phái cứng rắn "Tân Trào Lưu", chủ trương quyền tự quyết và trường phái ôn hoà "Mỹ Lệ Đảo", chủ trương dân chủ hóa chế độ.

Năm 1994, khi chức thị trưởng Đài Bắc được tổ chức do dân bầu thay vì được bổ nhiệm, ông được trúng cử với 44% phiếu so với 26% của ứng cử viên QDD: Đây là lần đầu tiên một lãnh tụ đối lập quản trị thủ đô với một ngân quỹ lên đến 5 tỷ USD. Ông được tạp chí Times lúc đó xếp vào trong những lãnh tụ trẻ hứa hẹn nhất trên thế giới. Trong 4 năm làm thị trưởng Đài Bắc, ông làm được nhiều việc đáng kể như làm giảm nạn phi pháp, chống nạn mại dâm, tăng cường an ninh, giảm ô nhiễm không khí trong thành phố v.v... Không may cho ông, cuộc đầu phiếu lần thứ hai trong năm 1998, ông bị ông Mã Anh Cửu (Ma Ying Jiu), người của QDD, chiếm lại ghế thị trưởng với tỷ số 51/46. Ông Mã, nhiều lần bộ trưởng nổi tiếng là người "trong sạch". Thêm vào đó, người ra tranh cử của Tân Đảng chỉ chiếm 3% thay vì 30% như năm 1994. Số phiếu của cử tri Tân Đảng dồn cho QDD. Do đó ông bị thất cử. Điều an ủi cho ông là người bạn Tạ Trương Đình của ông thắng cử ở Cao

Hùng. Nhưng trong cái rủi lại có cái may là nếu ông thắng cử thị trưởng lần hai, ông sẽ không được đảng đưa ra tranh cử tổng thống vì nhiệm kỳ chức thị trưởng còn kéo dài đến năm 2002. Trong hiện tại, ông bắt buộc phải thoả hiệp với QĐĐ vì đảng này có đa số ghế ở Viện Lập Pháp. Theo hiến pháp hiện hành, thủ tướng chính phủ do tổng thống bổ nhiệm nhưng phải được Viện Lập Pháp tín nhiệm trong khi tổng thống không có quyền giải tán Viện Lập Pháp.

Vì lý do nói trên, tân tổng thống Đài Loan, một cách bất ngờ, bổ nhiệm tướng Đường Phi (Tang Fei), đương kim bộ trưởng bộ quốc phòng của QĐĐ lên làm thủ tướng sắp tới. Như vậy, sẽ có một chính phủ liên hiệp do một nhân vật của QĐĐ đứng đầu. Ông Trần Thủy Biển vừa làm một công hai việc: trấn an Bắc Kinh và bảo đảm tín nhiệm của đại biểu hai đảng QĐĐ và DTĐ ở Viện Lập Pháp trong việc tấn phong chính phủ mới. Thuyết "luồng quốc luận" của ông Lý Đăng Huy đưa ra trong tháng 7-1999 làm Bắc Kinh phần nộ càng làm lập trường hai đảng thêm gần nhau. Điều nghịch thường, người "contingent" của ông Lý về tính đồng nhất chính trị (identité politique) của đảo là ông Trần Thủy Biển!

Sự thắng cử của vị tổng thống thứ 10 của Đài Loan, một nhân vật đối lập, là một địa chấn chính trị cho QĐĐ và Bắc Kinh. Nó đánh dấu một trang sử mới của Đài Loan muốn đoạn tuyệt với quá khứ của một đảng tham nhũng, lộng quyền, chạy theo lợi nhuận trong nửa thế kỷ và đồng thời chấm dứt tham vọng của ông Giang muốn để lại tên tuổi mình cho hậu thế trong việc thực hiện "thống nhất" đất nước.

Nghi đến sự trưởng thành dân chủ trong một thời gian kỷ lục ở Đài Loan, một nước thuộc địa của Nhật trong nửa thế kỷ và cùng trình độ phát triển với xứ ta sau đệ nhị thế chiến, chúng ta không khỏi không ngẫm ngùi tui hổ đến tình trạng đất nước vẫn chưa có dấu hiệu nào tiến lên con đường tự do dân chủ thực sự.

Tiến trình dân chủ ở Đài Loan đồng thời đã phá nhiều huyền thoại về khả năng của người Á Châu tiến lên dân chủ càng đáng được mọi người chúng ta suy ngẫm.

**Nguyễn Phi Phụng**

*Bình luận thời sự*

## **Có động đậy gì chăng?**

**Bùi Tín**

Tuần qua, báo Nhân Dân Hà Nội đăng tin: đại sứ Pháp tại Việt Nam Serge de Gallaiy vừa gặp tổng bí thư Lê Khả Phiêu, chuyển giấy mời sang thăm chính thức nước Pháp của tổng thống Pháp.

Thế này là thế nào?

Những người theo dõi tin tức về quan hệ Việt-Pháp đều biết 4, 5 tháng nay, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam rất chú ý đến một chuyến đi thăm chính thức nước Pháp của ông tổng Lê Khả Phiêu. Từ khi nhận chức lớn này, ông Phiêu mới đi sang Trung Quốc, Căm Pù Chia, Lào và Cuba, những nước anh em đồng chí, gần bó như môi với răng. Đi thăm Pháp sẽ là chuyến viên du đầu tiên của ông sang một nước phương Tây, một nước châu Âu lớn, giàu có, tìm kiếm một sự hỗ trợ tài chánh, kinh tế, chính trị và một lợi thế tuyên truyền đáng kể trong và ngoài nước.

Ông Phiêu chưa đến Paris, vậy mà nước Pháp đã nhúc nhúc về chuyến đi này. Thoạt đầu đây chỉ là chuyến thăm viếng giữa hai đảng cộng sản, sau khi ông Robert Hue, thư ký toàn quốc của Đảng Cộng Sản Pháp thăm Việt Nam vào tháng 10-1999. Ông Phiêu sẽ đến Pháp theo lời mời chính thức của ông Hue, nhân dịp ấy, tổng thống hoặc/và thủ tướng Pháp có thể tiếp kiến ông Phiêu. Phía Việt Nam có ý đồ nâng cuộc họp này lên: đây sẽ là cuộc tiếp kiến chính thức, với những nghi lễ giành cho người cầm đầu quốc gia, viện lễ là ở Việt Nam (theo tục lệ của một đảng chuyên chế, như ở Liên Xô trước kia và ở Trung Quốc...) tổng bí thư cộng sản là nhân vật số 1 của quốc gia! Lại còn kỳ kèo thêm: nên có một giấy mời chính thức của tổng thống Pháp, ông Phiêu sẽ là người khách chính thức của tổng thống Pháp. Đã chưa! lại còn liếc mắt đưa tình: quan hệ Pháp-Việt đương thời nồng ấm, dây mùi thơm của đô la và dầu hỏa. Năm 1999, Pháp trở thành nước đầu tư lớn nhất ở Việt Nam do những công trình khai thác và lọc dầu đã ký, trong khi các nước đứng hàng đầu trước đây đều đã giảm bớt rất nhiều đầu tư như Đại Hàn, Đài Loan, Singapore...

Cuộc mặc cả khá gay go, cả về nội dung và nghi thức. Có thăm đồ? Có duyệt đội quân danh dự? Có chiêu đãi Nhà nước? Có thăm quốc hội? Có tặng viện trợ lớn? Có đầu tư thêm? Đã có lúc tưởng như gác lại do già néo đứt dây. Phía Pháp biết khá rõ ông tổng Phiêu là người ăn nói ra sao, chuyên rao giảng không mệt, không ngưng (và cả không đúng chỗ) về sứ mạng lịch sử của đảng cộng sản là độc quyền lãnh đạo đất nước xưa kia, bây giờ và mãi mãi về sau, quyết không đổi màu (màu đỏ cộng sản), quyết không trạch hướng (xã hội chủ nghĩa), quyết không tụt hậu thêm, rằng chuyện chế độ ở Việt Nam vi phạm nhân quyền là chuyện bịa đặt bậy bạ (nguyên văn), rằng nhân quyền ở châu Á có giá trị khác với Tây phương... Do tính đến sự cồng kềnh của vị khách "quý hóa" này đối với dư luận Pháp và thế giới, phía Pháp đắn đo, e ngại là điều dễ hiểu. Thế là cuộc đi thăm dự định vào cuối tháng 11 năm 1999 đã bị gác lại. Đến tháng 2-2000, hồ sơ chuẩn bị cuộc đi thăm này lại được hai bên dỡ ra. Cuộc bàn sôi nổi hơn, gay go hơn. Có coi là đi thăm thượng đỉnh hay không? Chính thức hay không? Có cuộc tiếp chắt chắt của tổng thống Pháp hay không? Chỉ mới định được một cuộc tiếp của chủ tịch thượng viện và tại đây sẽ có cuộc gặp các nhà đầu tư, kinh doanh, các ông chủ tư bản Pháp. Và rồi cuộc đi thăm lại bị gác lại một lần nữa.

Nay thế là đã có lời mời chính thức của nước Pháp do đại sứ Pháp chuyển đến. Tổng thống Pháp, chính phủ Pháp đã nhường bộ? hay vị khách "quý" đã hết cồng kềnh rồi chăng? Đã có gì động đậy trong đường lối, chính sách Đảng Cộng Sản Việt Nam chăng? Cuộc họp đặc biệt của Ban chấp hành trung ương mới đây chuẩn bị cho đại hội 9 (dự định vào quý 1-2001) đã có điều gì đó nhúc nhích đáng kể chăng? Có người đoán già, đoán non rằng: tổng thống Pháp Chirac đâu có phải là tay vừa, nền ngoại giao Pháp đâu có thiếu chiều sâu, thiếu già dặn! Phải có điều gì thay đổi khá rõ theo hướng cởi mở, hòa nhập, tôn trọng quyền con người, dân chủ hóa ít nhiều có thực chất ở phía



Việt Nam thì phía Pháp mới đáp ứng ngon lành đến vậy. Có người còn đi xa hơn, phán đoán rằng phía Việt Nam chắc đã hé ra một hướng mới, từ bỏ những lề thói độc đoán cổ hủ, trả dần cho người dân những quyền luật định và hiến định của một xã hội dân sự, bỏ cái điều 4 của hiến pháp lạc lõng với thế giới mới để hình thành một nền chính trị đa nguyên, đi đến bầu cử tự do (như ở Nam Dương, Thái Lan, Căm Pù Chia, Phi Luật Tân, Đại Hàn, Đài Loan...), thực hiện tự do báo chí và tự do tôn giáo, xây dựng Nhà nước pháp quyền và chống tham nhũng có hiệu quả.

Nếu những ước đoán trên là có thật, hoặc có ít nhiều sự thật, thì đó cũng là hạnh phúc lớn của nhân dân Việt Nam đã tìm lại được tự do, được nâng cao đầu làm người của thời đại, có đủ quyền công dân, và cũng là may mắn cho đảng cộng sản Việt Nam, gột rửa được tiếng xấu là một đảng độc đoán kiểu gia trưởng, vẫn tự đặt mình trên và ngoài luật pháp, kim giữ đất nước trong nghèo khổ và công dân nước mình trong thân phận tôi đòi!

Riêng tôi, tôi có phần thận trọng. Những điều trên đây, nhiều người ở trong nước đã nghĩ tới và kiến nghị từ 10 đến 15 năm trước. Những người lãnh đạo của đảng cộng sản đã mất khả năng đối thoại và khả năng hòa nhập với thế giới. Họ càng bị ám ảnh bởi cơn động đất dữ dội làm sụp đổ tan hoang Liên Xô và Đảng Cộng Sản Liên Xô cuối năm 1991, chỉ 5 tháng sau đại hội 7, và từ đó họ chỉ có một mục tiêu đặt lên trên hết: giữ quyền lực để thu vén đặc lợi. Càng có đặc lợi họ càng hám quyền lực. Bao nhiêu cho vừa túi tham và lòng tham! Họ đổi mới chỉ nhằm đích: thu vào đó la để kiếm chác. Họ cho phép làm mọi điều trừ việc đụng đến độc quyền của đảng. Họ nói đủ thứ: dân chủ, tự do, tuân theo luật pháp, đổi mới, giảm đói nghèo, xóa bất công, xã hội công bằng... cho người khác nghe cho bùi tai, còn họ, họ làm điều khác, những điều người dân thường đều biết tổng và có thể kể suốt ngày...

Một thay đổi rõ rệt, thực chất, "động trời" như ta thường nói thì phải có dấu hiệu báo trước. Chẳng lẽ việc công an khủng bố bà con đạo Hòa Hảo mấy ngày nay, chẳng lẽ một bộ trưởng văn hóa ký một lệnh cấm lưu truyền, thu hồi, thiêu hủy cuốn tiểu thuyết "Chuyện kể năm 2000" của nhà văn Bùi Ngọc Tấn (làm

các nhà văn hóa nhớ đến thời Tàn Thủy Hoàng xa xăm) lại là một dấu hiệu theo hướng từ bỏ độc đoán hay sao!

Hay là người cầm đầu nước Pháp, sau chuyến đi thăm Việt Nam của bộ trưởng quốc phòng Hoa Kỳ Cohen, muốn giành lại chút ít ảnh hưởng của nước Pháp ở châu Á mà Việt Nam được coi là nước chủ chốt của khối Pháp ngữ trong vùng để cho cân bằng, trong cuộc đọ sức bề bạn giữa Pháp và Hoa Kỳ trên trường quốc tế? Hay là phía Việt Nam đã ngó ý dành riêng cho Pháp một miếng mồi lợi nhuận được coi là rất béo bở về khai thác dầu, lọc dầu, viễn thông, làm đường bộ và đường xe lửa...? để che bớt sự vắng vẻ của nhà luật pháp ở Hà Nội do chính phủ Pháp tặng, mà các trí thức thủ đô và khách quốc tế đều nhún vai cười thầm mỗi khi đi qua!

Tôi đã gặp anh Ngụy Kinh Sinh khi ông Giang Trạch Dân thăm nước Pháp. Nhà dân chủ từng bị 17 năm tù rất hóm hỉnh. Anh cho rằng cách thức tổng thống Pháp đón ông Giang là quá lố, là vượt quá giới hạn của lễ tân. Một lâu đài đặc biệt, đón tiếp long trọng và thân mật, rồi khiêu vũ thượng đỉnh chéo (tổng thống Pháp ôm Giang phu nhân, đệ nhất phu nhân Pháp ôm ông Giang) trong nhạc du dương Beethoven! Những đặc ân quá đáng cho kẻ vẫn khảng định vụ tàn sát ở Thiên An Môn là cần thiết, rằng vụ càn quét hàng trăm vạn đồ đệ Pháp Luân Công là điều sáng suốt! Anh cho rằng những đặc ân quá mức ấy của phía Pháp là sự xúc phạm đối với dân Trung Hoa, và "trước mắt Giang và các lãnh đạo thủ cựu của Đảng Cộng Sản Trung Quốc hình như tổng thống Pháp đã mất đi đôi chút chiều 'cao và vẻ đẹp'."

Sẽ là điều vui nếu việc viếng thăm nước Pháp của ông tổng Phiêu được coi là một cái mốc về thời gian, đi cùng với việc tiến lên phía trước theo hướng tiến bộ của đảng cộng sản Việt Nam. Cùng chẳng có gì đáng buồn nếu đó chỉ là một kết quả của một cuộc mặc cả, nhân nhượng ma quái trên lưng của nhân dân Việt Nam bất hạnh. Vì điều quyết định là nhân dân Việt Nam thời mở cửa đã chán ngấy tới tận cổ nền độc đoán tội lỗi và sẽ tỏ rõ ý chí và sức mạnh vô tận của mình để đổi mới thật sự đất nước và nâng cao đầu hòa nhập thế giới văn minh.

Bùi Tín

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF  
Ngân phiếu xin đề  
**VIETNAM FRATERNITE**  
(xin đừng đề Thông Luận)  
Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
37 rue du Clos de l'Erable  
77400 Saint Thibault des Vignes,  
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:  
**Nguyễn Thanh Lương**  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:  
**Frankfurt Volksbank e G**  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
Konto-Nr: 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:  
**Thong Luan, P.O. Box 7592**  
**Fremont, CA 94537 - 7592**  
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**  
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan  
Braamlanden 76  
7542 CJ Enschede  
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52  
Giá báo một năm: 30 Euro,  
xin chuyển vào trương mục của hội:  
**Giro nr 6234112**

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:  
**Mrs. Vuong Bich Ngoc**  
36 Kallista Road  
Springvale Vic 3171

# Kết thúc để bắt đầu

Cao Ngọc Quỳnh phiên dịch

*LTS: Mười năm trôi qua kể từ ngày đại hội "Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan" lần cuối cùng (tháng 2-1990) quyết định tự giải thể để trở thành "Đảng Xã Hội Dân Chủ Cộng Hòa Ba Lan" (SdRP). Việc làm đó đúng hay sai, có ảnh hưởng như thế nào đối với các đảng viên, với toàn xã hội, đặc biệt là đến tiến trình cũng như hiệu quả đổi mới của Ba Lan? Xin hãy nghe đánh giá của chính các cựu đảng viên, các nhà nghiên cứu lịch sử và các nhà bình luận thời cuộc nổi tiếng của Ba Lan.*

*Bài này do phóng viên nổi tiếng Dominika Wielowieyska ghi chép và đăng trên báo "Bầu Cử", tờ báo lớn nhất ở Ba Lan, ngày 29-2-2000. Cao Ngọc Quỳnh phiên dịch và đặt các tiêu đề. Xin giới thiệu cùng bạn đọc.*

## Quyết tử để hồi sinh!

Kể từ những năm 1970 trở đi, Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan mất dần cộng sản tính ban đầu của nó, đồng thời ngày càng có khuynh hướng thiên về một đảng kiểu Dân Chủ Xã Hội. Vào giao thời những thập niên 1980 và 1990, đảng đã trở nên khác hẳn thời Bierut (1) hay Gomulka (2).

Thứ nhất, về mặt kinh tế, lúc đầu Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan thực hành ba giáo điều của chủ nghĩa xã hội hiện thực: sở hữu toàn dân, kế hoạch hóa và công nghiệp hóa. Chúng được kiên trì cho tới những năm 1960. Nhưng vào thập niên 1970, thời Edward Gierek (3), người ta bắt đầu lờ dần những nguyên tắc trên đi để thay thế bằng những đòi hỏi thực tế của cuộc sống. Các giáo điều đã trở thành không tưởng. Vào thập niên 1980 sự han rỉ của những nguyên tắc cơ bản của của đảng cộng sản càng trở nên sâu sắc và vì thế nó càng tiệm tiến thêm nữa về hướng dân chủ xã hội. Chủ thuyết "đa dạng hóa sở hữu" thay thế dần "sở hữu toàn dân". "Kế hoạch hóa" nhường bước dần cho "cơ chế thị trường" và "công nghiệp hóa" nhường chỗ cho sự phát triển hài hòa của mọi ngành nghề.

Thứ nhì, Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan, giống như các đảng cộng sản khác ở Đông Âu, khởi thủy có trách nhiệm chống lại thế giới bên ngoài, cụ thể là các nước Tây Âu và Hoa Kỳ. Tuy nhiên từ thập niên 1970 trở đi, hợp tác với phương Tây đã thay thế cho sự đối đầu. Kể từ ý thức hệ ngày nào giờ đã trở thành người bảo trợ, thành ông chủ nợ hữu hảo cho sự phát triển cũng như là nguồn cung cấp kỹ nghệ mới, v.v...

Thứ ba, và cũng là sau cùng, với thời gian, Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã dần dần bị trí thức và quan liêu hóa, đánh mất hẳn "bản chất giai cấp"

cần lao ban đầu. Giai cấp công nhân đã bị gạt ra rìa và chỉ còn được xem như đồ trang sức.

Tất cả những yếu tố trên cộng lại làm cho Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã không còn là một đảng cộng sản đúng nghĩa nữa ngay từ rất lâu trước khi bị giải thể. Trong thực tế nó giống với một đảng dân chủ xã hội hơn. Nghịch lý là ở chỗ Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan, trong suốt lịch sử tồn tại của mình, đã luôn luôn là một thực thể xa lạ ngay với chính những ý thức hệ tưởng như là "bất di bất dịch" mà nó tự tuyên bố phải trung thành.

Vì vậy, cuối cùng đảng hoàn toàn có thể tự tuyên bố rằng mình đã là một chính đảng dân chủ xã hội. Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo đảng lúc bấy giờ đã không muốn làm việc đó để tránh cho đảng mới sẽ thành lập, khỏi phải gánh vác tội lỗi và sai lầm của quá khứ. Chính vì thế họ đã quyết định cùng nhau giải tán đảng cũ và lập ra một đảng mới, mà thực tế chính là sự tiếp tục những công việc mà Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã làm trong những ngày tháng cuối cùng của mình. Sáng kiến này đã đưa đến những kết quả mỹ mãn. Mặc cho những cố gắng khác nhau về sau nhằm đổ tội các tội lỗi của quá khứ lên vai các đảng dân chủ xã hội (Đảng Dân Chủ Xã Hội Cộng Hòa Ba Lan - SDRP và Mặt Trận Nhân Dân - SLD), phần đông người Ba Lan đều cho rằng trong đời sống chính trị của đất nước, một đảng mới đã ra đời và lớn mạnh - tuy có gốc rễ cũ là Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan nhưng với rất nhiều yếu tố mới.

*Giáo sư Pawel Bozyk, nhà kinh tế học. Vào những năm 70 là trưởng Ban Cố vấn kinh tế của tổng bí thư Edward Gierek. Hiện nay không đảng phái.*

## Không bị bức tử thì không có oan hồn!

Việc giải thể Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã đánh một dấu chấm hết cho chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan. Không thể có chủ nghĩa cộng sản nếu thiếu chính đảng của nó. Tính chất tự nguyện của quyết định trên làm cho nó trở thành một việc không thể đảo ngược được. Tại các nước khác, nơi mà người ta cố ý giải tán hay bức tử các đảng cộng sản, lại chính vì thế, đôi khi vô tình làm cho nó giành lại được cảm tình của quần chúng hoặc thậm chí trở nên có ảnh hưởng mạnh hơn trước. Nếu như ở Ba Lan người ta cũng làm như thế thì có thể đã sinh ra những hậu quả tương tự và tình hình có lẽ sẽ trở nên rắc rối hơn nhiều.

Nhưng thực tế đã diễn ra khác. Sau khi tự giải tán, các cựu đảng viên Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã tìm thấy chỗ đứng mới của mình trong một thể chế chính trị dân chủ và nền kinh tế thị trường. Nhờ thế họ đã không trở thành mối đe dọa thường xuyên cho nền dân chủ mới còn non trẻ. Tuy rằng, đây đó, lúc này hay lúc khác, họ đã lợi dụng những móc ngoặc và địa vị cũ để thủ lợi cá nhân hay băng nhóm... nhưng, nhìn chung, phải nói rằng, nếu ai đó vào những thập niên 1970-1980 mong muốn đấu tranh cho một nước Ba Lan thực sự tự do, dân chủ và nhân quyền, có tự do kinh tế rộng rãi để hình thành một xã hội mở... thì ngày nay họ có thể thỏa mãn rằng đã thành công.

Còn những ai đã từng, vì các lý do khác nhau, ước muốn loại bỏ hẳn các công chức và những người có liên quan với chế độ cũ ra khỏi đời sống cộng đồng thì có thể cảm thấy bất mãn. Tôi không thấy thế dù rằng một số kiểu cách sinh hoạt chính trị hiện nay của các nhà hoạt động thuộc Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan cũ buộc ta phải đánh dấu

hỏi về mặt đạo đức và thẩm mỹ của họ - nói thẳng ra là kiểu "chơi bản"... Tất nhiên sẽ là tốt hơn nếu "cánh tả" Ba Lan không bị ràng buộc đến thế với "thi thể" của đảng cũ, nếu đứng đầu đảng mới không phải chính là các "lãnh tụ" của đảng cũ, nếu đừng quá "hoài cổ" nước Cộng Hòa Nhân Dân Ba Lan (chế độ cũ) đến thế và nhất là giá mà họ bớt bớt cơ hội đi... Tuy nhiên việc cứ hù dọa nhau bằng những "tàn dư cộng sản" hay các mối đe dọa khác như một số người đang làm hiện nay là hoàn toàn vô căn cứ. Tôi rất mừng là không có gì phải sợ sệt cả và luôn cố gắng đánh giá họ một cách khách quan theo đúng kết quả hoạt động thực tế của mỗi người.

*Janusz Majcharek, nhà bình luận chính trị, nhà báo.*

### Không phân biệt đối xử!

Mười năm đã trôi qua từ khi giải tán ĐCNTNBL. Không một ai phải hối tiếc về quyết định này - một bằng chứng về tính đúng đắn của nó. Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan là một bộ phận không thể tách rời của thể chế Cộng sản. Nó cần phải được chôn vùi cùng với những thất bại của chính chế độ ấy. Tuyệt đại đa số Đại biểu tham dự Đại hội đảng lần cuối cùng đều đã nhận thức được điều đó. Số người mù quáng muốn bảo tồn đảng bằng mọi giá chỉ là thiểu số. Kết quả của nhận thức đó không chỉ là việc giải tán đảng mà còn là sự tập hợp lại của rất nhiều đảng viên cũ trong một nước Ba Lan mới dân chủ và hoàn toàn độc lập. Nhờ đó mà Thủ tướng Tadeusz Mazowiecki (4) không phải lo ngại các nguy cơ của "bóng ma cộng sản" lờn vờn đây đó hòng "thọc gậy vào bánh xe" cải cách triệt để của chính phủ ông. Lòng nhiệt thành ủng hộ những cố gắng xây dựng chế độ mới mạnh mẽ tới mức hầu như làm át hẳn những bất mãn xã hội sinh ra bởi những hậu quả không thể tránh khỏi của cuộc cải cách kinh tế triệt để do giáo sư Balcerowicz (5) đề xướng. Nhưng có một điều rất quan trọng không thể không nói đến là việc xóa bỏ Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã xảy ra một cách êm thấm như thế chính là vì Ban lãnh đạo Công Đoàn Đoàn Kết và Chính phủ Mazowiecki đã không hề phân biệt đối xử với các cựu đảng viên của đảng cộng sản và không coi họ như là những công dân "loại hai". Mãi về sau

này một bộ phận được tách ra của "Công Đoàn Đoàn Kết" vừa bị phân liệt mới bắt đầu đòi hỏi "phi cộng sản hóa", thậm chí đòi đưa những người "vừa hồng vừa chuyên" của ngày xưa vào các vùng "cấm địa".

Sau khi giải thể Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan, các đảng viên cũ của nó đã gia nhập vào các đảng và các hội đoàn khác nhau. Đa số họ vẫn giữ lại thể giới quan "tả khuynh" của mình và trong hoàn cảnh mới họ tiếp nhận thêm những giá trị cũng như phương thức hoạt động mới theo kiểu các đảng dân chủ xã hội Âu Châu. Đáng tiếc là đã chưa có được một sự đánh giá, tổng kết rạch ròi với chủ nghĩa cộng sản trong quá khứ. Đây chính là một thiếu sót của quá trình cải cách. Những người, vì lý do này hay lý do khác, bị xúc phạm hay đã là nạn nhân của chế độ cũ chưa được nhìn thấy sự "sám hối", thậm chí chưa được nghe thấy cả những ý định làm việc đó từ phía đảng cộng sản cũ. Tôi cho rằng, giờ đây, sau 10 năm, là thời điểm thích hợp để thanh toán tồn đọng lịch sử này, để tất cả mọi người Ba Lan có thể tha thứ cho nhau, thanh thản, dịu nhau đi về tương lai.

*Giáo sư Tomasz Nalecz, nhà lịch sử, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Warsaw. Vào năm 1989 là một trong những thủ lĩnh của "Phong trào ngày 8 tháng 7". Hiện là phó chủ tịch đảng "Liên Đoàn Lao Động Ba Lan".*

### Những bà đỡ của tiến bộ!

Sau thất bại trong cuộc bầu cử tháng 6 năm 1998 của đảng cầm quyền, số phận của Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan coi như đã được quyết định, tuy nhiều người chưa kịp nhận thức được điều đó.

Ngày 8-7-1989, một số đảng viên đã cùng nhau lập ra "Phong Trào Cải cách" (sau này gọi tắt là "Phong Trào ngày 8-7") mà tôi có vinh dự là một trong những người sáng lập. Ngay từ đầu chúng tôi đã thống nhất với nhau là cần phải thay đổi đảng tận gốc rễ. Vài tháng sau, "Phong trào" đi tới kết luận là cần phải lập ra một chính đảng cánh tả mới. Vì, thứ nhất, Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan với vai trò là một đảng cầm quyền - trong bản thân nó chứa đựng những khuynh hướng chính trị cực kỳ khác nhau: từ quốc gia dân tộc, rồi xã hội dân chủ cho

tới phái tự do - đã không còn có lý gì để tồn tại trong các điều kiện của nền dân chủ đa nguyên. Thứ hai, Ba Lan cần có một đảng cánh tả thực sự theo tôn chỉ của các lý tưởng Xã Hội Quốc tế.

Việc giải tán Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan là sự chọn lựa hoàn toàn tự nguyện và dân chủ (lần đầu tiên trong suốt lịch sử tồn tại của đảng này) của các chính các Đại biểu tham dự Đại hội đảng toàn quốc, trong đó có sự đóng góp quan trọng của Bí thư thứ nhất Mieczyslaw F. Rakowski (6) và cộng sự gần gũi của ông, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Leszek Miller (7). Trong cuộc bỏ phiếu ấy "Phong trào ngày 8-7" đã có ảnh hưởng không nhỏ. Hầu như tất cả các thành viên của "Phong trào" đều được bầu đi dự Đại hội. Ngay trong quá trình hội nghị, nhóm xã hội dân chủ vừa mới được hình thành của chúng tôi đã có ảnh hưởng rất lớn. Kwasniewski, một thành viên của nhóm này đã trở thành thủ lĩnh của đảng mới.

Quyết định giải thể Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã được hình thành từ trước Đại hội. Đã có rất nhiều bàn cãi, tranh luận xung quanh vấn đề này. Dĩ nhiên có không ít người, nhất là trong ban lãnh đạo Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã không bao giờ chấp nhận được điều này. Tôi cho rằng rằng đây là quyết định hoàn toàn hợp lý khi những người "Cánh tả" cần phải có một "xuất phát điểm" mới trong bối cảnh thực tế đã hoàn toàn thay đổi. Lúc ban đầu chúng tôi nghĩ là sự phân liệt sẽ xảy ra theo kiểu: xã hội dân chủ hoặc cộng sản mới. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Ở Ba Lan - khác với nhiều nước khác trong khối - một đảng cộng sản kiểu mới đã không được sinh ra. Thay vào đó là sự hình thành của "Liên Đoàn Xã Hội Dân Chủ Ba Lan", phân chia phong trào đối mới theo tiêu chuẩn của các quan hệ riêng với Walesa hay với Công Đoàn Đoàn Kết. Tập hợp này tỏ ra thiếu sức và sau đó đã bị loại ra khỏi sân khấu chính trị.

Việc giải tán Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã đóng lại một trang sử của Ba Lan. Tôi không hoàn toàn chia sẻ quan điểm với một số chính trị gia cánh tả, đánh giá Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan như là một "trào lưu phản bội Dân tộc". Trong đảng này đã từng có nhiều người dùng cảm, tranh đấu quên mình vì nước Ba Lan trong Thế chiến hai

cũng như sau hiệp định Jaltar. Vào tháng 10-1956, chính những đảng viên cộng sản, như tướng Juliusz Hibner và Wacław Komar, đã chỉ huy quân đội cầm súng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Ba Lan trước sự can thiệp quân sự của Liên Xô...

Nhưng về mặt chính trị, Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã hết thời. Dĩ sản có giá trị nhất của nó chính là đảng Xã Hội Dân Chủ (SDRP) Ba Lan được sáng lập bởi các đại biểu của Đại hội cuối cùng của Đảng Cộng sản. Chính đảng Xã Hội Dân Chủ đã cứu "Cánh tả" khỏi sự sụp đổ hoàn toàn lúc bấy giờ. Như vậy, không phải Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan đã ra đi hoàn toàn "tuyệt tự".

*Giáo sư Jerzy Wiatr, nhà Xã hội học, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Warsaw. Vào những năm 81-84 là Giám đốc Viện Mac-Lê. Sau đó trong Ban lãnh đạo của Đảng Xã Hội Dân Chủ Ba Lan. Hiện ở trong Mặt trận Nhân dân (SLD). Bộ trưởng Bộ Giáo dục dưới thời thủ tướng Cimoszewicz.*

### Bình mới rượu... mới ?

Việc giải tán Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan và thành lập đảng Xã Hội Dân Chủ Ba Lan là một cuộc giải phẫu tài tình. Bởi nếu coi thực tế là thước đo chân lý thì rõ ràng cuộc "đại phẫu" đã thành công mỹ mãn. Bệnh nhân đã không chết. Một số người cho rằng bệnh nhân đã trở thành người khác, tuy có cùng một xương cốt ấy.

Những người sáng lập đảng xã hội dân chủ đã thành công trong việc khép lại quá khứ của đảng cũ - "đảng lãnh đạo" - đồng thời mở ra một trang mới trong lịch sử của mình: tham dự vào một sân chơi bình đẳng trong thể chế cộng hòa đa đảng. Giải tán đảng cũ đồng thời sáng lập ra đảng mới mà không hề làm gián đoạn hay rối loạn các mối liên kết với hàng nghìn các hiệp hội và các phe nhóm hay các tổ chức xã hội khác. Đó quả là một thành công rực rỡ.

Một đảng "tàn cổ giao duyên" kiểu như Đảng Xã Hội Dân Chủ Ba Lan là một sáng kiến tuyệt vời về mặt tâm lý. Nó là sự hội tụ của quá khứ đã qua với một tương lai đang tới; một cuộc lột xác không đơn giản của nước Cộng hòa Nhân dân Ba Lan, với sự tham gia của đa số nhân dân mang cùng nỗi sợ hãi trước một thị trường tự do cạnh tranh xa lạ và một viễn cảnh không rõ ràng. Đứng

trước những thách thức mà viễn cảnh đó gợi ra là hàng triệu người Ba Lan bình thường nhưng quả cảm, khao khát tự do... và, rất nhanh chóng, họ nhận ra được một ứng cử viên thuộc về đảng xã hội dân chủ, người mà họ nghĩ rằng có thể có đủ khả năng gánh vác được trọng trách, bất kể quá khứ cộng sản của mình (8)...

Chính đảng mới khi tự nhận mình là hậu duệ của đảng cũ, đương nhiên phải chấp nhận trả giá: không ngừng kiểm điểm lại với quá khứ, với sai lầm và thậm chí với tội ác của ngày xưa. Tuy nhiên, có thể nói là cùng đảng "đồng tiền bát gạo" vì, như thực tế cho thấy các lời kêu gọi "phi cộng sản hóa" v.v... đã không hề làm cho đảng này yếu đi. Lãnh đạo tập hợp mới này gồm toàn những người - như Aleksander Kwasniewski nói - được sinh ra sau khi Stalin đã chết. Họ là một thế hệ mới. Còn những người xưa "tội lỗi" hầu hết đã "khuất bóng" rồi... Và từ nay tất cả các sai lầm do đảng mới gây ra từ sau năm 1990 trở đi sẽ được ghi vào cuốn "Biên niên sử" của chế độ mới (tức nền Cộng Hòa Dê Tam) giống như mọi sai lầm của các đảng phái khác đang cùng sinh hoạt bình đẳng trên sân khấu chính trị của chế độ dân chủ này vậy.

*Giáo sư Wiesław Władysław, nhà lịch sử học, chủ nhiệm tuần san "Chính Trị".*

**Dominika Wielowiejska**  
*Cao Ngọc Quỳnh phiên dịch*

### Chú thích:

(1) Bierut Bolesław, nhà hoạt động cộng sản. Năm 1948, là Tổng bí thư đảng Cộng sản Ba Lan, được coi là người thân Liên Xô và là người chịu trách nhiệm về các cuộc thanh lọc xã hội Ba Lan theo chỉ đạo của Liên Xô. Chết tại Moscow.

(2) Gomyłka Władysław, nhà hoạt động cộng sản. Từ năm 1956 là Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan, bị buộc từ chức vào năm 1970 sau những cuộc nổi loạn của công nhân Ba Lan.

(3) Gierek Edward, nhà hoạt động cộng sản; từ tháng 12-1970 tới tháng 9-1980 là Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan. Bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị vào năm 1980 sau hàng loạt cuộc đình công trong cả nước. Bị khai trừ đảng năm 1981, hiện nghỉ hưu.

(4) Mazowiecki Tadeusz, luật sư, nhà báo, nhà hoạt động đối lập. Cố vấn của Lech Walesa và phong trào "Công Đoàn Đoàn Kết". Nhiều lần bị tù đày. Tham dự

"Hội nghị Bàn tròn". Thủ tướng không cộng sản đầu tiên của Ba Lan từ tháng 8-1989 đến tháng 12-1990. Hiện là người sáng lập và là chủ tịch "Liên Đoàn Dân Chủ" Ba Lan.

(5) Balcerowicz Leszek, giáo sư, nhà hoạt động chính trị, giảng viên trường Đại học Thương mại. Là tác giả của chương trình cải cách kinh tế triệt để được biết đến dưới tên "liệu pháp sốc" nổi tiếng. Hiện là phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(6) Rakowski Mieczysław Franciszek, cựu đảng viên cộng sản, nhà báo. Từ 1985 đến 1988 là phó chủ tịch Quốc hội Ba Lan. Từ tháng 9-1988 tới tháng 7-1989 là Thủ tướng. Từ 7-1989 tới 1-1990 là Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan.

(7) Miller Leszek, cựu đảng viên cộng sản, nhà hoạt động chính trị. Từ 1989 là Thư ký Ban bí thư, Ủy viên Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan. Từ 1-1990 đến 12-1997 lần lượt Bí thư thứ nhất, phó Chủ tịch rồi Chủ tịch đảng Xã Hội Dân Chủ Ba Lan, cựu Bộ trưởng Bộ lao động và chính sách xã hội... hiện nay là Bộ trưởng Bộ nội vụ và hành chính Ba Lan.

(8) Ý nói về việc Kwasniewski đã đánh bại thủ lĩnh "thần thoại" Công Đoàn Đoàn Kết Walesa trong cuộc tranh cử tổng thống tháng 12-1995.

### Mời tham dự

Trong khuôn khổ của *Nhóm nghiên cứu về lịch sử giải thực* thuộc Trung tâm Quốc gia Nghiên cứu Khoa học (CNRS của Pháp), kính mời quý vị tham dự buổi nói chuyện, tổ chức vào ngày

**Thứ ba 2-5-2000, từ 14 giờ 30,**  
**tại Institut d'histoire du temps présent,**  
**Ecole Normale Supérieure de Cachan,**  
**bâtiment Laplace, 61 avenue du**  
**Président Wilson, 94235 Cachan,**  
**salle 210, 2<sup>e</sup> étage**

- Giảng sư Pierre Brocheux sẽ thuyết trình về đề tài *Viện trợ của Trung Quốc cho Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hai cuộc chiến ở Đông Dương (L'aide chinoise à la République démocratique du Vietnam pendant les deux guerres d'Indochine)*.

- Sau đó là phần tham luận của nhà báo Bùi Tấn, tác giả cuốn sách mới xuất bản *1945-1999, Vietnam, la face cachée du régime*.

# Kịch bản cho thế kỷ 21

Trần Độ

Ta vừa trải qua thế kỷ 20 đầy biến động: nào chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nào chiến tranh thế giới lần thứ hai, nào bom nguyên tử, nào các cuộc cách mạng ở Nga, ở Trung Quốc, nào thế giới xã hội chủ nghĩa hình thành, các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở khắp thế giới, trong đó có cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam, nào cách mạng văn hóa Trung Quốc, diệt chủng ở Campuchia, nào sự chia rẽ và đánh nhau của thế giới cộng sản, nào sự tan rã của Liên Xô và thế giới xã hội chủ nghĩa, nào những thành tựu kỳ diệu của khoa học kỹ thuật, của vật lý, sinh học, sự tiến bộ phi thường của tin học, của điện tử, máy tính, rô bốt, v.v...

Vì thế, bước vào thế kỷ 21, ai nấy đều hồi hộp và lo âu, vừa lo âu vừa hy vọng nhìn về phía trước mà phán đoán. Đã có nhiều nhà tương lai học phán đoán; nhiều triết gia, nhiều nhà chính trị, nhà lý luận, nhà xã hội học cùng phán đoán.

Tôi cũng ngẫm nghĩ và phán đoán, nhưng tôi rất không đủ tri thức và thông tin để mà phán đoán. Tôi chỉ dựa vào sự hiểu biết hạn hẹp của mình về các phán đoán và ghi lại đôi điều. Tôi thấy hình như có thể có ba kịch bản cho thế kỷ 21 như sau.

## Kịch bản thứ nhất

Căn cứ vào điều tôi biết về một số nhà lý luận. Các nhà lý luận này hầu như không quan tâm đến các biến động chính trị xã hội đã và đang diễn ra ở thế giới. Các vị ấy rất trung thành và kiên định với tư duy "hai phe, bốn mâu thuẫn" và tính chất thời đại hiện nay là "thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới". Từ đó suy ra có thể có một kịch bản cho thế giới như sau:

Trong thế kỷ 21 sẽ lại có một nước nào đó vào loại to lớn, phát triển cao, nổ ra một cuộc cách mạng vô sản, thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, phát triển ra toàn thế giới và hoàn thành tính chất quá độ của thời đại.

## Kịch bản thứ hai

Cùng với tư duy như trên và có những

nhận định: sự tan rã của phe xã hội chủ nghĩa chỉ là thất bại tạm thời. Chủ nghĩa xã hội gặp phải bước thoái trào tạm thời.

Như vậy thì trong thế kỷ 21, sẽ có một sự phục hồi vĩ đại. Bốn nước xã hội chủ nghĩa còn lại (Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Cuba) sẽ là thành trì của sự phục hồi này. Phe xã hội chủ nghĩa sẽ hình thành trở lại và phát triển phồn thịnh, đánh bại phần còn lại của chủ nghĩa tư bản và hoàn thành thời đại quá độ, đưa toàn bộ thế giới và nhân loại lên thời đại xã hội chủ nghĩa.

Đây là tôi suy từ các lập luận của một số "nhà lý luận" hiện nay vẫn kiên định, và trung thành một cách đáng kính với tư duy cũ, mà không biết đến tư duy của nhân loại, nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân thế giới.

Tôi rất nghi ngờ rằng nhân dân ở một nước phát triển (tư bản) nào đó có nhu cầu đánh đổ chính quyền hiện tại và thay thế vào đó một chính quyền khác (xã hội chủ nghĩa). Tôi cũng nghi ngờ số người trong nhân dân Nga và các nước Đông Âu có nguyện vọng và nhu cầu phục hồi lại thể chế cũ. Tuy rằng không phải không có những người luyện tiếc cuộc sống cũ. Nhưng số người này liệu có đủ để làm được việc phục hồi không?

## Kịch bản thứ ba

Thực ra, chưa thể phác họa kịch bản này. Hiện nay ta đang ở thời kỳ từ thế kỷ 20 bước sang thế kỷ 21. Thế giới và nhân loại đang biến chuyển. Tất cả mọi người đều quan tâm tới xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, về văn hóa, về chính trị. Có xu thế toàn cầu hóa phát triển nhiều mặt và ngày càng mạnh, nhưng cũng có xu thế chống lại. Càng ngày càng nhiều sự kiện từ trước chưa hề có.

- Các nguyên thủ quốc gia có tội ác đều không thoát khỏi sự truy nã của pháp luật. Đã có tòa án hình sự thế giới.

- Có những xung đột sắc tộc, tôn giáo mà không phân xử nổi ai là phải, ai là trái, ai là chính nghĩa, ai là phi nghĩa (ở Châu Phi, ở Nam Tư, ở Trung Đông).

- Có những sự thay đổi chính trị ở một nước mà các nước ở khu vực hoặc trên toàn thế giới lại có ý kiến và có thể tác

động (nước Áo và Châu Âu).

- Bất cứ cuộc bầu cử ở một nước nào, đều được dư luận thế giới quan tâm và dư luận thế giới đều tỏ ra ủng hộ những người dân chủ, tiến bộ trúng cử, và số người này trúng cử ngày càng nhiều (Hàn Quốc, Indonesia, Chile, Equador, Croatia...).

- Chủ nghĩa xã hội tự hào với tính ưu việt của mình là quan tâm đến các vấn đề xã hội, bảo đảm lợi ích cho nhân dân lao động (Việt Nam được xếp vào loại khá về các chỉ số xã hội). Nhưng những vấn đề xã hội lại được giải quyết tốt hơn ở các nước tư bản phát triển. Vì ở những nước nào có điều kiện kinh tế, tài chính dồi dào hơn, và cùng ở các nước này giới cầm quyền buộc phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội mới ổn định được chính quyền và họ biết giải quyết tốt.

- Ở Việt Nam, đại đa số nhân dân chỉ mới có thu nhập cá nhân (thu nhập chứ không phải GDP) độ trên 10 đô la một tháng (150.000 đồng) thì dù có những cố gắng về mặt xã hội bao nhiêu cũng chưa thể coi là no đủ, hạnh phúc được. Vậy một xã hội tốt đẹp hơn, trước hết phải là một xã hội mà người đều được no đủ.

- Trào lưu dân chủ thế giới ngày càng phát triển, có tác giả nói từ năm 1970 trở về trước thế giới chỉ có 30 nước dân chủ. Nhưng từ năm 1970 sau 30 năm thì số nước dân chủ lên tới 75. Có tác giả nói hiện nay thế giới có gần 200 nước trong đó 65% là thuộc các nước dân chủ. Các nước xã hội chủ nghĩa (chính quyền cộng sản) không được xếp vào nước dân chủ, tuy các nước này vẫn tự nhận là dân chủ gấp triệu lần các nước tư bản, và tự nhận mình là nước có bản chất dân chủ cao nhất. Vấn đề dân chủ và nhân quyền là những vấn đề mà các nước phát triển cao đều nhấn mạnh. Nhưng các nước xã hội chủ nghĩa thì gọi là những âm mưu diễn biến hòa bình. Đồng thời các nước xã hội chủ nghĩa cũng phải nói đến dân chủ và nhân quyền, phải chứng tỏ mình có quan tâm đến dân chủ và nhân quyền, phải chống đỡ về các vấn đề dân chủ và nhân quyền. Trước dư luận thế giới, càng ngày cách cầm quyền và cai trị kiểu toàn trị độc tôn càng tỏ ra lạc hậu, càng bị chê cười và phê phán. Nước nào muốn hòa nhập với thế giới phải chú ý điểm này, không theo trào lưu dân chủ chung của nhân loại, trước hết là làm hại ngay đến tiến trình phát triển của nước mình.

Không thể cứ tự mình nói ngược đời, rồi lại tự khen mình là hay và đúng được.

- Ai cũng thấy là phải đưa xã hội loài người đến chỗ tốt đẹp hơn, đều mong muốn như thế. Nhưng xã hội tốt đẹp hơn ấy có phải nhất thiết là theo chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản lãnh đạo hay không?

Có lẽ Mác đã dự đoán đúng là sau chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ có một chế độ xã hội tốt đẹp hơn và hiện nay xã hội loài người đang biến chuyển tiến lên theo chiều hướng đó, hướng tốt đẹp hơn.

Đã có nhiều học giả dự đoán xã hội tương lai là xã hội "hậu tư bản chủ nghĩa" và "tân tư bản chủ nghĩa" là xã hội "văn minh thứ ba", xã hội "hậu công nghiệp", xã hội "văn minh tin học", "văn minh trí tuệ"... Chưa ai thống nhất được quan niệm và cách gọi. Các xã hội tư bản chủ nghĩa đang biến hóa và tiến tới một xã hội không còn là tư bản chủ nghĩa, tức là tiến tới cái không phải là nó nữa. Hiện nay có nhiều nước về kinh tế và chính trị thì đúng là tư bản chủ nghĩa nhưng nhiều mặt xã hội có những nét tốt đẹp mà không một nước gọi là xã hội chủ nghĩa nào so sánh được (về giáo dục đào tạo, về y tế, về người già, người thất nghiệp).

Vậy một xã hội tương lai tốt đẹp hơn là một xã hội thế nào? Nếu có là một xã hội chủ nghĩa chăng thì nhất định không phải là xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô, không phải là xã hội chủ nghĩa kiểu trại lính được.

Và để tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn ấy có nhất thiết phải trải qua cách mạng bạo lực và đổ máu không? Có nhất thiết phải có "lật đổ" không? Nhân loại có chấp nhận sự đổ máu không?

Nước Việt Nam hiện chưa phải là xã hội chủ nghĩa mà muốn tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn có nhất thiết phải "đổ máu" và "lật đổ" không? Có thể tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn bằng tiến hóa hòa bình không? Cái gọi là âm mưu "diễn biến hòa bình" có thật không? Không chấp nhận thế lực ở ngoài dùng diễn biến hòa bình để lật đổ.

Nhưng bản thân ta phải tiến hóa hòa bình để tiến lên. Ta cần tiến hóa, vậy ta có cần phải có nhiều kẻ thù để mà tiêu diệt và trấn áp không? Thậm chí, cứ nhất thiết bắt cả nước và toàn dân phải tôn thờ một học thuyết, một trật tự khe khắt thì đất nước phát triển không? Ai cũng thấy kinh nghiệm hiển nhiên của các nước

gần ta không phải như vậy, kinh nghiệm đó rõ rệt nhất là ở Đài Loan, Hàn Quốc và Singapore.

Việc quan trọng nhất bây giờ là phải hòa nhập để đưa xã hội tiến lên hay cứ phải "ổn định bằng bất cứ giá nào"?

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào đất nước phát triển và nhân dân được tự do hạnh phúc.

Vậy cái gì trở ngại cho điều đó thì phải khắc phục. "Bằng bất cứ giá nào" và "vô điều kiện" là những yếu tố của đấu tranh "quyết tử cho tổ quốc quyết sinh".

Ngày nay điều kiện tiên quyết để quyết định chính sách là làm thế nào cho dân tự do và đất nước phát triển. Chỉ có tự do cho dân thì đất nước mới phát triển được. Điều đó đúng cả về kinh tế, chính trị và văn hóa và cả đối ngoại nữa.

Kịch bản thứ ba là không phác họa được, nhân loại đang viết cho mình kịch bản đó.

Một xã hội tương lai tốt đẹp hơn là điều nhất định sẽ tới. Nhưng xã hội đó như thế nào và nó sẽ đến như thế nào, bây giờ cũng chưa ai biết được. Mác cũng chỉ mới phác được những nét chung và ngày còn sống Mác và Ăngghen cũng thấy rằng phải viết thêm và viết lại về vấn đề này. Cho đến nay ta thấy nhân loại đang tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn đấy, nhưng cũng chưa thể phác họa cụ thể và đặt tên được. Ta có thể có một niềm tin vào tương lai, nhưng không nên vẽ ra một hình thức, tự mình tưởng tượng rồi đặt tên bừa bãi cho nó rồi nhắm mắt tin vào đó và tự khen là kiên định, kiên trì và bản lĩnh cao. Cuộc sống đang và càng ngày càng phá vỡ nhiều giáo điều. Sống với những giáo điều cứng nhắc là lừa dối mọi người và tự lừa dối mình.

Nên có một kịch bản thứ ba.

Nước ta chỉ cần thực sự thực hiện những khẩu hiệu ta đã nêu ra, như bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế, về chính trị, về văn hóa; thực sự dân chủ hóa theo đúng hiến pháp, thực hiện đúng chính sách "làm bạn với tất cả các nước", thì ta có thể hòa nhập với thế giới và gặp gỡ kịch bản thứ ba của nhân loại. Đó cũng là định hướng bảo đảm cho sự phát triển đất nước phù hợp với kịch bản này; chứ nhất định không thể gò vào những tín điều cứng nhắc nào. Vì bây giờ loài người đã ở vào thế kỷ 21; thế 20 đã đi vào quá khứ rồi.

**Trần Độ**

## **Đính chính**

LTS: Một độc giả ở Nga đã cho chúng tôi biết một số chi tiết sai trong bài viết *Người Việt ở Nga* của bà Phạm Thị Minh Huệ, đăng trên Thông Luận số 135. Thay mặt tác giả chúng tôi xin cảm ơn và xin đính chính cùng bạn đọc (theo trật tự bài viết):

1) ...*Năm 1993, tôi mời con gái tôi theo giấy mời của Viện Địa Lý do Viện Hàn Lâm Khoa Học Nga cấp. Khi tôi mang giấy mời lên phòng quản lý lưu học sinh của sứ quán Việt Nam thì ông Vũ Đình Huỳnh, trưởng phòng quản lý lưu học sinh, và ông Nguyễn Văn Chấn không chịu giải quyết. Cuối cùng tôi phải qua "thông qua dịch vụ" mới mời được con gái tôi sang.*

- Vũ Đình Huỳnh là tên của thân sinh ra ông Vũ Thu Hiền. Trần Văn Huỳnh mới thực là trưởng phòng quản lý lưu học sinh  
2) ...*Anh Chí Béo, tức Phạm Thành Trí, ở Đôm 5, vì vợ ở Việt Nam phải trốn sang Nga là người tham gia chiến dịch lừa đảo này. ....Đôm 5 cũ lúc đó nổi tiếng toàn liên bang. Chí Béo Phạm Thành Trí đã nổi danh một thời.*

- Trí béo chứ không phải Chí béo. Người ta thường không dùng chữ "anh" đi kèm.

3) ...*Đến tháng 3-1992 thì Đôm 5 cũ bị sụp vì tiến sĩ toán học Nguyễn Văn Đông làm vàng ngay trong Đôm chẳng may lơ dềnh làm nổ bình ất xít, xập cả tòa nhà và anh Đông chết ngay tại chỗ. Chuyện vỡ lở, chính quyền Nga đóng cửa tất cả những nơi buôn bán cũ của người Việt trong Đôm.*

- Ngày 03-1992 xảy ra sự cố thuộc về nghiên cứu sinh Lâm Phương Đông, chủ của căn phòng 637 thuộc Đôm 5 cũ. Anh Đông chết, phòng 37 tầng 6 (gọi là 637) bị hư hại nhẹ nhưng không phải là "xập toà nhà" như chị Huệ miêu tả.

4) ...*Có một số đường dây qua bà Thanh Vẻ, tên thật là Phạm Thị Thanh, vợ của Nguyễn Văn Nga, nhân viên sứ quán.*

- Nguyễn Văn Nga thuở xa xưa hình như có làm việc ở Ban Lao động thuộc sứ quán. Từ 1992 lúc họ kinh doanh vé máy bay và chó cảnh, thì họ không còn dính líu gì đến sứ quán.

5) ...*Có những người chuyên viết luận án thuê như Thúc Loan, tiến sĩ hóa học đầu tiên ở miền Bắc Việt Nam, và Bá Linh thuộc Viện Khoa Học Việt Nam lưu vong sang.*

- Nguyễn Thúc Loan là tiến sĩ điều khiển

(Xem tiếp trang 24)

# Hai mươi lăm năm nhìn lại

Trần Bình Nam

Một vị chủ báo khả kính yêu cầu tôi viết cảm nghĩ khi nhìn lại 25 năm trôi qua từ khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt. Tôi bỗng lo sau khi nhận lời viết. Con xúc động của chiến tranh còn nóng hổi, vết thương của cuộc nội chiến còn đỏ ửng làm sao có thể nhìn lại một cách vô tư?

Sách Việt ngữ viết về cuộc chiến Việt Nam và hậu quả khá nhiều, trong nước ít nhất mười cuốn, ngoài nước đến năm bảy chục cuốn. Hầu hết để trình bày cái hay cái giỏi và thành tích của tác giả dù thắng hay bại. Họ hoàn mới có vài tiếng nói yếu ớt phản ảnh nỗi buồn của cuộc chiến tương tàn mà chúng ta ở cả hai bên đều là nạn nhân.

Về phía Mỹ trong 25 năm qua các học giả Mỹ viết hàng trăm cuốn sách nói về chiến tranh Việt Nam vừa để ghi lại sự kiện lịch sử vừa rút kinh nghiệm cho tương lai. Ông Douglas Pike, cũng là một chuyên viên về quan hệ Việt-Mỹ nhận xét rằng lúc này người Mỹ khó có một cái nhìn chính xác về sự lâm chiến của Hoa Kỳ tại Việt Nam vì sự xúc động vẫn còn. Theo ông Pike ít nhất vài chục năm nữa may ra Hoa Kỳ mới có một kết luận đúng đắn về bài học Việt Nam. Ông Robert McNamara, nguyên bộ trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ, người điều hành cuộc chiến Việt Nam, sau 20 năm nhìn lại tưởng như đã thấy hết vấn đề vôi vàng viết mấy cuốn sách để dạy mình và dạy người và mấy năm trước đây thực hiện một chuyến đi Hà Nội để thu thập dữ kiện nơi kẻ cựu thù chỉ làm cho vấn đề rối mù hơn. Không nói đến sự nóng vội và hời hợt của ông McNamara, thậm trọng như ông Pike cũng còn quá lạc quan nếu nhớ rằng hiện nay, 135 năm sau ngày cuộc nội chiến Hoa Kỳ chấm dứt, người Mỹ còn cãi cọ nhau vì trên tòa nhà hành Pháp của tiểu bang South Carolina, tiểu bang đầu tiên quyết định tách ra khỏi Liên Bang Hoa Kỳ đưa đến cuộc nội chiến, vẫn còn cấm ngọn cờ của phe miền Nam thất trận.

Nhưng đã nhận lời thì tôi phải cố nhìn lại, gắng nhìn lại 25 năm qua một cách thật trung thực dù bản thân tôi vẫn còn những xúc động, nói chi đến những xúc động của bạn bè thân thiết của tôi. Và tôi biết tôi không thể viết những gì tôi thấy khi nhìn lại mà không làm người Việt Nam ở bên

này hay bên kia buồn lòng và chính bản thân tôi cũng nhức nhối xốn xang.

Hãy ngược nhìn lên bán đảo Triều Tiên. Tình hình Triều Tiên vào những thập niên 1950, 1960 giống tình hình Việt Nam. Hai nước chia đôi Quốc và Cộng, một bên được Mỹ ủng hộ, bên kia có khối Cộng sau lưng. Hà Nội và Bắc Triều Tiên đều quyết tâm thôn tính cả nước. Năm 1975 Hà Nội chiếm miền Nam, trong khi nam Triều Tiên lúc này vẫn còn là một nước tự do và nhất là trở nên hùng mạnh, có một nền kinh tế làm cho Nhật Bản và thế giới Tây Phương phải kính nể và có thể tự bảo vệ không cần Hoa Kỳ trợ giúp.

Tại sao có sự khác biệt? Không phải tại Hoa Kỳ bỏ rơi miền Nam như bao năm chúng ta vẫn tự an ủi. Hoa Kỳ có thể sai lầm về chiến lược chiến tranh nhưng Hoa Kỳ không hề muốn thua trận. Miền Nam đã thua vì miền Nam thiếu lãnh đạo chính trị. Những người lãnh đạo của chúng ta từ ông Ngô Đình Diệm đến ông Nguyễn Văn Thiệu quá tầm thường, không so sánh nổi với Park Chung Hee.

Nhưng ít nhất hòa bình đã trở lại và đất nước được thống nhất. Hơn 60% dân số Việt Nam hiện nay là thanh thiếu niên tuổi dưới 30 được hưởng thanh bình, không trải qua thống khổ chiến tranh như cha anh. Nhìn chiến tranh giết chóc và tàn phá ở Bosnia, Kosovo và Chechnya chúng ta thấy được sống trong hòa bình là may mắn. Khói lửa tại Việt Nam đã mang lại quá nhiều khủng khiếp và tang thương.

Gần 150.000 người bỏ nước ra đi năm 1975 và đến nay có hơn 1 triệu 500 ngàn người Việt lưu vong. Khắp mọi ngõ ngách trên thế giới người Việt Nam chứng tỏ có khả năng. Người Việt đã đóng góp xứng đáng vào quốc gia đang sống, và hấp thụ tối đa vốn liếng khoa học của nước người. Nhưng vốn liếng đó có hữu ích cho quê cha đất tổ không thì phải còn chờ. Nếu trong vài thế hệ con cái chúng ta sinh ra ở hải ngoại quên tiếng nói, không định được Việt Nam nằm đâu trên bản đồ thế giới thì sự lưu vong đó phỏng có ích gì. Có lý do để lo lắng. Chúng ta có khả năng bắt chước nhưng không có khả năng tích lũy vì thiếu vốn liếng văn hóa. Câu chuyện sau đây cách đây 42 năm vẫn còn làm tôi suy nghĩ. Khoảng tháng Tư năm 1958

nhân đến Phi Luật Tân tôi đến thăm một người bạn đang học tại trường đại học canh nông ở Los Banos gần thủ đô Manila. Trường canh nông Los Banos có nhiều sinh viên các nước Á Châu đến học, trong đó có cả sinh viên Nhật Bản. Trường đang thực hiện ngày văn hóa cổ truyền của các quốc gia có sinh viên du học, và các sinh viên Việt Nam trong đó có bạn tôi đang lo sốt vó. Trong khi sinh viên các nước Lào, Miên, Triều Tiên, Trung Hoa, Nhật Bản... ung dung tập lại điệu vũ dân tộc mà họ đã biết từ hồi thơ ấu thì các sinh viên Việt Nam không biết múa điệu gì. Chẳng có điệu vũ nào là điệu vũ Việt Nam. Loay hoay mãi sau cùng Việt Nam múa nón. Một vài sinh viên sinh trưởng ở Hà Nội còn biết chút ít múa nón là gì, sinh viên gốc miền Nam và miền Trung thì mù tịt. Cuối cùng tôi thấy các anh chị sinh viên xào nấu sáng tạo ra điệu múa nón (Tàu nhiều hơn Việt) để góp mặt với làng nước Á Châu.

Nhìn qua truyền thống dân chủ của các nước Âu Mỹ nơi đa số người Việt lưu vong đang sống chúng ta cũng đã học được rất ít hay chưa học được gì. Bất đồng ý kiến, cãi nhau tận lực là dân chủ, nhưng sau khi đã có ý kiến đa số thì hòa bình trở lại để thực hiện hay thi hành quyết định chung dù trong cái chung đó không có mình, đó là dân chủ. Không vì cãi nhau mà hiềm khích là dân chủ. Sống trong truyền thống đó chúng ta thường làm khác. Ý của anh thì anh làm đi, không có tôi. Cho nên hội đoàn từ 10 xuống 7 người, rồi từ 7 xuống 4 người, cứ thế hội tan, hay chỉ còn ông chủ tịch.

Cộng đồng chúng ta do đó không mạnh dù danh nghĩa không thiếu: Hai hội cộng đồng đại diện người Việt trên toàn thế giới, ba hội cộng đồng đại diện người Việt tại Hoa Kỳ, và không nước nào không có ít nhất vài hội. Vì vậy tiếng nói của người Việt hầu như không có trọng lượng trong các cuộc bầu cử địa phương. Tiểu bang California có gần một triệu người Việt, có thể có hơn 150.000 phiếu. Nếu ai cũng ý thức đi bầu và dồn phiếu được người Việt tại California có thể làm thay đổi sự thắng bại của ứng viên Dân Chủ hay Cộng Hòa tại bang nhà, chuyển 54 phiếu cử tri đoàn của tiểu bang cho ứng cử viên được ủng hộ. Và trong một cuộc bầu cử ngang ngửa toàn quốc con số cử tri đoàn này có thể làm thay đổi kết quả cuộc bầu cử tổng thống tại Hoa Kỳ. Dù chỉ là giả thuyết, sự tính toán trong khuôn khổ của Hiến Pháp Hoa Kỳ như vậy cũng đủ

làm cho người lãnh đạo Hoa Kỳ phải quan tâm đến quan điểm chính trị của người Việt tị nạn cộng sản tại Hoa Kỳ, không cần phải xuống đường đả đảo các đoàn tuyên truyền văn hóa do chính quyền Hà Nội cử ra nước ngoài, cũng chẳng cần phải tẩy chay sinh viên trong nước được Hà Nội gởi ra ngoài học. Sinh viên được gởi ra nước ngoài đều thuộc thành phần có thể lực của đảng cộng sản. Cộng đồng hải ngoại càng xưa đuổi họ bao nhiêu họ càng thấy chính sách của cha anh họ trong nước là đúng, và khi có cơ hội cầm quyền họ sẽ trở nên bảo thủ hơn. Chẳng lợi gì về lâu về dài cho đất nước.

Câu chuyện đáng buồn nhất về nạn ham danh của người Việt là chuyện Văn Bút Việt Nam hải ngoại. Là một thành phần được hội Văn Bút Quốc Tế công nhận, tiếng nói của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại một thời rất có trọng lượng về các vấn đề nhân quyền tại Việt Nam và trong các cuộc tranh đấu cho các nhà văn, nhà thơ bị đàn áp trong nước. Do danh vị đó nên có sự tranh dành chức chủ tịch bằng những thủ thuật thiếu dân chủ. Khoảng giữa thập niên 1990 Văn Bút Việt Nam hải ngoại bị xé làm đôi. Hội nào cũng vận động để được Văn Bút Quốc Tế công nhận. Nhưng Văn Bút Quốc Tế không nhận hội nào, chỉ khuyên hai hội dàn xếp với nhau trước khi bàn đến tư cách hội viên của Văn Bút Quốc Tế. Hiện nay các hội Văn Bút Việt Nam vẫn còn, nhưng tiếng nói quốc tế thì... im luôn!

Ngoài ham danh, thiếu tự tin là một đặc tính khác của người Việt. Gần như có một điều tin tưởng hằn sâu trong trí người Việt là "ngoài ta ra" không ai có thể làm gì khá cả. Tại hải ngoại đoàn thể nào làm được việc gì đáng kể đều bị nghi ngờ có bàn tay của ai đó sau lưng. Bàn tay có thể là Mỹ hay cộng sản tùy theo phẩm chất và hướng làm việc của đoàn thể đó.

Thiếu khoan dung và nóng vội là hai đặc tính khác. Khoảng thập niên 1980, nhóm Thông Luận, một nhóm trí thức tại Pháp bị kết án thân cộng vì đường lối giải quyết bế tắc dân tộc của họ là "Hòa giải" và "bất bạo động". Thế nhưng, chỉ cần đọc tài liệu đúc kết cơ sở lý luận của Thông Luận được phổ biến rộng rãi thì có thể thấy Thông Luận chống độc tài cộng sản có lập trường vững chắc làm cho những người cầm quyền tại Hà Nội lo âu. Sự "hiểu lầm" này đến hôm nay vẫn còn bàng bạc đâu đó mặc dù tình hình cộng sản quốc tế và Việt Nam đã thay đổi từ cuối thập niên 1980 cho thấy nhóm Thông

Luận nhìn xa và đã nhìn được vào cốt lõi của vấn đề đấu tranh tái lập dân chủ tự do cho đất nước. Thông Luận bây giờ đã trở thành "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên."

Nhìn lại, chúng ta thấy chúng ta đã không đóng vai người thua trận tốt như người Nhật. Năm 1945 sau khi đánh bại và chiếm đóng Nhật, người Mỹ sợ nhất là dân chúng Nhật giết lính chiếm đóng. Nhưng không, cả nước Nhật im lặng bên cạnh quân đội viễn chinh Hoa Kỳ, chấp nhận bản Hiến Pháp do ông tướng McArthur viết ra, đóng vai kẻ thua trận biết tự trọng, ra đường tránh xa quân nhân Mỹ để họ khỏi nghi ngờ, gái Nhật không ồ ạt đi làm diêm cho lính Mỹ, và bắt tay vào công cuộc xây dựng kinh tế. Ba mươi năm sau Nhật là một lực lượng kinh tế chỉ đứng sau Hoa Kỳ và hơn cả Âu Châu hợp lại. Người Nhật thua trận được sự kính nể của cả thế giới.

Người Tây Phương, ít nhất là người Pháp, người Mỹ và người Nga, khi tiếp xúc với người Việt họ thấy một điều kỳ lạ. Dân tộc độc nhất vô nhị trên thế giới từng đánh thắng quân Nguyên, đoàn quân mà "gót ngựa đến đâu cỏ không mọc nổi ở đó", đánh thắng đế quốc Pháp và mới đây đã thắng quân đội Mỹ lại là một dân tộc nhiều tự ti mặc cảm. Ai chúng ta cũng gọi là thằng (thằng Tây, thằng Mỹ, thằng Nga), nhưng trong thâm tâm chúng ta sợ Tây, sợ Mỹ lẫn sợ Nga. Hồi Pháp thuộc tên có đeo theo chữ Pháp Joséphine, George, Robert... mới là sang. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam từ 1955 đến 1975 quân đội miền Bắc được trang bị bằng vũ khí Nga, quân đội miền Nam bằng vũ khí Mỹ, chiến lược chiến tranh do tướng Nga và tướng Mỹ vạch ra từ Mạc Tư Khoa và Hoa Thịnh Đốn.

Thời kỳ phóng tay phát động quần chúng tiêu diệt địa chủ ở miền Bắc những năm 1954-1955 là tệ hại nhất. Đảng cộng sản Việt Nam thanh lọc địa chủ theo công thức của Trung Quốc. Số địa chủ cần phải giết do cải cách địa phương thiết lập sau khi làm việc với bàn cổ nông. Tại Trung Quốc số địa chủ cao hơn ở Việt Nam, nên khi thấy tỉ số địa chủ bị giết thấp, cố vấn Trung Quốc đề nghị tăng lên thì đảng cộng sản Việt Nam răm rắp tuân theo, ra lệnh cho các đội cải cách tăng số người bị đấu tố, làm không biết bao nhiêu nông dân thuộc thành phần trung nông bị giết oan.

Đảng cộng sản nếu kể từ thời chống Pháp gồm những thành phần ưu tú yêu nước thì bây giờ chỉ biết quyền lực mà

quên tương lai lâu dài của dân tộc. Họ "đổi mới" để qua sóng gió quốc tế nhưng vẫn không chịu thực hiện những cải cách dân chủ cần thiết vì thiếu tự tin và sợ dân. Chính sách đó làm giới trẻ mất lòng tin vào tương lai của đất nước. Thanh thiếu niên Việt có chút khả năng và điều kiện tìm cách chạy ra nước ngoài. Chết xám Việt Nam mất dần không thấy có tương lai trở lại như ngày trước người Nhật ra đi học hỏi của người để mở mang đất nước.

Một hôm tôi đến thăm một họa sĩ khá kính. Anh tốt nghiệp Trường Mỹ Thuật Paris và sống tại quận Cam, California. Chúng tôi nói về đất nước. Câu chuyện chuyển sang nói về tình hình kinh tế hậu chiến của Việt Nam. Tôi lạc quan nhận xét rằng tình hình yếu kém hiện tại do hậu quả của chiến tranh và thiếu dân chủ tại Việt Nam. Thời gian sẽ hàn gắn vết thương chiến tranh và dân chủ sẽ tới bằng cách này hay cách khác. Lúc đó chúng ta sẽ hùng mạnh như Nhật Bản thôi vì so sánh mọi mặt về con người, về lịch sử, chúng ta không thua sút gì Nhật Bản, nếu không muốn nói chúng ta có lợi thế hơn về thời tiết, đất đai và biển cả. Người bạn tôi trầm ngâm, rồi lắc đầu bảo tôi: "Không đơn giản như thế đâu anh. Người Nhật khác chúng ta. Họ có một thú truyền thống và một tinh thần chúng ta không có, dù chúng ta hay nói về truyền thống và chiều dài của văn hóa Việt Nam". Tôi do dự không tin. Nhưng thời gian làm cho tôi thấy nhận xét của người họa sĩ có lý.

Tôi có một người bạn khác ở làng Thanh Minh thuộc quận Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Trước năm 1975 vì chiến tranh anh phải về sống tại thị xã Nha Trang. Giác mộng của anh là khi hết chiến tranh về quê, đêm hè mắc võng ngoài vườn ngủ nghe tiếng đẽ kều. Chiến tranh chấm dứt anh chưa kịp về quê đã phải đi học tập cải tạo rồi sau đó vượt biên. Liên Xô sụp đổ, chế độ cộng sản Việt Nam cởi mở cho phép người Việt về thăm nhà. Tôi hỏi anh, khi nào về thăm quê để nghe tiếng đẽ kều. Anh trả lời: đất nước còn quá nhiều mâu thuẫn còn lòng dạ đâu nghe tiếng đẽ kều.

Tôi băn khoăn, ngoảnh cổ nhìn lại 25 năm trôi qua hướng nào cũng thấy bế tắc, trong cũng như ngoài, kẻ thắng cũng như người bại. Tôi buồn, nhưng tôi vẫn tự hào là người Việt.

Và tôi lần thẩn tự hỏi: Hay là nhiệm sắc thể của dòng máu Việt có vấn đề?

Trần Bình Nam



# Nhận diện về chủ nghĩa cá nhân

Diệp Tường Bảo

"Tìm hiểu, đánh giá và phổ biến một cách hệ thống những giá trị của nền văn minh Tây phương cũng như tình trạng du nhập tự nhiên hiện có trong văn hóa người Việt". Đề xướng đầu năm của anh Vũ Thiện Hàn (*Thông Luận*, 1-2000) rất chí lý nhưng liệu để thực hiện công trình tư tưởng thiết yếu này, người Việt chúng ta có sẵn sàng từ bỏ những thái độ cường điệu nói cho được và áp dụng tinh thần khoa học khách quan không? Đây không phải là một mối lo ngại không có cơ sở nếu chúng ta nghĩ đến những "sáng chế" quái gở, nào là "tự do tập thể", nào là "nhân quyền Đông phương", khi thì để biện minh cho một nền chuyên chế đã mất tất cả chánh đáng, khi thì để bào chữa cho một chế độ đã chết vì không biết tiến hóa. Trong một bài viết gần đây, anh Nguyễn Thành Nhân (*Thông Luận*, 11-1999) có nhắc đến kết quả của một cuộc thăm dò ý kiến theo đó, chủ nghĩa cá nhân là một giá trị hạng đầu của người Tây phương trong khi đó chỉ là một mối quan tâm phụ đối với người Á châu. Điều bất ổn với kết luận này, là nhìn xung quanh chúng ta, ai nấy cũng có thể kiểm xét rằng sự liên đới có mặt nhiều trong những xã hội Tây phương hơn là những nước Á Đông, dù trên bình diện nhà nước hay qua những sinh hoạt của xã hội dân sự. Lý do vì "phú quý sanh lễ nghĩa" hay bởi lẽ ngược với những gì người ta thường tưởng, chủ nghĩa cá nhân không dính dáng gì với lòng ích kỷ mà ngược lại là nền tảng của tất cả những tiến bộ nhân xã hiện đại, nhân quyền, dân chủ và cuối cùng là tinh thần tập thể?

## Chủ nghĩa cá nhân trong các xã hội xưa

Chủ nghĩa cá nhân là nhân sinh quan đặt xã hội dưới sự lệ thuộc của cá nhân, mỗi cá nhân là một thực thể luân lý độc lập, tập thể xuất phát từ sự kết hợp của những cá nhân, do đó, không có một căn bản chánh đáng nào khác ngoài sự ưng thuận của các cá nhân. Ngược với chủ nghĩa cá nhân là chủ nghĩa toàn thể (*holisme*) theo đó, con người chỉ là một thành phần của xã hội, ở ngoài tập thể,

một cá nhân không có ý nghĩa hơn một bộ phận tách khỏi cơ thể. Đạo Bà La Môn là một ví dụ điển hình của chủ nghĩa toàn thể: Ấn giáo phân chia loài người thành những đẳng cấp (*varna*), mỗi đẳng cấp là hiện thân của một cơ quan của đấng tạo hóa Bà La Môn với những mức độ tinh khiết khác nhau. Sự phụ thuộc vào một đẳng cấp hoàn toàn do việc kế thừa và là tuyệt đối, không có một hành động hay một công trình nào có thể lôi kéo con người ra khỏi đẳng cấp của mình: tuy rằng nước Ấn Độ hiện đại đã hủy bỏ chánh thức hệ thống đẳng cấp và đã sản xuất được khá nhiều phần tử tài giỏi xuất thân từ từng lớp tiện dân, truyền thống Ấn giáo vẫn xem những người này như những kẻ "tù ố" có bản phận tránh né những người thuộc các đẳng cấp "thanh khiết".

Mặc dầu Ấn giáo là một trường hợp thái cực, người ta có thể coi rằng tất cả những xã hội xưa ít nhiều đều thuộc mô hình toàn thể. Kể cả những nền "dân chủ" Nhã Diên và La Mã với những phân biệt khắc nghiệt giữa công dân và nô lệ hay quý tộc và bình dân. Nhà nhân chủng học Dumézil đã chứng minh rằng điểm chung của các nền văn minh Ấn-Âu đại cổ là sự phân chia xã hội theo ba đẳng cấp, giáo sĩ, chiến sĩ và thành phần sản xuất (giới công-nông). Nhựt Bản cũng có một cơ cấu xã hội tương tự và điều đó đã khiến cho nhà sử học Baechler so sánh tiến trình hiện đại hóa Nhựt Bản với các nước Âu châu. Ở các nước Nho giáo khác, hệ giá nghề nghiệp sĩ-nông-công-thương-binh có thể tóm thành biện chứng quân tử - tiểu nhân thường được dùng để quy định chỗ đứng và mối quan hệ giữa các thành phần thống trị và bị thống trị: "*hình bất thượng đại phu, lễ bất há thứ dân*", hình phạt không dùng cho quan lại, lễ nghi không dùng cho thứ dân; "*quân tử hợp quần, tiểu nhân hợp đảng*", người ở cấp trên có thể kết hợp với nhau, bình dân thì phải đóng khung trong làng.

Bên cạnh những mối ràng buộc siết chặt các thành phần xã hội (ngay cả những thành phần thượng lưu cũng không được tự do, họ thường bị cấm ... làm

việc), chế độ toàn thể hầu như luôn luôn thừa nhận thoát tục như một phương cách để tranh thủ độc lập: cá nhân trong những xã hội cũ là một "*cá nhân ở ngoài thế giới*" theo cách diễn tả của nhà nhân chủng học Dumont. Lịch sử tư tưởng thế giới chứa đựng nhiều ví dụ cho thấy những tu sĩ, các nhà hiền triết, từ bỏ xã hội để đi tìm chơn lý. Các xã hội xưa không những thừa nhận và đề cao vai trò tiên phong của những người này mà còn cho rằng những chơn lý mà họ đã khám phá chỉ có thể hấp thụ một cách trọn vẹn bởi những người có cùng nếp sống. Truyền thống Phật giáo phân biệt một cách rõ ràng giáo lý dành cho những thành phần tăng giã và những điều giảng dạy cho các tín đồ thế tục. Phật giáo tán thành sự tham gia của những thầy tu vào việc nước dưới hình thức cố vấn nhưng khước từ mọi xu hướng tranh giành quyền lực. Người ta nhận xét ở chủ nghĩa khắc kỷ Hy Lạp cùng một thái độ tích cực nhưng dè dặt đối với xã hội: người khắc kỷ phải giữ một khoảng cách đối với những người mà mình giúp, "*họ có thể than thở, miễn là tiếng than thở không đến từ con tim*" (Epictète).

## Chủ nghĩa cá nhân Thiên chúa giáo

Nếu chúng ta tin theo nhà sử học chuyên về lịch sử Thiên chúa giáo, Troeltsch, con người xuất phát từ sự giảng dạy của Giê Xu, là một "*cá nhân gắn liền với Thượng đế*". Vào lúc thành lập, đạo Thiên chúa trước hết là tín ngưỡng của những người nhận thấy ở Giê Xu Ki Tô vị chúa cứu thế mà kinh Cựu ước tiên đoán. Trong trường hợp đó, xã hội con người chỉ có một giá trị hoàn toàn tương đối, nhứt là đối với các Ki Tô hữu đầu tiên, trần gian chẳng bao lâu nữa sẽ biến mất để nhường chỗ cho Nhà Trời. Giá trị tuyệt đối và vĩnh viễn của con người là mối quan hệ trực tiếp với Thượng đế. Khẳng định độc đáo này đã là nguyên do của cuộc xung đột không thương xót giữa Thiên chúa giáo và chánh quyền La Mã vì khi Giê Xu khuyến bảo "*phải trả những gì thuộc về Caesar cho Caesar và những gì thuộc về Thượng đế cho Thượng đế*", câu nói chỉ có vẻ cân đối ở bề ngoài mà thôi, sự thực là người Thiên chúa giáo chỉ tuân theo những sắc lệnh của hoàng đế do sự chấp thuận của Thượng đế. Đây là một lập

trường mềm dẻo và khôn khéo hơn là phủ nhận quyền lực nhà nước một cách đơn thuần. Nhờ nó mà khác với Phật giáo, quan niệm cá nhân của đạo Chúa đã không phải bị đặt ngoài vòng xã hội mà ngược lại, bao trùm trật tự thế gian. Nhân sinh quan của các tín đồ Thiên chúa giáo có thể hình dung như hai vòng tròn đồng tâm, cái lớn nhất tượng trưng cho mối quan hệ cá nhân giữa con người và Thượng đế, cái nhỏ hơn là nhu cầu chấp nhận những ràng buộc của trật tự trần gian. Thế rồi lãnh vực siêu hạ giới dần dần đẩy lùi địa hạt thế gian đến sự biến mất cuối cùng của tổ chức toàn thể cũ. Theo sự đánh giá của các sử gia, ba giai đoạn quá độ của tiến trình đó đã xảy ra vào thế kỷ IV, khi hoàng đế La Mã Constantinus quy theo đạo Chúa, vào thế kỷ VIII khi các giáo hoàng cắt đứt quan hệ với Byzantium và chiếm lấy chánh quyền tối cao ở Tây phương và vào thế kỷ XVI với sự hình thành của đạo Tin lành do Luther và Calvin đề xướng. Biến cố thứ nhất đã có tác động gần liền Giáo hội Thiên chúa với nhà nước. Hậu quả của biến cố thứ hai là dẫn thân giáo dân vào việc nước thế tục bằng cách giao cho Giáo hội đạo Chúa trách nhiệm tinh thần tối cao trên các lãnh tụ. Một cách nghịch thường, biến cố thứ ba đánh dấu sự thắng lợi dứt khoát của chủ nghĩa cá nhân ở Tây phương bằng cách đưa Giáo hội đạo Chúa trở ra ngoài thế gian : tất cả đã xảy ra như chủ nghĩa cá nhân đã "lợi dụng" Thiên chúa giáo để xâm nhập xã hội và khước bỏ nó sau khi chiếm được trần gian. So với đạo Chúa, Phật giáo nguyên thủy đã còn giương cao hơn ngọn cờ cá nhân nhưng có lẽ sự giảng dạy của Thích Ca Mâu Ni đã quá tân tiến đối với xã hội Ấn Độ xơ cứng : sự vắng mặt của Thượng đế trong giáo lý Phật giáo đã là trở ngại chí tử không cho phép sự tồn tại lâu dài của Phật giáo ở quê hương Đức Phật và đạo Phật đã chỉ phát triển được ở những nơi khác bằng cách khước từ một số những đặc điểm độc đáo nhất của mình. Trở lại lịch sử Thiên chúa giáo, con người xuất phát từ cuộc Cải cách Tin lành là một "cá nhân ở trong thế giới". Luther phủ nhận mọi phân biệt ngay cả về mặt tinh thần giữa các tín đồ thế tục và các giáo sĩ, thành phần thứ hai chỉ là "những người thừa hành được [giáo dân] tuyển chọn". Đóng

góp của Calvin là thuyết tiền định và thuyết ơn huệ : con người thi hành ý muốn của Thượng đế bằng cách theo đuổi và thực hiện định mạng của mình, riêng nó sự thành công là một bằng chứng rằng mình hành động theo đúng ý muốn của Thượng đế. Nhà xã hội học Weber đã chứng minh tác động của niềm tin này trên sự nảy sinh của chủ nghĩa tư bản ở các nước Anh-Mãn. Ở đây, chúng ta chỉ cần lưu ý sự xuất hiện của hai quan niệm căn bản của chủ nghĩa cá nhân hiện đại, sự bình đẳng giữa con người và song song, sự tự do bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân, nguyên tắc thứ hai chính là yếu tố phân biệt khái niệm bình đẳng "lý tưởng" của chủ nghĩa tự do với khái niệm bình đẳng "hiện thực" của chủ nghĩa xã hội.

### Chủ nghĩa cá nhân và nhân quyền

Các thế kỷ XVII và XVIII đánh dấu thắng lợi dứt khoát của chủ nghĩa cá nhân ở Tây phương. Đối với người da trắng, đó là thời kỳ của những phát minh khoa học và sáng chế kỹ thuật đưa đến những xáo trộn xã hội sâu rộng. Đó cũng là thời kỳ của những cuộc thám hiểm và chinh phục những miền đất "mới" thường do những người từ chối trật tự hiện hữu ở Âu châu. Câu hỏi thôi thúc thành phần tư sản mà quyền lực chánh trị còn chưa tương xứng với sức mạnh tài chánh và những thống lãnh các quốc gia đang hình thành là những quyền của con người trước khi có luật pháp. Ai nấy đều biết ba điển mẫu của Hobbes, Rousseau và Locke, điều cần được lưu ý là cả ba mô hình đều dựa vào quan điểm theo đó, cá nhân có trước xã hội. Theo Hobbes, để có được an ninh và tiện nghi, con người đã trao những tự do và quyền lực của mình cho một người hay một tập đoàn cầm quyền. Đối với Rousseau, thì con người đã bắt đầu sa đọa khi đòi hỏi và đạt được quyền tư hữu, nguồn gốc của tất cả những tranh chấp và khổ đau ; muốn trở lại một phần nào đó trạng thái hạnh phúc nguyên thủy, con người phải kết hợp lại với nhau đằng sau một khế ước xã hội, sau đó thì mọi ý nguyện và quyền lực cá nhân phải đứng đằng sau ý chí chung. Người ta thường bảo rằng Hobbes là cha đẻ của những chủ nghĩa chuyên chánh hữu khuynh và Rousseau là thủy tổ của những ý hệ toàn trị tả

khuynh nhưng ít ai đã để ý rằng sự thất bại của tất cả những phong trào này bắt nguồn từ mâu thuẫn nguyên thủy giữa những giải đáp toàn thể chủ nghĩa cho những nhận định và ưu tư cá nhân chủ nghĩa. Ý thức được tất cả ý nghĩa chánh trị về tánh chất bất khả xâm phạm của những quyền tự nhiên của con người mà Hobbes và Rousseau chỉ nêu lên nhưng không bình vực tới cùng, Locke tránh khỏi được các sai lầm của đàn anh. Đối với Locke, sự tuyệt đối nằm ở những tự do cá nhân của con người chứ không là chánh quyền hay cả tập thể. Nhiệm vụ chánh yếu nếu không nói là duy nhất của chánh quyền là bảo vệ những quyền "tự nhiên" đó, bằng không, tánh chánh đáng sẽ quay về phía những người "kháng chiến chống áp chế". Muốn tránh được trường hợp cực cùng đó, những quyền căn bản của cá nhân phải được bảo vệ chẳng những đối với nhà cầm quyền mà cả đối với tập thể và chính nó, vì đó là những "quyền không thể nhượng lại".

Các bản tuyên ngôn về nhân quyền Mỹ và Pháp đánh dấu thắng lợi cuối cùng của quan điểm của Locke ở các nước Tây phương. Phần lớn, các văn kiện này giống như những bản liệt kê những quyền cá nhân. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 tuyên bố "con người sanh ra tự do và bình đẳng trước luật pháp". Hai vế cấu tạo của chủ nghĩa cá nhân, tự do và bình đẳng, xuất hiện ngay trong đoạn đầu nhưng trong khi tự do là một giá trị tuyệt đối, sự ngang hàng nhắc đến chỉ là sự ngang hàng về quyền, chứ không phải về lợi : con người được bảo đảm tất cả những phương tiện cần thiết để "tìm kiếm hạnh phúc" nhưng ý nghĩa của hạnh phúc và việc theo đuổi nó tùy thuộc ở từng cá nhân. Các điều khoản sau đó giải rõ điều đó : những "quyền tự nhiên và bất khả thời tiêu [là] tự do, tư hữu, an ninh và kháng cự chống lại áp bức". Là một giá trị tuyệt đối, tự do của một cá nhân chỉ "dừng lại ở đâu bắt đầu tự do của người khác". Sự bình đẳng giữa con người là sự bình đẳng trước luật pháp, song "chức vị, chỗ đứng và công việc của mỗi người tùy thuộc ở khả năng và đạo đức của từng cá nhân". Riêng quyền tư hữu chẳng những được xem là "bất khả thời tiêu" mà còn được đưa lên hàng "thiên lương". Toàn thể bản Tuyên ngôn về Nhân quyền

và Dân quyền 1789 cho thấy mối lo lắng của các tác giả đối với những lạm quyền của những nhà nước hiện đại, càng mạnh so với các chính quyền thời xưa vì có thể nhân danh ý chí tập thể. Rõ ràng là họ đã thấy trước và muốn đề phòng những chứng bệnh quốc gia thuần nhất của chủ nghĩa phát xít và san bằng xã hội của chủ nghĩa cộng sản. Đó là bối cảnh của sự ra đời của khái niệm "chủ quyền quốc gia" mà không ai có thể chối cãi rằng nó ám chỉ một nhà nước tôn trọng và bảo vệ nhân quyền. Hai trăm năm sau, bản Tuyên ngôn Phổ cập về những Quyền lợi của các Dân tộc khẳng định một cách minh bạch: "*mọi dân tộc đều có quyền có một chế độ dân chủ [...] có khả năng bảo đảm sự tôn trọng nhân quyền và những tự do căn bản*", do đó, đối lập nhân quyền với chủ quyền quốc gia, trong trường hợp tốt nhất, là một ngộ nhận trầm trọng (những người dân chủ chủ trương "chủ nghĩa chủ quyền"), trong trường hợp tệ nhất, là một nguy hiểm vô liêm sỉ (các nhà độc tài muốn đàn áp dân chúng thả cửa mà khỏi phải bị quốc tế làm phiền).

### Chủ nghĩa cá nhân và tinh thần liên đới

Các bản tuyên ngôn 1776 và 1789 đã bị chỉ trích nhiều về bản chất tư sản của chúng và lịch sử chứng minh một cách rõ ràng rằng các tác giả đã có một ý niệm hết sức hẹp hòi về hạng người mà họ cho là xứng đáng với nhân quyền: đàn ông, da trắng, trưởng giả. Tuy nhiên, cũng như các nhà quý tộc Anh năm thế kỷ trước đó, các nhà tư sản chủ xướng những cuộc cách mạng Mỹ và Pháp đã nghĩ trước tiên đến họ nhưng những nguyên tắc mà họ nêu lên đủ phổ cập để làm công cụ cho những công cuộc giải phóng của các giai cấp khác, các dân tộc khác. Ở nơi nào mà chúng được tôn trọng, các quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp và tự do bầu cử đã cho phép những thành phần yếu kém đòi hỏi và tranh thủ được các quyền lợi xã hội, giáo dục miễn phí, an sinh xã hội, hưu bổng và vô số trợ cấp khác. Một phần vì chúng cần thiết cho sự phát triển của con người, một phần do động cơ tranh thủ sự gia nhập của những nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũ, một số quyền lợi xã hội như an sinh xã hội, quyền có công ăn việc làm hay giáo dục

miễn phí đã được ghi nhận trong những văn kiện quốc tế như Bản tuyên ngôn Phổ cập về Nhân quyền, Công ước Quốc tế về những Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa và Công ước Quốc tế về những Quyền Dân sự và Chính trị nhưng chúng ta không nên lầm lẫn về bản chất của những quyền lợi này: trước như sau, chúng vẫn là "*những quyền thừa nhận cho những cá nhân [do đó] người ta không có cơ sở để đối lập quyền xã hội với quyền cá nhân*". Giáo sư luật học Ricœur đã giới hạn nhận xét của mình "*trên bình diện pháp lý*", nhưng nhìn thoáng qua lịch sử, ai nấy cũng có thể kiểm chứng rằng những quyền cá nhân quả là yếu tố nhất thiết để thực hiện và nâng cao các quyền lợi xã hội. Trước hết, vì sự phồn vinh của những quốc gia ngày càng tùy thuộc tri thức và sức sáng tạo của người dân mà sự tự do cá nhân là điều kiện không có không được. Sau đó, vì những quyền lợi mà người cộng sản gọi một cách trích thượng là "hình thức" vẫn là công cụ hiệu lực nhất cho cuộc tranh đấu vì một đời sống tốt hơn.

Tôi đã từng nghe lập luận theo đó, những hệ thống bảo trợ có ở các quốc gia phát triển là những định chế vô danh và lạnh lẽo, chúng không có sự ấm cúng của tinh thần liên đới có trong những xã hội truyền thống, chẳng những chúng không chứng tỏ lòng vị tha của các công dân mà còn góp phần làm cho con người trở nên thờ ơ với đồng loại vì cậy vào công việc của nhà nước. Theo tôi, đây là một lập trường không ổn cả về mặt luân lý lẫn thực tế. Về mặt luân lý vì nó quên đi số người không có gia đình và thân nhân có phương tiện giúp đỡ họ. Nó cũng không phù hợp với thực tế vì chính là ở những nước tự do dân chủ mà người ta có thể tìm thấy nhiều nhất những hội từ thiện. Tôi cho rằng chủ nghĩa cá nhân là yếu tố chánh của tinh thần liên đới "từ nguyện" đó vì hai lý do. Một là không phải những dân tộc giàu có nào cũng có nhiều sinh hoạt nhân đạo, bằng chứng là những nước Ả Rập sản xuất dầu hỏa. Nói đúng ra, thì dân chúng của những nước này cũng có một số sinh hoạt từ thiện nhưng chúng thường quy vào những cộng đồng cùng đạo với họ. Chi tiết này không phủ nhận mệnh đề đặt trên mà một phần nào đó, còn bảo vệ nó bởi lẽ Hồi giáo cũng là một tín ngưỡng chủ trương mối quan hệ trực tiếp giữa con người và Thượng đế và sự bình

đẳng giữa các tín đồ. Sự thực là con người chỉ có thể liên đới với những người mà mình coi là ngang hàng và "của" mình. Vì nó phá vỡ những hàng rào tôn giáo, sắc tộc, địa phương và đẳng cấp cũ, chủ nghĩa cá nhân cho phép con người hiện đại nói rộng cái vòng những người mà mình xem là đồng loại, từ gia đình đến quốc gia, từ quốc gia đến nhân loại. Cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại đang trải qua tiến trình đó. Chủ nghĩa cá nhân hiện hữu ở những nước định cư từ từ thấm vào chúng ta. Nhờ nó mà người Việt ở hải ngoại dần dần nói rộng tinh thần liên đới mà đối tượng không còn chỉ là gia quyến, bạn bè hay những người cùng quê, mà là cả dân tộc Việt Nam. Thái độ khịch lệ và đáng phục của người Việt ở hải ngoại trước nạn lụt ở miền Trung năm ngoái chứng minh điều đó. Đây là một thay đổi tâm lý triệt để nếu chúng ta nhớ rằng cách đây không lâu, đại đa số Việt kiều đã bỏ mặc đồng bào nước nhà trong nạn đói khủng khiếp 1988 với lập luận ngu muội và vô nhân là giúp đỡ họ là tiếp tay cho chế độ. Chế độ cộng sản không đánh giá sai lầm hiện tượng này. Họ đã cố gắng giới hạn và chi phối nó nhưng đã phải chịu thua trước cái xã hội dân sự đang hình thành lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Từ một dân tộc những người sống chung với nhau, chúng ta đang tiến thành một quốc gia những công dân thương yêu nhau. Đây là mối đe dọa lớn nhất đối với những chế độ độc tài.

### Diệp Tường Bào

Vài tác phẩm:

- Bæchler, J., *Le capitalisme* t. I & t. II ;  
*La solution indienne, essai sur les origines du régime des castes.*  
Bewan, E., *Stoïciens et Sceptiques.*  
Dumézil, G., *L'idéologie tripartite des Indo-européens.*  
Dumont, L., *Homo æqualis* t. I & t. II;  
*Homo hierarchicus.*  
Eisenstadt, S., *The Protestant Ethic and Modernization : A Comparative View.*  
Ricœur, P., *Les fondements philosophiques des droits de l'homme.*  
Troelstch E., *The Social Teaching of The Christian Churches.*  
Weber, M., *L'éthique protestante et l'esprit du capitalisme ; Le refus du monde, ses orientations et ses degrés ; Gesammelte Aufsätze zur Religionssoziologie.*

# Sự hình thành cộng đồng người Thượng trên cao nguyên miền Trung

Nguyễn Văn Huy

*LTS: Tìm hiểu lịch sử những cộng đồng dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam là một bổ túc lịch sử cần thiết cho mọi dự án xây dựng Việt Nam tương lai. Lần này Nguyễn Văn Huy, qua hai bài viết, tóm lược sự hình thành cộng đồng người Thượng trên cao nguyên miền Trung và những phong trào phản kháng của người Thượng theo thời gian, để hiểu và nâng đỡ những đồng bào đang chia sẻ một tương lai Việt Nam chung.*

"Thượng" là tên gọi chung những sắc dân sinh sống trên cao nguyên miền Trung Việt Nam. Dân số người Thượng hiện nay trên 1,6 triệu người (tương đương với 1,9% dân số toàn quốc), được chia thành 19 nhóm khác nhau, đông nhất là các nhóm Bahnar, Sedang, Hré, Mnong, Stieng thuộc ngữ hệ Môn Khmer (Nam Á) và Djarai, Rhadé, Raglai thuộc ngữ hệ Malayo Polynésien (Nam Đảo). Địa bàn cư trú của người Thượng có hình giọt nước, rộng trên 60.000 cây số vuông, từ vùng rừng núi phía Tây các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung (bắt đầu từ Quảng Bình xuống Đồng Nai) đến tận biên giới Lào và Kampuchea với các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng (gọi chung là Tây Nguyên) và chấm dứt trên những sườn đồi phía Nam dãy Trường Sơn trong các tỉnh Đồng Nai và Sông Bé. Mỗi nhóm Thượng sinh trú trong một địa bàn riêng biệt với những ngôn ngữ, phong tục, tập quán riêng. Mật độ dân số trung bình khoảng 30 người trên một cây số vuông; tỷ lệ tăng trưởng dân số trung bình là 2% một năm. Ngày nay người Thượng trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ: 40% dân số trên Tây Nguyên.

Sự hội nhập của người Thượng vào cộng đồng dân tộc Việt Nam còn rất mới, chưa tới 50 năm (từ 1954 đến nay), do đó còn rất nhiều điều để khám phá.

## Các tên gọi về người Thượng

Triều đình và người Việt Nam xưa gọi chung những sắc dân sinh sống trong vùng rừng núi, chưa thấm nhuần văn minh đồng bằng, là Man di, Thổ dân hay Liêu thuộc; khi chống lại trung ương thì bị gọi là "rợ", "loạn". Vào giữa thế kỷ 19, lần đầu tiên tiếp xúc với những sắc dân sinh sống trên cao nguyên Trường Sơn, người Pháp gọi chung tất cả là "Mọi".

Theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí của

Ngô Gia Văn Phái, danh xưng "Mọi" xuất hiện từ thế kỷ 18 khi Nguyễn Huệ mang quân ra Bắc "phò Lê diệt Trịnh". Triều thần nhà Lê (Trương Tuân và Dương Trọng Tế) thời đó gọi quân Tây Sơn là "quân Mọi". Sở dĩ có tên gọi này vì quân Tây Sơn đa số là người Thượng (đảm trách phần nhiệm tải người và vật dụng), "kẻ nào cũng lưng đóng khố, tay cầm đôn ống, mình trần trùng trọc". Chuồng Tiến, một lục lâm hảo hán thời đó, mắng quân Tây Sơn là "lũ Hồng Mao", "mọi lông đỏ" vì trên đầu mỗi binh sĩ đều vấn vải đỏ và giắt lông chim (một phong tục của người Bahnar khi lâm trận).

Không biết danh xưng Mọi có từ bao giờ, người Pháp nói rằng người Việt đã gọi những sắc dân cư ngụ trên vùng rừng núi phía Tây đồng bằng duyên hải miền Trung là Mọi từ lâu đời, với nội dung kinh bỉ những người có đời sống còn man dã, dữ tợn. Ngày nay danh xưng Mọi tuy không còn phổ biến nhưng trong dân gian vẫn còn những biến nghĩa tiêu cực khi muốn hạ thấp nhân phẩm hay khinh miệt đối phương với những cụm từ: "làm mọi" (làm không công, làm tội tở), "man mọi" (kém văn minh), "mọi rợ" (dã man), "thằng mọi" (người không có văn hóa).

Trong thực tế danh xưng Mọi xuất phát từ lối phát âm của người Mường: "Mol", có nghĩa là "người". Khi các giáo sĩ phương Tây đầu tiên đến Thanh Hóa vào cuối thế kỷ 16, họ đã dựa theo cách phát âm của người địa phương gọi những sắc dân sinh sống trên vùng rừng núi là "Mwal", phiên âm ra theo tiếng la-tinh Việt ngữ hóa là "Mơ-osal" hay "Mơ-oi". Thật ra không có sắc dân nào tên "Mol" cả, mỗi sắc dân đều có một tên riêng đi kèm, như "Mol Mường" là người Mường. Khi cộng đồng người Việt từ các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh theo Nguyễn Hoàng vào Nam (tức miền Trung ngày nay) lập

nghiệp đầu thế kỷ 16, họ gọi chung người miền núi là "Mơ-oi" vì không biết đặt tên gì. Với thời gian, do cách phát âm riêng biệt của người Thanh Nghệ Tĩnh, danh xưng "Mơ-oi" biến âm thành "Mọi". Từ đó về sau mới có các tên Mọi Đá Vách (Hré), Mọi Hời (Hroi, Kor, Bru, Ktu và Pacoh), Mọi Đá Hàm (Djarai), Mọi Bò Nong (Mnong) và Mọi Van (Rhadé Epan), Mọi Vị (Raglai) và Mọi Bà Rịa (Mạ) để chỉ những sắc dân Thượng sinh trú ở phía Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và Biên Hòa.

Có người dùng chữ người Sơn cước cho có vẻ văn minh hơn, nhưng danh xưng này bao hàm tất cả những cư dân bản địa sống trên vùng núi non hay cao nguyên miền Bắc lẫn miền Trung, do đó không thể dùng để chỉ riêng người Thượng. Người bình dân gọi tất cả những thổ dân không phải là người Việt có nước da ngăm đen sinh sống bên cạnh họ là người miền ngược, người miền núi, thượng bang, người thiểu số, người sắc tộc, v.v... Các chế độ chính trị gọi là đồng bào sắc tộc. Chế độ cộng sản còn đi xa hơn, đồng hóa danh xưng sắc tộc (ethnie) với dân tộc (nationalité) theo cách gọi của Liên Xô cũ và Trung Quốc; sắc tộc thiểu số đổi thành dân tộc thiểu số, mỗi sắc tộc là một dân tộc (dân tộc Rhadé...), chính vì thế ngày nay người Việt trong nước thường gọi chung người Thượng là "người dân tộc" (?).

Trong bài này tác giả sử dụng danh xưng Thượng, một cách gọi đặc trưng để chỉ những sắc dân sinh sống trên cao nguyên miền Trung, hay Tây Nguyên. Thượng có nghĩa là ở trên, người Thượng là người ở miền cao hay miền núi.

## Đi tìm lịch sử

Cộng đồng người Thượng từ khi xuất

Thông Luận 136 - Tháng 04.2000

hiện cho đến nay chưa bao giờ kết hợp lại thành một quốc gia. Mỗi nhóm sắc tộc, tùy từng thời điểm, hùng cứ một nơi, quay quần quanh một vị thủ lãnh hay một dòng họ. Sống trên một địa bàn hiểm trở, chung quanh là núi rừng ẩm ướt, dụng cụ sinh hoạt chính của người Thượng là gỗ rừng, văn minh của người Thượng có thể gọi là văn minh thảo mộc, những di tích không tồn tại lâu dài với thời gian. Gần đây nhiều di chỉ khảo cổ trên Tây Nguyên vừa được khám phá, nhưng những phát hiện này dừng lại ở thời đại đồ đá cách đây từ 10.000 đến 30.000 năm, giai đoạn cận kim hoàn toàn thiếu vắng. Thêm vào đó người Thượng không có chữ viết, tìm hiểu nguồn gốc hay lịch sử của người Thượng chính vì vậy rất là khó khăn. Những huyền thoại dân gian truyền khẩu của người Thượng phần lớn do những giáo sĩ người Pháp chép lại, tính chất có thực của những chuyện này rất khó kiểm chứng.

Mặc dầu vậy, với quyết tâm, chúng ta vẫn có thể tìm hiểu sự hiện diện của những đồng bào này qua lịch sử các thế lực xưa trong vùng: Phù Nam, Angkor, Chiêm Thành, Xiêm La và Đại Việt, để từ đó nối lại những mắc xích thiếu sót trong lịch sử các cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tìm hiểu lịch sử của người Thượng cũng là tìm hiểu gốc tích của dân tộc Việt Nam, bởi vì ngày nay người Thượng là công dân của nước Việt Nam, tổ tiên của họ cũng là tổ tiên chung của dân tộc Việt Nam.

Từ khởi thủy, trên Tây Nguyên không có chủng tộc nào có những tên gọi như ngày nay. Tổ tiên người Thượng phần lớn là người đồng bằng chạy lên cao nguyên lánh nạn và ở lại luôn; với thời gian, những hòa trộn chủng tộc giữa các nhóm di dân cũ và mới làm nảy sinh những nhóm sắc tộc khác nhau. Cùng nên biết rừng núi Trường Sơn trước khi được sát nhập vào Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 là địa bàn lánh nạn lý tưởng cho những người thích sống tự do, từ chối sự thống trị của các thế lực đồng bằng.

Theo kết quả của nhiều nghiên cứu, cư dân đầu tiên trên Tây Nguyên mang nặng yếu tố Veddoit (hay Négroid, dáng người nhỏ thấp, tóc đen xoắn, da ngăm đen, xuất hiện cách đây từ 10.000 đến 5.000 năm), sống theo bầy ngoài trời, biết săn bắn, chế tác dụng cụ và vũ khí

bằng xương thú và đá đèo. Những đợt di dân về sau, mang nặng yếu tố Mélanésien (dáng thấp, nước da ngăm đen, tóc đen dợn sóng, cách đây từ 6.000 đến 5.000 năm) và Indonésien (từ sông Indus tới, dáng người cao to, tóc đen dợn sóng, da không đen sậm, cách đây từ 5.000 đến 2.500 năm) tiến bộ hơn, kết hợp với những nhóm có trước tạo thành các nhóm Thượng Môn Khmer ("*người da đen, tóc quăn, xấu xí và sống khỏa thân, nếp sống đơn giản, không trộm cắp*") theo mô tả của Khương Tài, sử gia Trung Hoa vào thế kỷ 4) ở sâu trong lục địa địa và nhóm Thượng Malayo Polynésien (dáng vạm vỡ, da ngăm đen, tóc đen dợn sóng) từ duyên hải lên. Cả hai nhóm đều nắm vững kỹ thuật chế tác vật dụng bằng gốm, dệt vải, rèn luyện kim loại thô sơ và làm rẫy.

Nhờ những đóng góp mới này người Thượng bắt đầu biết kết hợp thành bộ lạc, dựng nhà sàn, chăn nuôi trâu bò và thuần dưỡng voi rừng để chuyên chở hay xung trận. Ý thức quyền lực ngày càng rõ nét, những bộ tộc lớn thường tấn công những bộ lạc nhỏ và yếu hơn để bắt phụ nữ và nô lệ phục vụ mình. Nhờ đất đai còn hoang trống, những nhóm nhỏ và yếu hơn, không muốn bị sát hại hay bị làm nô lệ, trốn vào các chốn rừng sâu; sống tách biệt với thế giới bên ngoài những nhóm này càng trở nên lạc hậu và yếu kém hơn. Sự di chuyển theo đàn thú rừng và lối canh tác du mục cũng làm thay đổi yếu tố thuần chủng của từng nhóm. Với thời gian, tranh chấp về không gian sinh tồn và lãnh đạo giữa những bộ tộc lớn ngày càng gắt gao, một số đã nhờ các thế lực tại đồng bằng (Phù Nam và Chiêm Thành) lên can thiệp và chấp nhận triều cống. Từ đó sự hiện diện của người Thượng bắt đầu xuất hiện trong những ghi chép của các triều vương đồng bằng, từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 19. Đến thời Pháp thuộc, những nhóm sắc tộc Thượng lần lượt được khám phá và liệt kê trong các văn bản.

### Sự hình thành các nhóm Thượng

Vào đầu công nguyên, xuất hiện hai vương quốc của người Malayo Polynésien lớn trên bán đảo Đông Dương: Phù Nam và Chiêm Thành. Lãnh thổ Phù Nam rộng từ Vịnh Thái Lan đến Biển Hồ nhưng ảnh hưởng tỏa lên Thượng Lào và

Bắc Miến Điện. Chiêm Thành gồm nhiều vương quốc nhỏ sinh hoạt độc lập với nhau dọc các đồng bằng eo hẹp miền Trung đến chân dãy Trường Sơn về phía Tây: Lâm Ấp hay Indrapura (Bình Trị Thiên), Amaravati (Quảng Nam), Vijaya (Nghĩa Bình), Aryaru (Phú Yên), Kauthara (Khánh Hòa) và Panduranga (Bình Thuận). Sinh hoạt chính của người Malayo Polynésien là trồng lúa nước và buôn bán. Để tìm thêm nguồn hàng quý hiếm trao đổi với các thuyền buôn Ấn Độ, người Malayo Polynésien mở rộng tầm kiểm soát lên các vùng rừng núi đồng thời khuất phục luôn các nhóm dân cư bản địa đã có mặt từ trước. Một phần lớn dân cư bản địa, người Môn, từ chối sự thống trị mới này đã chạy sang đồng bằng các sông Menam (Thái Lan), Salween và Irrawaddy (Miến Điện) lập nghiệp; một số ít hơn trốn lên cao nguyên Trường Sơn. Một sắc dân khác, người Khmer, rút lên cao nguyên Korat (phía Tây Thái Lan) lánh nạn và ở luôn trên đó.

Từ thế kỷ 5 người Khmer trở nên hùng mạnh, tiến xuống đồng bằng đánh bại Phù Nam và thành lập đế quốc Angkor vào giữa thế kỷ 7. Các triều vương Angkor dồn mọi nỗ lực xây dựng hệ thống dẫn thủy nhập điền và những đền đài đồ sộ bằng đá quanh Siem Reap. Những đại công tác này đòi hỏi một nguồn nhân lực khổng lồ, các sắc dân sinh sống quanh khu vực đều bị bắt về làm nô lệ và đã không nhiều thì ít tiếm nhiệm yếu tố văn hóa Khmer trong sinh hoạt hay trở thành hủn người Khmer bởi chính sách đồng hóa. Từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 15, nhiều đoàn nô lệ đã băng rừng vượt núi chạy lên cao nguyên Trường Sơn lánh nạn, hòa trộn với những nhóm Môn có sẵn từ trước tạo thành các nhóm hợp chủng Môn-Khmer (như các nhóm Bahnar, Sedang, Brâu, Hré, Kor, Mnong, Mạ, Koho, Stieng, Choro... ngày nay), với những trình độ văn hóa và kỹ thuật khác nhau tùy theo mức độ sống chung với người Khmer tại Biển Hồ và các nhóm Malayo Polynésien từ duyên hải miền Trung tiến lên sau này.

Về phía Đông, từ thế kỷ 2, lãnh thổ các tiểu vương quốc Indrapura và Amaravati của người Chăm chịu áp lực nặng nề của người Trung Hoa ở Giao Chỉ. Mỗi lần bị đánh bại, dân cư Chăm rút lên Trường Sơn lánh nạn; một số đã ở lại hòa trộn cùng những nhóm Môn Khmer có

sẵn để trở thành các nhóm Bru, Tà Ôi (Pacoh), Ktu, Djé Triêng. Giữa thế kỷ 5, Chiêm Thành bị quân Tống tấn công và đại bại, dân cư Amaravati băng Trường Sơn chạy vào Champassak (Nam Lào) lánh nạn, một số lớn đã ở lại và tạo thành các nhóm Djarai với sự pha trộn ít nhiều yếu tố Môn Khmer. Đến cuối thế kỷ 7, quân Java từ Biển Đông tràn vào đánh phá Aryaru và Kauthara, một phần lớn dân chúng đã chạy lên cao nguyên Darlac tị nạn và tạo thành các nhóm Rhadé. Vào giữa thế kỷ 16 quân Chiêm tại Panduranga bị quân Việt đánh bại, một số người Chăm chạy lên cao nguyên Di Linh tá túc, hòa hợp với các nhóm Koho và Mạ để trở thành các nhóm Raglai. Về sau, vào đầu thế kỷ 19 thành trì cuối cùng của người Chăm tại Panduranga lọt vào tay nhà Nguyễn, một số người Chăm rút lên cao nguyên Đồng Nai, hòa trộn với các nhóm có trước để trở thành người Churu.

Qua mô tả tóm lược này, tiến trình hình thành các nhóm người Thượng này có vẻ giản dị nhưng trên thực tế rất là phức tạp. Sự pha trộn giữa các nhóm, tự nhiên hay bị ép buộc, để trở thành một tập hợp khác làm thay đổi thường xuyên địa bàn cư trú của mỗi nhóm. Nhiều nhóm đã tan biến đi, nhiều nhóm mới được thành lập và còn giữ tên cho đến ngày nay. Cho đến nửa đầu thế kỷ 20, tiến trình chuyển hóa của người Thượng vẫn còn tiếp diễn: các nhóm Sedang, Bahnar và Djarai ở Kontum, các nhóm Mạ, Koho, Stieng và Mnong ở Di Linh đang có kết hợp tự nhiên để trở thành những tập hợp khác nhưng sự xâm nhập của người Pháp vào cao nguyên đã làm khựng lại tiến trình hợp chủng này và chấm dứt hẳn vào giữa thế kỷ 20 khi người Kinh xuất hiện trên cao nguyên.

Thêm vào đó, nhóm Thượng nào được các thế lực đồng bằng hỗ trợ thường hay áp đảo các nhóm khác, nhỏ và yếu hơn, để đồng hóa. Trên cao nguyên Kontum, người Bahnar tự gây thanh thế để củng cố cộng đồng của mình. Trên cao nguyên Pleiku và Darlac các nhóm Djarai và Rhadé được người Chăm ủng hộ thường áp đảo các nhóm nhỏ hơn để duy trì yếu tố thuần chủng của mình. Trên cao nguyên Attopeu, người Sedang, Cua và Sô sẵn lòng các nhóm yếu hơn, bắt làm nô lệ bán cho người Thái và Lào. Trên cao nguyên Đồng Nai và Sông Bé,

các nhóm Mnong Bhiết và Stieng hợp tác với các triều vương Khmer đánh phá lẫn nhau. Trong hai cuộc chiến Đông Dương vừa qua, cộng đồng người Thượng gần như phân hóa vì bị lôi kéo vào các cuộc chiến tranh giành độc lập và ý thức hệ giữa các phe phái.

Điều đáng lưu ý là các nhóm Thượng trên cao nguyên, trừ trường hợp Pháp và Mỹ, gắn bó với các thế lực đồng bằng thuộc văn minh Ấn Độ hơn là với những người thuộc văn hóa Trung Hoa. Trong quá khứ và ngay trong hiện tại, người Thượng mặc dù có bị đàn áp, ức hiếp hay có chống trả lại các cuộc xâm nhập của người Chăm, Khmer và Thái nhưng quan hệ của họ đối với các cộng đồng có nền văn hóa Ấn Độ lúc nào cũng dễ dàng, sự kiện này cần nên lưu ý.

### Quan hệ với người Chăm và Khmer

Do xuất thân từ các vùng đất thấp, quan hệ giữa người Thượng và các thế lực đồng bằng đã rất chặt chẽ. Người Thượng cần gạo muối và dụng cụ kim khí, người đồng bằng cần phẩm vật rừng xanh, cả hai cộng đồng vẫn còn trao đổi qua lại cho đến ngày nay. Thêm vào đó là những quan hệ quyền lợi và quyền lực, các thế lực đồng bằng cần người miền núi để bổ sung nhân lực trong các công trình xây dựng hay quân đội, nhất là voi trận, nhằm tăng cường uy thế; các nhóm miền núi cần người đồng bằng hỗ trợ để bảo vệ địa vị áp đảo của mình. Sau mỗi thất bại các nhóm Thượng phân hóa thành các chi bộ nhỏ sống rải rác khắp nơi dọc các con suối, các thung lũng lòng chảo hay trên các triền núi, đời sống vô cùng khó khăn vì bị tàn phá. Về phía các vua Chăm và Khmer, mỗi khi thua trận, thường dâng cống phẩm vật rừng xanh (cọp, nai, voi, gà voi, sừng tê giác, trầm hương, cánh kiến, mật ong, vàng bạc, đá quý) do người Thượng cung cấp cho phe thắng trận để xin thần phục. Theo dõi những ghi chép còn lại trên bia đá của các triều vương Angkor và Chiêm Thành cũ, quan hệ qua lại giữa hai khu vực đã được nhiều lần nhắc đến.

Tại Chiêm Thành, tù trưởng các bộ lạc lớn của người Thượng được phong tước chiến sĩ (Ksatriya), có quyền lập gia đình với phụ nữ Chăm và ra vào cung đình. Các vua Chiêm Thành cũng thường được các tù trưởng Thượng gả con gái để

duy trì quan hệ quyền lực. Năm 914 một tiểu vương Chăm gốc Bahnar tên Mahindravarman được giao cai quản cao nguyên Kontum và khi chết được chôn tại Kon Kor trong thung lũng sông Bla, gần Kontum. Năm 1145, vua Khmer Suryavarman II với sự giúp đỡ của người Stieng và Mnong, sau đó là của người Rhadé và Djarai, băng Trường Sơn vào chiếm kinh đô Vijaya (Bình Định) của người Chăm. Năm 1150, sau khi đánh đuổi quân Khmer về bên kia dãy Trường Sơn, vua Chăm Jaya Harivarman tấn công người Rhadé, Djarai và các nhóm Thượng khác, mà họ gọi chung là "Kira-ta", do Vansaraja (Ứng Minh Diệp), một người Rhadé và là anh rể của nhà vua, để tái lập trật tự trong nước. Tàn quân của Vansaraja vượt sông Gianh vào Đại Việt cầu cứu, vua Lý Anh Tôn sai tướng Nguyễn Mông cùng 5.000 binh sĩ từ Thanh Hóa vào tiếp cứu nhưng bị đánh bại, Nguyễn Mông và Vansaraja đều bị tử trận. Toàn bộ các thung lũng ven núi nơi người Thượng cư trú đều đặt dưới sự kiểm soát của Chiêm Thành.

Tại Chân Lạp, sự lớn mạnh của Chiêm Thành đe dọa thế đứng của đế quốc Angkor, trong suốt thế kỷ 12 quân Khmer với sự hỗ trợ của người Thượng đã nhiều lần băng rừng Trường Sơn tiến vào đánh phá Chiêm Thành. Những thế kỷ sau, nơi cư trú của người Thượng trở thành khu vực trái độn và là nơi giao chiến giữa Angkor và Chiêm Thành.

Năm 1282, lãnh thổ Chiêm Thành bị quân Mông Cổ chiếm đóng. Hoàng tử Harajit cùng mẹ là hoàng hậu Gaendraksmi trốn lên cao nguyên Ya Heou (An Khê) lánh nạn và chiêu mộ được 20.000 binh lính Thượng (đủ cả các sắc tộc lớn nhỏ) kháng chiến. Lực lượng du kích của Harajit gây nhiều thiệt hại cả về nhân mạng lẫn vật liệu chiến tranh cho quân Mông Cổ. Năm 1283, Toa Đô dẫn hơn 5.000 binh sĩ, 100 tàu chiến và 250 thuyền đổ bộ vào Quảng Ngãi và Bình Định, tiến lên cao nguyên Kontum-Pleiku tiêu trừ quân kháng chiến nhưng vì không quen khí hậu nóng ẩm và thiếu tiếp liệu phải lui về đồng bằng. Quân Chiêm và quân nhà Trần đã hợp lực cùng nhau đánh đuổi quân Mông Cổ ra khỏi lãnh thổ năm 1285. Năm 1288 Harajit lên ngôi vua, hiệu Chế Mân (Jaya Sinhavarman III), quan hệ giữa người Chăm và người Việt, giữa người Thượng và người

Chăm ngày càng thắm thiết, nhiều đền đài Chăm được dựng lên ở Yang Mun, Yang Prong và Drang Lai.

Từ thế kỷ 14 trở về sau, chiến tranh giữa Chiêm Thành và Đại Việt xảy ra thường xuyên, cộng đồng người Thượng trên cao nguyên là nguồn nhân lực bổ sung cho quân đội Chiêm Thành. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông chiếm thành Đồ Bàn (Bình Định) và chia lãnh thổ Bắc Chiêm Thành ra nhiều xứ để cai trị, trong đó có xứ Nam Phan bao gồm vùng đất phía Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và cao nguyên Kon-tum, Pleiku, Darlac. Kể từ giai đoạn này, dân cư Đại Việt mới biết người Thượng nhưng vì tổ chức xã hội theo khuôn mẫu Trung Hoa nên các sắc dân không thuần chủng Kinh đều bị cách ly. Người "Man" (Thượng) luôn bị nghi kỵ và nhiều phòng tuyến ngăn cản sự tiếp xúc giữa Kinh và Thượng được thành lập. Những năm mất mùa, người Đá Vách (Hroi, Kayong, Cua, Hré, Ktu, Krem) thường tràn vào các thôn xã người Kinh cướp bóc lương thực.

Năm 1540, vua Lê Trang Tông phong Bùi Tá Hán làm trấn thủ đạo Quảng Nam với mục đích trừ loạn Đá Vách ở phía Nam Quảng Ngãi gồm các huyện Ba Tư, Minh Long, Sơn Hà. Sau khi dẹp xong loạn Đá Vách, Bùi Tá Hán thi hành chính sách chừa hầu đối với người Thượng (thuộc man) và mở rộng giao thương hai chiều: cung cấp muối gạo, vải vóc và nhận lại ngà voi, sừng tê giác, quế, kỳ nam, mật ong. Chính sách này đã mang lại sự yên bình cho toàn khu vực trong gần 200 năm.

Trong cùng thời gian đó, đồng loại của họ phía Tây Trường Sơn sống trong loạn lạc. Năm 1587, người Ai Lao từ cao nguyên Sébang Hien tiến xuống chiếm thung lũng Sedon, Sekong, Sesan, Sesusu (tả ngạn sông Mékong) và được người Sedang tiếp sức, đánh đuổi các bộ lạc Pacoh, Brilar, Halang lên các khu rừng rậm và núi cao phía Đông của Đại Việt. Người Ai Lao còn tràn vào thung lũng sông Srepok của Chân Lạp, chiếm cứ khu vực sinh sống của người Bahnar và Djarai dựng làng Bandon. Đến đầu thế kỷ 17, cuộc Nam tiến của người Ai Lao dừng lại trên cao nguyên Darlac. Năm 1601, người Djarai, được Chân Lạp hỗ trợ, đẩy quân Ai Lao lui về phía Bắc. Quan hệ giữa người Khmer và Djarai

được thiết lập và kéo dài cho đến năm 1860 khi các giáo sĩ Pháp đến cao nguyên.

### Quan hệ với người Kinh

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, người Thượng là nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của các thế lực tranh chấp. Mỗi khi thua trận quân chúa Trịnh hay chúa Nguyễn thường rút lên vùng núi phía Tây lẩn tránh; phe thắng trận truy kích theo, đánh tràn vào các bản làng Thượng và bắt dân Thượng khuôn vác quân dụng và nộp lương thực. Nhiều nhóm Thượng đã phải chạy qua xứ Nam Chưông (trước kia là Láng Cháng, Bắc Lào) lánh nạn.

Trong thế kỷ 17, người Thượng (Raglai và Churu) và người Chăm tiếp tục kết hợp cùng nhau chống lại cuộc Nam tiến của các chúa Nguyễn. Năm 1629, Sài Vương Nguyễn Phúc Nguyên tiến quân vượt sông Đà Rằng, thành lập Trấn Biên dinh đến tận chân núi Thạch Bi (đèo Cả). Vua Chăm Po Romé bị thua phải giảng hòa và xin cưới con gái thứ ba của Sài Vương là công chúa Ngọc Khoa, cũng là vợ thứ ba và là vợ út của Po Romé, gọi là Po Bia Út, tức hoàng hậu Akaran (vợ thứ nhất là Po Bia Suthi, người Chăm con vua Po Ehklang, không có con trai; vợ thứ hai là con một tù trưởng Rhadé ở Attopeu tên Po Bia Tanchan).

Năm 1697, người Đá Vách (Hré, Ktu, Pacoh, Bru) phía tây Bình Trị Thiên nổi lên phản đối sưu cao thuế nặng. Năm 1714, Trà Xuy (một người Hré) lãnh đạo dân Thượng phía Tây Cam Lộ kiểm soát một vùng đất rộng lớn phía Tây Quảng Trị. Năm 1722, người Hré tiến chiếm Minh Linh (còn gọi là Hồ Xá thuộc tỉnh Quảng Trị), chúa Nguyễn Phúc Chu cử Nguyễn Đăng Khoa đi đánh dẹp nhưng bị chết trong đám loạn quân. Quân Thượng hùng cứ khu vực cận sơn cho đến 1760 khi Nguyễn Cư Trinh làm tuần phủ Quảng Ngãi, ông phải mượn sự tích Sài Vải để khích động tinh thần binh sĩ mới dẹp yên được người Thượng. Nguyễn Cư Trinh thành lập Quảng Ngãi đồn dinh gồm sáu đạo canh phòng các vùng cận sơn và áp dụng chính sách dân vận để thu phục người Đá Vách.

Năm 1765, Định vương Nguyễn Phúc Thuần thành lập trấn Điện Bàn tại Quảng Nam và cho xây dựng một trường lũy (tường thành bằng đất bện tre, có hố

chông bằng cây tầm vông hay tre già vót nhọn) từ Trà Mi (Quảng Nam), Trà Bồng, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tư (Quảng Ngãi) đến An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ (Tây Bắc Bình Định) để phòng người Thượng. Năm 1770, khâm sai Trần Ngọc Chu mới dẹp yên được loạn Đá Vách, nhưng kéo dài lâu. Năm 1773, quân Thượng lại nổi lên ở Quảng Nam và Quảng Ngãi chống lại chính sách phân biệt đối xử. Năm 1775 tại Hải Lăng, hai lãnh tụ Lâm và Mộc, người Tà Ôi, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở các huyện Cam Lộ, Đăng Xương, Minh Linh chống lại chúa Trịnh.

Trong cuộc nội chiến Tây Sơn-chúa Nguyễn, cao nguyên Trường Sơn là nơi ẩn nấp của phe thua trận và là hậu cứ cho những cuộc tiến quân khác của các phe lâm chiến. Năm 1771, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên tại Tây Sơn, một làng trên cao nguyên An Khê thuộc tỉnh Bình Định, lãnh địa của người Bahnar. Phong trào Tây Sơn được người Bahnar, Hré, Kor, Sedang, Rhadé, Djarai và nhiều nhóm Thượng khác bên Lào giúp người và giúp của. Nhiều tù trưởng Thượng tại Bình Định còn gả con gái cho anh em Tây Sơn làm hầu thiếp. Quân Tây Sơn có ba đạo: một đạo gồm toàn người Hoa (đa số là quân cướp biển), một đạo gồm toàn người Thượng (do tù trưởng Bok Kiom, người Bahnar, chỉ huy) và người Chăm, hai đạo này hợp thành tả quân và hữu quân; đạo thứ ba gồm toàn người Kinh hợp thành trung quân. Khi Nguyễn Huệ hai lần mang quân ra Bắc (1788-1789), binh sĩ Thượng và Chăm đã tỏ ra đắc lực trong việc vận chuyển người và lương thực. Nguyễn Huệ mất năm 1792, người Thượng tiếp tục ủng hộ Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng chống lại chúa Nguyễn nhưng cuối cùng vẫn bị đánh bại. Sợ bị Gia Long trả thù, con cháu nhà Tây Sơn chạy lên cao nguyên lẩn tránh và được người Sedang hết lòng che chở. Từ đó cộng đồng người Thượng bị canh phòng nghiêm ngặt, mọi quan hệ với đồng bằng đều bị cắt đứt.

Năm 1804, hai năm sau khi lên ngôi, Gia Long cho dựng lại các tuyến phòng thủ phía Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi, gọi là Trấn Man (nơi ngăn giữ người Man), nay là Điện Bàn, gồm 4 nguyên: Đà Bồng, Cù Bà, Phù Bà và Ba Tư và 5 đạo. Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Khắc

Tuân củng cố tuyến phòng thủ này với sự thành lập nhiều đồn lũy tại những nơi trọng điểm, nhiều khu dinh điền và đồn điền đưa dân đồng bằng lên khai thác, đồng thời giáo hóa một số bộ lạc Thượng ven ranh nghề canh tác lúa nước và chăn nuôi. Năm 1819, tả quân Lê Văn Duyệt xây thêm Tịnh Man Trường Lũy (thành lũy để dẹp yên giặc Man) bằng đá và đất cao 2 thước, dày 1 thước, dài trên 90 cây số, từ Trà Bồng qua Sơn Trà, Minh Long phía đông Ba Tư (Quảng Ngãi) đến Nước Giao, Gò Bui thuộc An Lão (Bình Định) để ngăn chặn người Thượng. Mặt ngoài trường lũy có hào chông và hàng rào cây với 115 đồn, mỗi đồn có 10 lính canh.

### Quan hệ với triều Nguyễn

Do bị cắt đường liên lạc với đồng bằng miền Trung, tình hình trên cao nguyên rất là loạn lạc dưới triều nhà Nguyễn và đời sống của người Thượng trở nên cơ cực vì bị người Nam Chưởng và Xiêm La ức chế. Người Bahnar rút về phía Đông dọc sông Bla sinh trú, người Halang trốn lên đỉnh núi Mang Rai, người Rhadé Kpa chạy về phía Nam hồ Taklak (Lạc Thiện) lập nghiệp, người Chom Puon và Brao sinh sống dọc đèo Lao Bảo ẩn vào rừng sâu, người Mngong Bhiat di tản sang Kratié. Nhiều nhóm đã bị diệt chủng hay bị đồng hóa, đến nay không còn dấu tích. Tại một số nơi, quân Xiêm La còn xúi người Thượng đánh phá các làng ven núi của người Việt để bắt người và cướp lương thực.

Trước sự đe dọa của Xiêm La, năm 1827 tù trưởng Chiêu Nội dẫn 3.000 dân dinh chạy qua Đại Việt xin bảo hộ và dâng luôn 28 sở ruộng ở Kham Mouan làm nội thuộc. Minh Mạng đổi tên Kham Mouan thành Trấn Ninh và phong Chiêu Nội làm Trấn Ninh phòng ngự sứ, cai quản 7 huyện và phong các thổ mục làm thổ tri huyện và thổ huyện thừa. Tin Đại Việt chịu bảo hộ và giúp các thổ dân chống lại Xiêm La và Nam Chưởng loan đến các bộ lạc thiểu số khác tại Ai Lao. Tù trưởng Tam Động (Tourakom) và Lạc Phán (Pak Sane) trước kia trực thuộc Vạn Tượng cũng dâng đất xin nội thuộc, Minh Mạng liền chia làm hai phủ: Trấn Tĩnh và Lạc Biên và giao cho các đầu mục bản địa cai quản. Về sau có thêm tù trưởng các xứ Xa Hổ (Sa Noi), Sầm Tộ

(Sam Teu), Mang Soan (Mouan Som), Mang Lan (Mouan Ham), Trình Cốc (Xiang Khoan), Sầm Nứa (Sam Neua), Mường Duy (Mouan Yut), Ngọc Ma (Na Noi), Cầm Cát (Kham Keut), Cam Môn (Kham Mouan) và Cam Linh (Kham Len) về xin nội thuộc, tất cả đều được vua Minh Mạng nhận bảo hộ và phong quan. Minh Mạng lập thêm ba phủ: Trấn Biên (Xa Hổ, Sầm Tộ, Mang Soan và Mang Lang), Trấn Định (Cam Cát, Cam Môn và Cam Linh) đặt dưới sự quản lý hành chính của Nghệ An, còn phủ Trấn Nam (Trình Cốc, Sầm Nứa và man Duy) trực thuộc Thanh Hóa. Các nhóm Mường và Hmong (Mèo) sinh sống tại Mang Vang (Na Khang), Na Bí (Prasie), Thượng Kế (Keng Kok), Tả Bang (Ta Lam), Xương Thịnh (Song Khone), Tầm Bồn (Tchépone), Bà Lan (Pha Lane), Mang Bồng (Mouan Phin) và Lang Thời (Phak Kha Nhia) cũng xin về nội thuộc, được chia làm 9 châu do các đầu mục cai quản, trực thuộc Cam Lộ. Như vậy toàn bộ lãnh thổ miền Trung Lào (Vientiane, Xiang Khoang, Hua Phan, Bolikham-say, Kham Moun và Savanakhet) đều nội thuộc Đại Việt.

Người Thượng sinh trú tại vùng Hạ Lào thường bị người Thái hiếp đáp cùng chạy qua Đại Việt cầu cứu. Từ 1829 trở về sau, vua Thủy Xá của người Djarai thường sai người mang lễ vật triều cống và được ban tặng lại áo mào, tước phẩm triều đình và mang họ do vua đặt. Nhưng đời sống của người Thượng ngày càng khó khăn, lễ vật triều cống thưa dần rồi ngưng hẳn, thỉnh thoảng họ còn tràn vào các làng xã của người Việt tại vùng giáp núi để cướp lương thực. Năm 1863, vua Tự Đức phong Nguyễn Tấn làm tiểu phủ sứ Trấn Man để ngăn chặn người Thượng. Nguyễn Tấn đổi Trấn Man thành Nghĩa Định Sơn Phòng Trấn, ghi chép những phong tục tập quán, ngôn ngữ của người Thượng để quan quân học tập. Sơn Phòng Trấn gồm bốn châu: Trà My, Nghĩa Hành, Đức Phổ và Bồng Sơn. Năm 1866-1867, các bộ lạc lớn của người Thượng xin thần phục, đến năm 1869 thì tất cả các bộ lạc nhỏ ở vùng rừng sâu phía tây An Lão (Bình Định) đều ra hàng. Con cháu Nguyễn Tấn là Nguyễn Độ và Nguyễn Thân tiếp tục cai trị Sơn Phòng Trấn cho đến năm 1891. Vua Tự Đức ra chỉ dụ nói rộng lãnh thổ lên các vùng trung nguyên, chương trình này

sau đó bị đình chỉ vì triều đình Huế phải tập trung sức lực đối phó với quân Pháp đang làm áp lực trên khắp lãnh thổ.

Số bộ về dân số người Thượng thời Nguyễn không có vì người Thượng không có họ mà chỉ có tên. Dưới thời Tự Đức, để tiện việc ghi chép, các quan lại triều đình (chánh tổng và tổng nguồn là những chức quan cai trị vùng Thượng) đặt cho mỗi làng Thượng một họ Việt chung tùy theo suy luận của mỗi người, chẳng hạn như Đinh (tráng đinh), Hồ (loạn quân), Man (dã man) v.v... Từ đó người Thượng vùng Nam Ngãi đều mang họ Đinh, người Vân Kiều mang họ Hồ, người Thượng ở Bình Định và Phú Yên mang họ Man, v.v...

Sự hiểu biết về người Thượng chỉ rõ dần khi người Pháp mở rộng lãnh thổ lên cao nguyên. Công lao đầu tiên thuộc về các giáo sĩ, tiếp theo là của những nhà phiêu lưu, mạo hiểm. Những ghi chép của họ đã giúp chính quyền thuộc địa Pháp dễ dàng cai trị cao nguyên. Người Việt sau này, thừa hưởng di sản hiểu biết đó, đã không biết làm thăng hoa thêm.

Nguyễn Văn Huy

### Đính chính (tiếp theo trang 14)

... học (không rõ có phải đầu tiên hay không?). Chi Huệ tốt nghiệp hoá Đại học tổng hợp năm 1973 chắc hẳn phải biết rõ: ông Loạn không phải là tiến sĩ hoá học, mà lại càng không phải là "tiến sĩ hoá học đầu tiên". Bá Linh (chồng cũ của "triệu phú Tù") không phải lưu vong sang Nga, theo văn bản chính thức, anh ta được Viện Vật lý cử sang "công tác". Chuyện hai ông ấy viết thuê luận án thì đúng 100%.

### Cáo lỗi

Trong bài *Sử dụng và lạm dụng* của Tưởng Năng Tiến, đăng trên Thông Luận số 135, trang 25, vì sơ xuất lúc xếp bài, chúng tôi đã làm mất mấy câu đầu bài như sau:

*Việc ông Trần Trường treo cờ của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, và trưng hình ông Hồ Chí Minh - vào tháng Giêng năm 99, ở phố Bolsa, thị xã Westminster, California Hoa Kỳ - gây phẫn nộ cho cộng đồng người Việt nơi đây, rồi ông ta bị bắt sau đó không lâu ...mọi người đều biết, và đều tưởng đã chìm vào quên lãng.*

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Ban biên tập



# Tranh luận trên vấn đề xây dựng Đại học Sư phạm Trọng điểm

Tôn Thất Long

## 1. Nguyên nhân của các tranh luận

Cho đến các năm đầu của thập niên 90, hệ thống các trường đại học sư phạm ở Việt Nam bao gồm bảy trường đại học sư phạm (Hà Nội 1, Hà Nội 2, Việt Bắc, Vinh, Huế, Qui Nhơn và thành phố Hồ Chí Minh), Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Chủ yếu các trường này có mục tiêu đào tạo các giáo viên bậc trung học. Ngoài ra ở mỗi tỉnh lại có thêm một hay hai trường sư phạm đào tạo các giáo viên bậc tiểu học.

Các tranh luận trên vấn đề xây dựng các trường "đại học sư phạm trọng điểm" hiện nay có nhiều lý do sâu xa mà trước tiên phải kể là sự phân hóa nói chung trong ngành giáo dục từ sau thời kỳ đổi mới. Nguyên nhân chính của sự phân hóa này là ngành giáo dục bị đánh giá quá thấp, không có ngân sách hợp lý... và được thể hiện qua một số các sự kiện như hiện tượng giáo chức tự ý bỏ nghề, các trường sư phạm không có sinh viên mặc dầu đã có biện pháp miễn phí và hầu như đã từ bỏ các tiêu chuẩn tuyển sinh... Theo các thống kê, hiện nay thiếu vào khoảng 200.000 giáo viên các cấp và hàng năm lại còn hao hụt đi 20.000 người vì số người hồi hưu và việc lưu chuyển giáo viên qua các ngành khác. Hiện tượng học sinh bỏ học trầm trọng ở mọi cấp vì học phí quá cao làm tăng thêm nạn mù chữ. Ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ bỏ học và mù chữ thay đổi từ 38% đến 45%. Trong thời kỳ đổi mới, sự xuất hiện các khẩu hiệu "đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực" lại tạo điều kiện cho một số các trường đại học sư phạm vượt ra ngoài nhiệm vụ đào tạo giáo viên, để đào tạo một số các ngành nghề mới như luật sư, bác sĩ,... làm xáo trộn chức năng của các đại học và càng làm cho các trường sư phạm mất dần ảnh hưởng trong hệ thống đào tạo chung.

Để khôi phục một phần nào vị trí và danh dự của các trường sư phạm, Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, đưa ra một khẩu hiệu mới: "Xây dựng một số trường Đại học sư phạm trọng điểm để

vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến". Cũng như thường lệ, đó chỉ là một khẩu hiệu, vừa cao xa, vừa trống rỗng... nhưng lại được dư luận ở các trường đại học sư phạm đón nhận thuận lợi, mỗi nơi tùy nghi giải thích nghị quyết, xác định các tiêu chuẩn của các "đại học sư phạm trọng điểm" trong mục đích thuyết phục rằng đơn vị của mình đã đạt được danh hiệu đề ra trong nghị quyết của Đảng.

Các tranh luận về sự xây dựng các trường "Đại học sư phạm trọng điểm" chỉ thật sự bùng nổ gay gắt kể từ khi thành lập Viện Đại học Quốc gia Hà Nội (với sự hợp nhất của đại học Tổng hợp, đại học sư phạm Hà Nội 1 và đại học sư phạm ngoại ngữ), Viện Đại học Quốc gia Thành phố HCM (với sự hợp nhất của các đại học Tổng hợp, Bách khoa, Sư phạm, Sư phạm kỹ thuật, Nông-Lâm, Tài chính - Kế toán, Kiến trúc và Đại học Luật), Viện Đại học Huế (bao gồm các đại học Sư phạm, Tổng hợp, Y khoa, Nông nghiệp, Cao đẳng Mỹ thuật), Viện đại học Thái nguyên (bao gồm trường Sư phạm Việt Bắc, Nông nghiệp Bắc Thái, Công nghiệp Thái Nguyên, Y khoa Bắc Thái, Công nhân cơ điện Việt Bắc), Viện đại học Đà Nẵng (với các trường Bách khoa, Sư phạm, Sư phạm ngoại ngữ và trường Công nhân kỹ thuật). Qua hệ thống các viện đại học mới này, tất cả các trường đại học sư phạm cũ (kể cả ở Hà Nội và ở Thành phố HCM) đều phải tồn tại trong khuôn khổ của các Viện đại học mới và đóng những vai trò "thứ yếu", chỉ là các thành viên trong các viện đại học mới như các thành viên khác, không hơn không kém. Các tranh luận, qua tài liệu của Hội khuyến học, thì cho rằng sự phụ thuộc vào các viện đại học mới đều không phù hợp với mục tiêu "trọng điểm" mà nghị quyết trung ương đã đề ra và cho rằng, trên thực tế, tiêu chuẩn "trọng điểm" thật ra đã đạt được từ lâu ở nhiều trường đại học sư phạm cũ, như trường đại học sư phạm Hà Nội và Thành phố HCM. Đây là một cuộc tranh luận một

chiều vì qua tài liệu của Hội Khuyến Học trên vấn đề này, không thấy một phát biểu nào bình vực quan điểm ngược lại.

## 2. Các giải thích về Nghị quyết của Trung ương Đảng

Qua các bài phát biểu dưới đề mục "Xây dựng Đại học sư phạm trọng điểm" trong tài liệu của Hội khuyến học trước tiên ta có thể tìm thấy một số phát biểu chống đối lại các dư luận và các chủ trương sai lầm sẵn có từ lâu, muốn hạ thấp vai trò của các trường đại học sư phạm và cho rằng các trường sư phạm chỉ cần giữ và phát triển các bộ môn về các phương pháp tâm lý giáo dục, đào tạo "ngành vụ sư phạm"... Các đại học sư phạm không có chức năng và trên thực tế không có khả năng nghiên cứu các khoa học cơ bản mà chỉ cần tiếp nhận các thành tựu các kiến thức này từ các trường đại học khác hay của các viện nghiên cứu để đào tạo giáo viên. Các quan niệm này làm suy giảm địa vị của các trường đại học sư phạm và giải thích tình trạng phân biệt đối xử bất công như việc một số trường đại học sư phạm không được tham gia đào tạo "thạc sĩ" hay các nghiên cứu sinh về khoa học cơ bản, các đại học sư phạm không được tham gia chủ trì các chương trình và đề tài ở cấp Nhà nước về khoa học cơ bản, không được cử đi trao đổi và tham gia các hội nghị quốc tế... Ngay cả trường đại học sư phạm Hà Nội cũng không còn giữ được vị thế vốn có của mình và khi cả nước làm kinh tế thị trường thì ngành giáo dục lại biến thành thị trường "chữ nghĩa".

Để chống lại các dư luận bất lợi trên, các phát biểu trong tài liệu của Hội khuyến học đều cho rằng muốn củng cố hệ thống các trường sư phạm cần phải xác định lại hai chức năng của các đại học này là đào tạo trên cả hai lĩnh vực về khoa học giáo dục cũng như về khoa học cơ bản và phải tạo các điều kiện và cơ sở vật chất để cải thiện công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học ngay trong phạm vi của các trường sư phạm. Họ cho rằng chỉ có các trường đại học sư phạm, được

tổ chức trên các cơ sở độc lập, hoàn chỉnh... được ưu tiên đầu tư và trang bị đầy đủ với tất cả mọi ngành về khoa học cơ bản và khoa học nghiệp vụ giáo dục mới đáp ứng các yêu cầu chất lượng đào tạo cao của nghị quyết của trung ương Đảng! Nói một cách khác, trên phương diện nội dung đào tạo, sư phạm phải trở thành một ngành đào tạo riêng biệt, độc lập với các hệ thống đào tạo khác và không phải qua bất cứ một trung gian nào cả!

Vấn đề thứ hai được đặt ra là xác định vai trò chính thống của các trường sư phạm trong nhiệm vụ đào tạo giáo viên ở bậc trung học, chống lại quan niệm cho rằng, sau khi được đào tạo ở các trường khoa học cơ bản trong các đại học đa ngành, ở ngoài các trường sư phạm, các sinh viên chỉ cần học thêm vài chứng chỉ về nghiệp vụ giáo dục là có thể trở thành giáo viên. Theo nhiều cách giải thích, một loại mô hình nửa vời, chỉ đào tạo về nghiệp vụ thì không thể gọi là Đại học Sư phạm trọng điểm được. Muốn có chất lượng đào tạo cao thì phải thực hiện đào tạo song song, ngay từ năm đầu đến năm cuối, trong suốt học trình, về cả khoa học cơ bản cũng như về khoa học giáo dục. Nói một cách khác, trên cơ cấu tổ chức, các trường sư phạm phải là các đơn vị độc lập, phù hợp với nhiệm vụ đã ghi nhận trong Nghị quyết Trung ương 2: "Ngân sách nhà nước phải được sử dụng tập trung ưu tiên cho việc đào tạo giáo viên, củng cố và tập trung nâng cấp các trường sư phạm, xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm".

Nhất là khi thời gian đào tạo ở bậc đại học chỉ được qui định với một học trình ngắn là bốn năm, thì đây là một điều kiện tiên quyết! Mục đích chính là làm cho các giáo sinh làm quen ngay từ đầu với môi trường giáo dục. Phương pháp đào tạo chuyên môn về khoa học cơ bản trước, bổ túc thêm về khoa học giáo dục sau chỉ thích hợp với một học trình kéo dài từ năm đến sáu năm và ở ngoài các qui định hiện nay. Vì vậy, trong các điều kiện hiện nay chỉ có các trường đại học sư phạm mới có vai trò chính đáng đào tạo các giáo viên!

Vấn đề thứ ba được nêu ra trong tài liệu của Hội khuyến học là việc ghép các đại học vào trong khung khổ của các viện đại học quốc gia đa ngành mới thành lập như hiện nay là không thích

hợp, nhất là khi mô hình các viện đại học mới này chưa được ổn định và chính các viện đại học này cũng chưa thực hiện được chức năng của các đại học đa ngành. Trong hiện trạng, mô hình của các đại học quốc gia là một mô hình còn đang phải mò mẫm, nếu không muốn nói là đang thất bại. Sự không ổn định về tổ chức của mô hình các viện đại học mới chắc chắn sẽ làm chậm trễ các cải tiến ở các trường sư phạm. Các ý kiến đều cho rằng khi ghép các trường đại học sư phạm vào các viện đại học đa ngành thì mặc nhiên các trường sư phạm sẽ mất đi đặc tính "trọng điểm" vì phải đặt trường vào trong một đơn vị quản lý mới!

Ngoài các lý do đã được nêu ra trên đây, mục tiêu đào tạo hai giai đoạn trong các Đại học quốc gia và sự thành lập các "Đại học đại cương" làm trung gian đảm nhận việc đào tạo trong giai đoạn đầu là không thích hợp với việc đào tạo các giáo viên. Trong chương trình của đại học đại cương hiện nay, với bảy nhóm ngành chung cho các lãnh vực khác nhau, gần như mọi môn học đều phải được giảng dạy nhưng chỉ dạy rất sơ lược, mất một năm rưỡi mà không liên hệ gì với việc đào tạo giáo viên cũng như không thể đi sâu vào được một ngành chuyên môn nào cả. Qua giai đoạn hai, phải bổ túc thêm một số môn đã học ở giai đoạn đầu, thời gian hai năm rưỡi còn lại thì quá ngắn để đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa về khoa học cơ bản vừa về khoa học giáo dục.

Sau hết, ngoài các vấn đề đã được nêu ra trên đây, một số vấn đề khác liên quan tới việc xây dựng các đại học sư phạm trọng điểm cũng được đưa ra. Ta phải kể đến các ý kiến sau:

\* Xét lại việc thành lập các đại học quốc gia và khu vực, đặc biệt là tách các trường sư phạm khỏi hệ thống các viện đại học hiện có và xây dựng các trường đại học sư phạm trọng điểm tại Hà Nội, Huế và thành phố HCM.

\* Xét về mặt lịch sử, các trường đại học sư phạm đã được thành lập trong các đại học đầu tiên của chế độ, đã phát triển không ngừng và hiện nay đang hiện hữu trên mọi tỉnh thành toàn quốc. Vì vậy có nhiều đề nghị đặt các trường đại học sư phạm trong một hệ thống độc lập mới, chỉ gồm các trường sư phạm và trực thuộc vào Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cũng trong chiều hướng này, có đề nghị hợp

nhất trường đại học sư phạm Hà Nội I và đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội thành một trường sư phạm hay hợp nhất viện khoa học giáo dục với trường đại học sư phạm Hà Nội để đi đến việc thành lập một viện đại học sư phạm quốc gia.

\* Yêu cầu giải tỏa những rào cản về mặt cơ chế và tổ chức để có thể xây dựng các đại học sư phạm trọng điểm theo như nghị quyết trung ương 2.

\* Nhiều người cho rằng việc thực hiện đường lối giáo dục hiện nay của Đảng còn có nhiều hạn chế và có ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều lãnh vực khác là do những quan điểm sai lạc về vai trò và ý nghĩa của giáo dục và do các tác động của cơ chế thị trường, chỉ nhằm chạy theo các đòi hỏi của của các xí nghiệp nước ngoài. Ngay cả trường đại học sư phạm Hà Nội cũng không còn giữ được vị thế vốn có của mình, chất lượng đào tạo ngày càng sút kém.

Theo những thông tin mới, bắt đầu từ niên khóa 1999-2000, các trường Đại học đại cương trong các viện đại học được hủy bỏ. Trong chiều hướng này, mỗi trường của các viện đại học mới được thành lập sẽ trở lại các vị trí cũ của mình đã có từ trước và tự đảm nhận việc đào tạo trong giai đoạn đầu, theo định hướng của mình. Với sự chống đối ngày càng tăng, việc tách rời các đại học sư phạm ra khỏi các viện đại học hiện có cũng hầu như được thực hiện.

### 3. Vị trí trọng điểm của Đại học Sư phạm Hà Nội

Tuy Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII đã tung ra khẩu hiệu xây dựng các trường Đại học Sư phạm Trọng điểm nhưng cho đến nay vẫn chưa có cơ sở đại học nào được chỉ định để thực hiện khẩu hiệu này. Vấn đề hiển nhiên được đặt ra là tìm xem trong các cơ sở sư phạm hiện nay, ai có thể hay đã có thể có đủ điều kiện để đáp ứng các đòi hỏi của nghị quyết. Vì các vị trí đặc biệt về địa lý, chính trị cũng như vì vai trò lịch sử truyền thống trong quá trình xây dựng cho đến nay, lời giải hiển nhiên của nghị vấn này không thể có ai khác hơn là các Đại học Sư phạm Hà Nội và thành phố HCM. Trong khi chờ đợi một quyết định, các tranh chấp giữa các cơ sở hiện hữu luôn luôn xuất hiện, nhất là khi sự thành lập các Viện đại học mới đã đặt các Đại học Sư phạm vào một vị trí thứ yếu.

Một chi tiết đáng được lưu ý là, trong bài tham luận trên đề tài "xây dựng đại học sư phạm trọng điểm" của tài liệu của Hội khuyến học, đã có đến năm bài tham luận ca ngợi không ngừng các "thành tích lịch sử" của trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN)! Chúng tôi muốn nêu lại ở đây nguyên văn một số phát biểu về các thành tích đó để cho dư luận tìm thấy một phần nào các cơ sở và trình độ lý luận của lớp người đang được dùng làm hậu thuẫn cho chế độ hiện tại trong lãnh vực giáo dục và môi trường cụ thể trong ngày hội thảo do Hội Khuyến Học tổ chức.

\* Về nguồn gốc của trường ĐHSHPN, có bài viết: "Về mặt lịch sử, trường ĐHSHPN không chỉ bắt đầu từ ngày 11-10-1951 như được công nhận lâu nay, mà phải tính từ ngày Trường Cao Đẳng Đông Dương được thành lập theo nghị định ngày 15-10-1917 của Toàn quyền Albert Sarraut. Đây là điều hợp lý như việc Đại học Huế, tuy mới thành lập 4 năm mà kỷ niệm tuổi 40 và được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3. Về thực tế, thầy trò ĐHSHP Hà Nội có quyền tự hào với các thế hệ sinh viên Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, với các bậc cha anh của mình đã là những nhà yêu nước, cách mạng, những nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, những nhà khoa học, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo nổi tiếng, những cán bộ lãnh đạo ngành, những cán bộ giảng dạy nhiều trường đại học. ĐHSHPN đã vẫn là trung tâm khoa học (cơ bản và nghiệp vụ)...". Thật là những lời ca tụng hùng hồn cho nhiều quá khứ không liên quan gì với trường ĐHSHPN cả!

\* Sau đây là một số thành tích của ĐHSHPN: "...phẩm chất và thành tựu của ĐHSHPN, cũng như Đại học Tổng hợp Hà Nội là cực kỳ to lớn. Ở đây xin phép được phác vài nét qua mà thôi. Trước hết, đây là một trường rất nghiêm túc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước...". Chỉ cần lấy một ví dụ nhỏ về việc "phân đất" cho giáo viên, ngay cả trường Đảng bên cạnh cũng đã tiến hành từ lâu, nhưng ĐHSHP vẫn một mực tuân thủ theo chính sách vốn có.

Nếu ĐHSHP làm như vậy, thì chắc chắn ngày nay sẽ không còn một tấc đất cho bất cứ một cơ quan nào khác. Về mặt đào tạo giáo viên thì không cần phải nói nhiều. Chỉ cần nhắc lại rằng trước đây

một nhà lãnh đạo của Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam đến thăm trường và có dự một giờ giảng của một giáo viên khoa Văn, và phát biểu: "Đây quả là chùa đất, phật vàng". Về trình độ khoa học cơ bản, thì dường như bảo vệ học vị TSKH xã hội đầu tiên ở Liên Xô là người ở ĐHSHPN... Về bảo vệ PTS trong nước, thì ĐHSHPN cũng là nơi mở đầu. Hiển nhiên, bảo vệ TSKH trong nước, người đầu tiên là ở trường khác... còn chính ĐHSHPN đã mở đầu cho việc bảo vệ học vị TSXH trong nước... Tóm lại, trường ĐHSHPN không có bất cứ lý do gì bị loại ra ngoài danh sách xây dựng thành trường ĐHSHP trọng điểm theo tinh thần nghị quyết TU2 để trượt dần trên con đường biến thành ĐHSHP nửa vời cả...".

\* Khi đọc các phát biểu trên, ai ai cũng muốn tìm hiểu ý nghĩa việc "phân đất" mà tác giả bài tham luận đã nêu ra. Sự thật, trong một bài tham luận khác về việc thành lập Viện đại học Quốc gia Hà Nội của cùng một tác giả, việc này lại được giải thích một cách một cách rõ ràng hơn: "...lúc đầu đã có một bước đi khá đúng đắn, tức là lấy Đại học Tổng hợp làm nòng cốt rồi sát nhập một số trường vốn tương ứng về nội dung với các khoa của nó... Không làm được như thế, nhưng làm sao phải nhanh nhanh có được Đại học Quốc gia. Xem ra Đại học Sư phạm, lại có mấy chục hecta đất chưa dám chia cho cán bộ làm nhà. Thế là quyết định sát nhập Đại học Sư phạm với Đại học Tổng hợp, vốn mục tiêu rất khác nhau, thành Đại học Quốc gia. Trên thế giới chưa hề có ở đâu mà "hàm lượng chất đất" lớn đến thế trong quyết định thành lập một trường Đại học...".

\* Nhiều phát biểu khác cũng muốn chứng minh tính cách "trọng điểm" của ĐHSHPN chỉ vì trong quá khứ Đảng và Nhà nước đã làm nhiều hứa hẹn mơ hồ mà chưa bao giờ được thực hiện trọn vẹn, chẳng hạn như: "Trong những năm chiến tranh... Bác Hồ đã đến đây và có giao nhiệm vụ phải xây dựng ĐHSHPN thành trường mô phạm trong cả nước. Sau ngày đất nước thống nhất, ĐHSHPN cũng được Chính phủ công nhận là một trong sáu trường trọng điểm quốc gia. Trọng điểm quốc gia, thì tuy không xưng thành danh, nhưng ĐHSHPN, về thực chất vẫn đã như thế từ lâu rồi... Đầu những năm 60... đã và đang có kế hoạch

Liên Xô giúp xây dựng Đại học Bách khoa, còn Ba Lan sẽ giúp ĐHSHPN và địa điểm đã được ghi nhận bên bờ Hồ Tây... Nhưng tuy bạn giúp ta, ta cũng phải đóng góp. Song hiện thời phải dồn công của vào ĐHBK trước đã. Thế rồi chiến tranh nổ ra... Sau chiến tranh, cuối những năm 70... Nghị quyết của Bộ Chính trị đã nói rõ về việc xây dựng cơ sở vật chất hiện đại cho ĐHSHPN... và cuối cùng chúng ta còn lại được một số tòa nhà như hiện nay. Nhưng đây mới chỉ là một phần nhỏ. Còn trong mô hình (dự định) của ĐHSHPN mang tính chất trọng điểm có đầy đủ các khoa, thư viện, sân bóng, bể bơi, ... Như thế thì hình ảnh về trường ĐHSHPN mang tính chất trọng điểm quốc gia vốn tồn tại trong chủ trương của Đảng và nhà nước ta, sẽ được hiện lên một cách chính xác, toàn diện và linh động hơn... Trên cơ sở đó, tôi xin được hỏi các tác giả của Đại học Quốc gia Hà Nội... trong khi chủ trương ĐHSHPN phải hòa nhập với nguy cơ luôn luôn bị hòa tan như hiện trạng... có biết chủ trương với toàn bộ hồ sơ về vấn đề này không?"

\* Cũng căn cứ trên cùng một lời hứa hẹn, sau đây là một giải thích tương tự về vai trò "trọng điểm" của ĐHSHPN: "Trên thực tế, chủ trương xây dựng trường ĐHSHP trọng điểm đã được trường ĐHSHPN thực hiện từ lâu - từ khi Bác về thăm trường và chỉ thị "Phải xây dựng trường ĐHSHPN thành một trường mô phạm trong cả nước".

Thực hiện chỉ thị của Bác, Bộ Giáo Dục cũ đã đặt trường ĐHSHPN trong vị thế là máy cái của ngành giáo dục. Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy và Bộ giáo dục cũ, Đảng bộ ĐHSHP đã có nhiều đại hội thảo luận, xác định mục tiêu, nội dung, bước đi xây dựng trường đại học trọng điểm và đã lãnh đạo toàn trường phấn đấu xây dựng trường trọng điểm. Thực sự trường ĐHSHPN đã là máy cái của ngành, từ ĐHSHPN đã dựng nên nhiều trường ĐHSHP trong toàn quốc. Thế nhưng trong những năm đổi mới vừa qua, trường ĐHSHPN từ chiếc máy cái đã trở thành chiếc máy con.

Đã là chiếc máy con lại chịu ba cấp quản lý nhà nước thì không thể năng động phát huy tác dụng của trường đối với toàn ngành giáo dục được... Muốn thực hiện được ý Bác, đề nghị các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước tạo lại vị thế

cho trường DHSPHN để nó làm được nhiệm vụ trường trọng điểm, trường mô phạm trong cả nước".

#### 4. Một vài nhận xét chung

Hiển nhiên, các tranh luận ở đây chỉ là những tranh luận trong một lãnh vực kỹ thuật, không liên quan gì tới vai trò lãnh đạo của Đảng hay các vấn đề an ninh của chế độ. Nhưng qua các phản ảnh trên đây, lần đầu tiên chúng ta đã có thể thấy được một vài tranh luận chính thức (nhưng không công khai) đi ngược lại đường lối của Đảng đang được áp dụng và đó là một điều đáng được để ý. Để kết thúc, chúng tôi chỉ đưa ra vắn tắt hai nhận xét.

Nhận xét thứ nhất là các tranh luận chỉ nhằm vào việc giải thích một cách tùy tiện về hình thức của một số từ ngữ mơ hồ do Đảng đề ra mà không đi vào thực chất của vấn đề là tìm các nội dung và phương thức cụ thể, với sự phối hợp các điều kiện hiện có, để cùng nhau xây dựng các đại học sư phạm. Không cần phải đi sâu hơn nữa, ai ai cũng đều nhận ra rằng các tranh luận trên đây rất là thiếu cặn, nông cạn, vô ích,... thiếu hẳn tinh thần hợp tác và đối thoại. Qua các thảo luận, ta có cảm tưởng đây chỉ là một diễn đàn trong đó các phe nhóm khác nhau xung đột lẫn nhau vì quyền lợi bất đồng, một bên muốn bành trướng ảnh hưởng bằng cách xây dựng một hệ thống lớn, một bên muốn tránh mọi cái tỏ khi thấy quyền hạn của mình trong hệ thống mới bị giảm sút.

Nhận xét thứ hai là, trong xã hội Việt Nam hiện nay, sự phân hóa xuất hiện trong mọi tầng lớp, ở mọi cấp bậc và trong mọi ngành sinh hoạt. Sự phối hợp ở các cấp lãnh đạo chung đều hoàn toàn bị tê liệt. Mỗi phe nhóm hiện có chỉ muốn xác định tối đa ảnh hưởng và địa bàn hoạt động, tùy tiện xác định các chức năng của mình rồi tìm cách thực hiện riêng rẽ công việc mà mình tự giao phó, thay vì làm các phân tách cụ thể để phân chia công việc phải thực hiện thành từng bộ phận hợp lý và tìm sự hợp tác với các thành phần khác, tùy theo khả năng của mỗi thành phần trong hệ thống, qua sự phối hợp của một cấp lãnh đạo để thực hiện công việc chung. Tình trạng này đang được xảy ra thường xuyên, không riêng gì trong ngành giáo dục.

**Tôn Thất Long**

#### **Tham nhũng ở Trung Quốc: một phó tỉnh trưởng bị xử quyết, một phó chủ tịch quốc hội tù chung thân**

Quốc hội Bắc Kinh vừa họp khoảng đại thường niên vào đầu tháng 3 với trọng tâm chống tham nhũng, sau khi khám phá một vụ buôn lậu khổng lồ ở Hạ Môn thuộc tỉnh Phúc Kiến vào đầu tháng giêng, trong đó nhiều nhân vật đầu não của Đảng có dính líu. Đây không phải lần đầu tiên mà quốc hội Bắc Kinh bàn biện pháp chống tham nhũng. Nhưng rồi sau đó cũng "vũ như cần". Để biểu thị sự "cương quyết" chống tham nhũng, chính quyền cho xử tử một phó tỉnh trưởng trước ngày họp quốc hội. Đó là tên Hồ Trường Thanh (Hu Chang Qing), phó tỉnh trưởng tỉnh Giang Tây, đã ăn hối lộ 7 triệu nhân dân tệ (độ 840.000 USD). Thực ra, họ Hồ cũng chỉ là vật tế thần. Trước đó, nhiều nhân vật cao hơn chỉ bị trục xuất khỏi đảng hay cùng lắm là bị tù. Đầu tháng giêng 1999, Mạnh Thanh Bình (Meng Qing Ping), phó tỉnh trưởng Hồ Bắc bị kết tội tham nhũng hơn 100.000 USD chỉ bị trục xuất khỏi đảng. Trong tháng 10.1999, Hứa Vận Hồng (Xu Yun Hong), uỷ viên trung ương đảng, thành viên thường trực tỉnh Chiết Giang kiêm bí thư tỉnh uỷ tỉnh Ninh Ba (Ning Bo) lạm dụng quyền thế làm tổn thất tài sản nhà nước hơn một tỷ nhân dân tệ cũng chỉ bị trục xuất khỏi đảng. Trường hợp Trần Hy Đồng, cựu bí thư thành uỷ Bắc Kinh biển thủ đến 2 tỷ USD phải đợi tới hai năm sau mới bị phạt tù. Việc Hồ Thanh Bình bị xử quyết mau chóng vì sợ ông này thổ lộ nhiều nhân vật khác quan trọng hơn! Cùng trong lúc đó, người ta để ý đến sự vắng mặt của một trong 18 phó chủ tịch quốc hội, tên là Thành Khắc Kiệt (Cheng Ke Jie). Họ Thành trong nhiều thập niên là "lãnh chúa" của vùng tự trị Quảng Tây với chức vụ chủ tịch vùng kiêm bí thư tỉnh uỷ. Cách đây hai năm, họ Thành được Lý Bằng gọi về Bắc Kinh làm phó chủ tịch quốc hội. Người ta được biết họ Thành bị tù chung thân vì tham nhũng với số tiền 600.000 USD. Thế mới biết càng có chức vụ cao trong đảng, càng được đảng che chở!

Nạn tham nhũng, buôn lậu đã ăn vào xương cốt của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đến nỗi ông Uỷ Kiện Hành (Wei Jian Xing), nhân vật thứ 6 của thường vụ bộ chính trị, kiêm bí thư Kiểm Sát Kỷ Luật đảng, một "Bao Công" hiếm có của đảng phải thổ lộ rằng "chống tham nhũng

là một đấu tranh chính trị cho sự sống còn của đảng".

#### **Một Đảng Cộng Sản Pháp mới đã ra đời ?**

Theo lời tuyên bố của Robert Hue, nhân vật lãnh đạo số 1 của Đảng Cộng Sản Pháp thì đại hội năm nay - lần thứ 30 - của đảng này, họp từ ngày 23 ngày đến 26 tháng 3 vừa qua tại Martigues, gần Marseille, là một đại hội "sáng lập". Điều này làm cho người ta nhớ tới năm 1921, đã có một đại hội tại Marseille, cũng mang tên "đại hội sáng lập" và đã đổi tên gọi đảng lúc đó là Chi Bộ Pháp Của Quốc Tế Cộng Sản (Section française de l'Internationale communiste) thành Đảng Cộng Sản Pháp. Giữa hai đảng năm 1921 và năm 2000, trong khoảng cách thời gian 80 năm, đã có những thay đổi quan trọng khiến Đảng Cộng Sản Pháp năm 2000 có thể coi là một đảng mới.

"Một đảng cộng sản mới", "một chủ nghĩa cộng sản mới", "một dự án cộng sản mới", "một nhân sự lãnh đạo cộng sản mới" v.v..., chữ "mới" này, được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong ngôn ngữ của Đảng Cộng Sản Pháp, suốt chín tháng chuẩn bị Đại hội.

Chiều ngày 23-3 tại thành phố Martigues ở miền Nam nước Pháp, 886 đại biểu cộng sản (mà 47% là phụ nữ) cùng với gần 500 khách mời đã dự buổi họp khai mạc, mở đầu bằng một bài thơ của nhà thơ cộng sản Louis Aragon - bài Bích Chương Đỏ (Affiche Rouge) - Léo Ferré phổ thành nhạc. Jean Paul Magnon, một thành viên của cơ cấu lãnh đạo mãn nhiệm đọc một bài phát biểu dẫn nhập ngắn có thể tóm lược thành một câu hỏi: "Liệu cuộc họp mặt ở Martigues có viết được một trang sử mới cho chủ nghĩa cộng sản Pháp để sáng tạo ra một đảng cộng sản mới, xứng đáng với danh xưng này hay không?"

Đại hội đã thảo luận trên cơ sở một chương trình nghị sự 7 điểm dưới hình thức 7 văn kiện, dưới sự điều hợp của hai chủ tọa, một nam, một nữ, trong tinh thần không giáo điều, không theo định hướng do Đảng vạch trước.

Qua ba ngày thảo luận, người ta nhận thấy đại đa số những người cộng sản có mặt trong Đại hội Martigues đã nhất trí chối bỏ nguồn gốc và tác phong tuyệt đối bôn sê vích của Đảng Cộng Sản Pháp năm 1921, đã rũ bỏ vai trò đảng cách mạng vô sản, trong một nước cũng như trên trường quốc tế, đã lên án bạo lực đảng trị cách

# THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

mạng kiểu lê nin nít, xì ta li nít, chà đạp nhân quyền, dù ở tổ quốc của phe xã hội chủ nghĩa là Liên Xô cũ hay ở các chư hầu cũ của nước này như Trung Quốc, Cu Ba, Bắc Triều Tiên, Việt Nam v.v... Đảng Cộng Sản Pháp năm 2000 hành diện tự nhận là một đảng cải lương, tranh đấu chống bất bình đẳng xã hội, ngay trong đời sống hàng ngày. Không chờ đợi những "buổi chiều lớn" và "những ngày mai ca hát" nữa!

Do đó, một dự án hoạt động mới, với hai mục tiêu trước mắt để thực hiện ngay bây giờ và tức khắc đã được Đại hội tru liệu : Một mặt, củng cố sự hiện diện của Đảng Cộng Sản Pháp trong chính phủ xã hội tại chức ; mặt khác, đi sâu vào tất cả mọi tầng lớp quần chúng, đẩy mạnh cuộc tranh đấu cải tạo xã hội trong khuôn khổ phe tả đa thể (gauche plurielle) đang cầm quyền. Nói cách khác, Đảng Cộng Sản Pháp chấp nhận theo đường lối dân chủ đa nguyên, tuy cụm từ cấm kỵ này (từ thừa còn mờ ma bôn sẽ vịch) không được sử dụng.

Với Đại hội 30, Đảng Cộng Sản Pháp đã lột xác để trở thành một đảng đối lập hợp pháp trong chế độ, chấp nhận hòa hợp giai cấp, thay vì quyết liệt đấu tranh giai cấp (từ nay chỉ tiêu diệt bất bình đẳng xã hội cứ không tiêu diệt những con người bất bình đẳng như trước), để kịp thời mở ra cho mình một đường sống, tránh hiểm họa bị làn sóng của văn minh tiến bộ chôn vùi.

Nhiều lý do đã khiến Đảng Cộng Sản Pháp phải lột xác : tình trạng bỏ đảng ngày một tăng, phần cử tri còn bỏ phiếu cho cộng sản ngày một teo lại như miếng da lừa. Cái thế vương hoàng thời cực thịnh trên 100 ghế trong quốc hội nay đã tụt xuống trên dưới 30 ghế. Xu thế của thời đại đã buộc những người cộng sản Pháp lấy một quyết định rất khổ tâm mà họ đã trì hoãn từ hơn một thập niên. Đó là công khai từ bỏ quá khứ. Nay thì Đảng Cộng Sản Pháp, một đảng cộng sản lớn ở châu Âu và là đảng cuối cùng trong vùng này, đã chịu từ bỏ một cách chính thức nguồn gốc bôn sẽ vịch của mình. Dĩ nhiên, trên ngôn từ, nó vẫn còn mang tham vọng qua mặt tư bản nhưng, trong thực tế, con cá cộng sản đã chấp nhận thân phận một sinh vật sống trong "nước" tư bản.

Trước khi bế mạc, Đại hội đã bầu hai cơ cấu lãnh đạo đảng: Hội Đồng Toàn Quốc (Conseil National) với 264 thành viên và Đoàn Chấp Hành (Collège

Exécutif) với 46 thành viên, người ta nhận thấy quả thật Đảng Cộng Sản Pháp đã đổi mới, không phải chỉ hời hợt ở bên ngoài mà thấm sâu đến tận bên trong cốt lõi của nó. Phải nói rằng nó đã lột xác để tìm một đất sống mới. Ông Robert Hue, đã tái đắc cử lần thứ ba vào chức vụ bí thư toàn quốc.

## Việt Nam trên đà cải tổ giáo dục ?

Hà Nội đang tiến hành cải tổ một số sách giáo khoa về ngoại ngữ và dứt khoát chọn tiếng Anh làm ngoại ngữ chính thay tiếng Pháp và tiếng Nga, và sẽ còn được một tổ chức dân sự Mỹ giúp soạn lại giáo trình.

Việt Nam đang loại dần các sách giáo khoa do cố vấn Nga soạn vào giữa thập niên 80. Những sách này khuếch đại những sự kiện như việc phóng vệ tinh Sputnik, Đại Hội Thanh Niên Thế Giới ở Moscow, và đầy rẫy những sai lầm.

Những cuốn sách mới, sẽ được sử dụng cho lớp 6 đến lớp 12 trên toàn quốc, được soạn bởi các nhà giáo dục Hoa Kỳ thuộc 24 nhà bảo trợ là các công ty Hoa Kỳ, trong đó có hãng Coca Cola, cộng tác với Bộ Giáo Dục Việt Nam. Ông Adrien Van Geldergen, đại diện của Hợp tác Kinh Doanh Trong Lãnh Vực Giáo Dục Việt Nam (Business Alliance for Vietnamese Education, viết tắt là BAVE) tại Hà Nội tuyên bố: "Đây là một quyết định rất can đảm của chính phủ và là một quyết định, theo tôi, chứng tỏ lòng tin cậy". Tổ chức BAVE là một tổ chức bất vụ lợi ở Hoa Kỳ, hiện quản lý dự án mà phí tổn chung cuộc có thể lên tới 50 triệu mỹ kim. Tổ chức BAVE đặt trụ sở tại New York, đã được thành lập bởi Barbara Stewart, một nhà báo tại Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh.

Bộ Giáo Dục Việt Nam vẫn giữ quyền kiểm soát và duyệt ý từng dấu phẩy nhưng giữ cho các bài học không có tính cách chính trị. Họ đã ra lệnh thu hồi một đợt sách đầu để có thể sửa Biển Nam Trung Hoa thành Biển Đông, phản ảnh một cuộc tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Việt Nam về quần đảo Trường Sa, và họ đã nhất quyết - trước vài phản đối lúc đầu của Hoa Kỳ - rằng một đề cập tới Tướng Võ Nguyên Giáp phải được giữ nguyên.

Trong thực tế, hàng chục ngàn thanh niên Việt Nam đã bắt đầu học tiếng Anh từ lâu, ngay cả trước khi chính phủ quyết định vào tháng hai chỉ sử dụng sách của BAVE và nghị định năm 1998 buộc mọi

công nhân viên dưới 50 tuổi phải học Anh. Tiếng Nga, một thời được sử dụng rộng rãi, đã hết thời khi viện trợ của Moscow chấm dứt với sự sụp đổ của Liên Bang Xô Viết, và nước Pháp đã chỉ thành công khiếm tốn khi cố tái lập ngôn ngữ của họ như một ngôn ngữ phụ tại Việt Nam.

Vấn đề giáo dục là một vấn đề bức xúc đối với mọi người Việt Nam. Ngay cả những gia đình nghèo nhất cũng bị ám ảnh bởi việc giáo dục con cái của họ, mặc dù việc đi học chỉ bắt buộc cho tới hết lớp 5. Rất đông các thanh niên vào lứa tuổi đại học, làm việc ban ngày xong đến thẳng các lớp học đêm, rồi về học tại nhà cho đến 1 hoặc 2 giờ sáng. Việt Nam đã nâng được tỉ lệ biết đọc biết viết từ 88% năm 1989 lên 90% năm 1999 và hiện đang nhắm tới việc tiêu diệt nạn mù chữ khi đưa ra chương trình giáo dục mới.

Các nhà giáo dục Tây Phương ý thức rằng công cuộc cải tổ không phải là chuyện nhỏ đối với một quốc gia chỉ đủ sức chi tiêu 41 mỹ kim một năm cho mỗi học sinh trung học và chỉ có thể trả lương cho giáo viên (hầu hết là phụ nữ từ 24 đến 39 mỹ kim một tháng). Với mỗi năm một triệu học sinh mới gia nhập hệ thống học đường của Việt Nam, ngân sách giáo dục của Việt Nam còn phải trông chờ nhiều vào viện trợ quốc tế.

Một điều quan trọng hơn trong công cuộc cải tổ hệ thống giáo dục của Việt Nam này - được hỗ trợ bởi Ngân Hàng Thế Giới, Úc và Anh cùng với BAVE - là nó chủ trương cả việc tái huấn luyện các giáo viên. Theo giáo trình mới, Việt Nam sẽ từ bỏ phương pháp cổ truyền, trong đó học sinh thường được dạy dỗ thụ động theo kiểu "ngồi xuống, im miệng và lắng nghe." Thay vào đó, phương pháp mới khuyến khích học sinh tham gia, tự suy nghĩ, chất vấn người giảng huấn.

Những nhà giáo dục vạch ra rằng việc xét lại toàn diện học trình có thể đưa tới những thay đổi đáng kể về lâu về dài, bởi vì các mục tiêu của nó - học cách tự mình suy nghĩ, chất vấn người có thẩm quyền, tìm các giải đáp độc lập, sáng tạo từ trước đến nay vẫn là những điều cấm kỵ đối với chính quyền cộng sản.

## Cohen thuyết phục Việt Nam sử dụng "đòn bẩy" với Trung Quốc

Hà Nội - Bản tin của thông tấn AP tường thuật rằng ngày thứ nhì trong chuyến

# THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

viếng thăm Việt Nam - ông Bộ Trưởng quốc phòng Hoa Kỳ William Cohen đã lên tiếng thúc đẩy Cộng Sản Việt Nam và các nước láng giềng Đông Nam Á của Việt Nam phải sử dụng đến "sức mạnh đòn bẩy tập thể" đối với Trung Quốc, một cường quốc tương lai trong vùng.

Ông Cohen đã phát biểu như vậy tại Học Viện Quốc Phòng, một học viện quân sự của các sĩ quan cao cấp Cộng Sản Việt Nam, khi đề cập đến khả năng của Việt Nam và của các quốc gia hợp tác với Việt Nam trong khối ASEAN (Hiệp Hội Các Quốc Gia Đông Nam Á). Thông tấn AP thuật lời ông Cohen nói rằng "một trong những khía cạnh rất quan trọng và có ích đối với khối ASEAN đó là những quốc gia này có những quyền lợi chung, và trong thực tế, nếu biết kết hợp hành động hài hòa với nhau, thì những quyền lợi này sẽ biến thành một đòn bẩy trong việc giao dịch với Trung Quốc trong tương lai trên một căn bản hòa bình và hợp tác".

Ông Cohen là Bộ Trưởng quốc phòng Mỹ đầu tiên đã đến viếng thủ đô Việt Nam ngày nay và là Bộ Trưởng quốc phòng Mỹ đầu tiên đến Việt Nam kể từ khi ông Melvin Laird đến Sài Gòn, tại miền Nam Việt Nam cũ, vào năm 1971.

Trung Quốc và Việt Nam từng là thù nghịch trong quá khứ. Trung Quốc lại còn tấn công Việt Nam vào năm 1979 vì Việt Nam xâm lấn Cam Bốt. Nhưng hai nước đã cải thiện quan hệ và tái lập bang giao năm 1994.

Hoa Kỳ và Việt Nam đã tái lập quan hệ ngoại giao vào năm 1995. Thông tấn AP tường thuật rằng ông Cohen đến Hà Nội là để "cố sức cho việc từng bước tiến tới thiết lập quan hệ quân sự giữa đôi bên. Ông Cohen đã đề nghị khởi sự bằng các dự án chung như dự án khai quang mìn, dự án cải thiện các cuộc nghiên cứu về môi sinh và kiểm soát nạn lụt."

Thông tấn AP tường thuật rằng "tại Học Viện Quốc Phòng, ông Cohen đã ngồi đối diện với 14 tướng lãnh sĩ quan cao cấp Việt Nam, trong đó có cả Giám đốc Học Viện, tại một bàn bầu dục để đọc một bài diễn văn nói về chính sách Á Châu của Hoa Kỳ. Trong căn phòng này, chỉ có một số người khác được tham dự, đó là ba thông dịch viên, phái đoàn của ông Cohen, khoảng hơn một chục sĩ quan Việt Nam khác, và một vài thông tin viên Hoa Kỳ. Phía Việt Nam đã cấm không cho nhóm quay phim của thông tấn CNN

được quay buổi họp này."

Thông tấn Reuters, cũng tường thuật buổi họp này, cho biết rằng ông William Cohen đã phát biểu với các giới chức quân sự Việt Nam rằng "sự hiện diện về an ninh của Hoa Thịnh Đốn tại Á Châu Thái Bình Dương là một sự hiện diện cần thiết sống còn cho thịnh vượng của vùng này."

Thông tấn Reuters phúc trình là "trước sự hiện diện của 30 giới chức và nhân viên quân sự cao cấp ở Học Viện Quốc Phòng Việt Nam, ông Cohen nói rằng Hoa Thịnh Đốn đã đến Việt Nam trong tinh thần cộng tác ấy."

Ông Cohen cũng đã phát biểu rằng các mục tiêu an ninh và thịnh vượng của Á Châu dựa trên một số yếu tố chính. Một trong những yếu tố ấy là việc Hoa Kỳ vẫn duy trì quân lực và sẵn sàng can thiệp vào vùng này. Hiện nay Hoa Thịnh Đốn có khoảng 100,000 binh sĩ đóng tại Thái Bình Dương và Á Châu

Ông Cohen nói thêm rằng quyền lợi của Hoa Kỳ và Trung Quốc là phải xây dựng một quan hệ lâu dài dựa trên tinh thần trách nhiệm. Ông nói rằng phía Hoa Kỳ còn có những yếu tố quan trọng khác là các đồng minh Nhật Bản, Nam Hàn, Úc, Thái Lan, và những quan hệ quân sự đã được cải tiến với Phi Luật Tân.

Nhưng thông tấn Reuters tường thuật thêm là "Có lẽ các thành phần bảo thủ trong giới quân sự Việt Nam hãy còn cần phải được thuyết phục nhiều hơn nữa. Mặc dù không khí giao thiệp có phần niềm nở trong suốt chuyến viếng thăm của ông Cohen, những phản ứng hồ nghi của các lãnh tụ Việt Nam đối với các ý định của giới quân sự Mỹ vẫn còn tồn tại.

## **Cứu xét quá tận tình đơn khiếu nại của Phật Giáo Hòa Hảo**

Ngày 26-12-1999, công an bắt giam ông Trương Văn Thúc, một chức sắc Phật Giáo Hòa Hảo, cùng với tám đạo hữu Phật Giáo Hòa Hảo khác trong lúc họ đang chuẩn bị kỷ niệm ngày sinh giáo chủ Huỳnh Phú Sổ. Các đạo hữu Phật Giáo Hòa Hảo hải ngoại lập tức báo động với dư luận thế giới. Một số dân biểu, nghị sĩ Mỹ cũng lập tức yêu cầu tòa đại sứ Mỹ tại Việt Nam can thiệp. Hai ngày sau họ được thả nhưng mang nhiều thương tích vì bị công an đánh đập.

Uất ức quá, ông Thúc và các bạn làm đơn khiếu nại gửi tới chủ tịch nước, thủ tướng chính phủ và tổng bí thư Đảng

Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 27-3-2000, công an đến mời các nguyên đơn lên trụ sở để điều tra trong mục đích giải quyết đơn khiếu nại. Ngày hôm sau chính quyền đã giải quyết đơn khiếu nại của họ bằng cách công tay tất cả và đem giam giữ tại nhà giam Tỉnh An Giang (Rạch Giá) về tội phỉ báng đảng và nhà nước. Cho tới nay chưa biết số phận họ sẽ ra sao. Tuy nhiên tác dụng của vụ bắt giam này là họ không còn có thể tham gia tổ chức ngày mất tích của giáo chủ Huỳnh Phú Sổ được nữa. Lễ tổ chức này được dự trù vào ngày 30-3-2000. [Nhắc lại: giáo chủ Huỳnh Phú Sổ đã bị lực lượng cộng sản bắt cóc 53 năm trước đây. Có tất cả lý do để tin rằng ông đã bị giết ngay sau đó. Tướng Trần Văn Trà, trong cuốn hồi ký "Những chặng đường lịch sử của B2 thành đồng" cũng đã gián tiếp nhìn nhận như vậy].

Theo tin của Hội Đồng Phật Giáo Hòa Hảo tại hải ngoại thì từ đầu năm 2000 tới nay đã có rất nhiều đạo hữu Hòa Hảo bị bắt giam. Họ thường được phóng thích sau một thời gian ngắn nhưng cũng thường bị đánh đập □

## **Thông báo**

**Câu Lạc Bộ Thân Hữu Thông Luận**  
kính mời quý độc giả tham dự buổi gặp  
mặt do chúng tôi tổ chức vào chiều

**Chủ nhật 16-4-2000, từ 14 g tới 18 g**  
tại Salle Beethoven  
1, place Beethoven  
77185 LOGNES  
(RER A, direction Marne-la-vallée,  
station Lognes)

*Chương trình:*

14 giờ: trò chuyện thân mật và giới thiệu  
các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật hay  
chính trị.

16 giờ: trao đổi tự do về đề tài *Việt Nam  
trong tiến trình toàn cầu hóa.*

Quý độc giả có tác phẩm muốn thông  
báo hay giới thiệu xin liên lạc với

Phan Huy Nguyen, dt: 01 64 80 07 02

## Tạp ghi

**Putin đắc cử tổng thống Nga.** Trong vài tháng, một cựu nhân viên tình báo vô danh đột ngột xuất hiện từ bóng tối, trở thành tổng thống và tái cử về vang. Thành tích nổi bật nhất của Vladimir Putin đã chỉ là cuộc chiến dã man tại Chechnya, trong đó quân đội Nga pháo kích bừa bãi vào các thành phố, tàn sát, tra tấn và hãm hiếp. Nhưng điều này không đáng ngạc nhiên trong bối cảnh nước Nga. Hơn 70 năm dưới chế độ cộng sản đã hủy hoại tất cả, chỉ để lại cho nước Nga một khoảng trống chính trị toàn diện, một xã hội phân rã và những cá nhân đồng hạng trong sự tầm thường. Các chế độ cộng sản ở mọi nơi đều thẳng tay đập phá, để lịch sử chỉ thực sự bắt đầu với họ, nhưng họ đã không làm được gì và để lại được gì khi cáo chung. Một sự phá sản toàn diện và không có ngoại lệ như vậy đủ để lên án không những các chế độ cộng sản mà cả chủ nghĩa cộng sản.

**Vấn về Putin.** Putin trên thực tế tỏ ra có bản lĩnh hơn những lãnh tụ Nga khác. Putin có quyết tâm, dám làm và làm tương đối thành công theo tiêu chuẩn của nước Nga. Putin dẹp được tập đoàn ngang ngược và hiếu chiến Chechnya, ngăn chặn được lạm phát, giảm bớt được tham nhũng và có triển vọng hạn chế được, nếu không tiêu diệt được, các băng đảng mafia đã lộng hành từ nhiều năm nay tại Nga. Putin đắc cử tổng thống là đúng và cũng có lợi cho nước Nga. Putin được coi là một bảo đảm để chế độ dân chủ non trẻ tại Nga có thể tiếp tục trưởng thành. Điều này cũng không đáng ngạc nhiên và cần được đặc biệt chú ý. Putin là công an, cũng như Andropov, Gorbachev và Primakov. Mọi chế độ cộng sản đều dựa trên công an, vì thế công an là thành phần tinh nhuệ nhất, thông minh nhất, được thông tin đầy đủ nhất và cũng được tự do nhất. Nói chung là thành phần ít bị tha hóa nhất trong các chế độ cộng sản. Cũng chính vì họ là những người hiểu biết nhất mà trong các chế độ cộng sản các cấp lãnh đạo công an thường là những người đầu tiên nhìn thấy nhu cầu dân chủ hóa. Để ủng hộ khi thấy không thể chống được nữa.

### Giáo hoàng Gioan Phao Lồ II thăm

**viếng Palestine.** Ông đã can đảm khẳng định quyền có một quốc gia của người Palestine và đã buộc chính quyền Do Thái, lần đầu tiên, phải công khai nhìn nhận rằng một quốc gia Palestine là đương nhiên, chỉ còn lại vấn đề làm thế nào để tiến tới. Đây là một nhượng bộ rất quan trọng của Do Thái và sẽ góp quyết định cho tiến trình hòa bình tại một vùng đất được coi là Đất Thánh nhưng lại đầy rẫy đam mê và hận thù. Giáo hoàng cũng đã can đảm xin lỗi về những tội ác của người Thiên Chúa Giáo đối với người Do Thái và về sự im lặng không thể chấp nhận được của giáo hoàng Piô XII trong giai đoạn Đức Quốc Xã. Trong mục Tạp Ghi này của số báo trước, tôi đã phê phán giáo hoàng Gioan Phao Lồ II về lập trường của Vatican trong hai vụ Pinochet và Giordano Bruno. Lần này tôi phải ngả mũ kính chào ông. Giáo hoàng Gioan Phao Lồ II từ ngày nhậm chức đã công du hơn một triệu rưỡi cây số, gần 40 lần vòng trái đất, và đi đâu ông cũng đem lại một thắng lợi lớn cho hòa bình và dân chủ. Sức khỏe yếu kém của ông ngày càng thấy rõ và càng khiến người ta cảm phục nghị lực phi thường của ông.

**Thay đổi tại Sénégal.** Vào đúng lúc cử tri Đài Loan chấm dứt gần một thế kỷ cầm quyền của Quốc Dân Đảng thì cử tri Sénégal cũng sa thải Đảng Xã Hội cầm quyền từ ngày độc lập, năm 1960. Ứng cử viên đối lập, Abdoulaye Wade của Đảng Dân Chủ đã đánh bại đương kim tổng thống Abdou Diouf, người đã cai trị Sénégal trong 19 năm. Sénégal chính thức tự xác nhận như một nước dân chủ thực sự. Vào thế kỷ 17, khi người phương Tây đến, Sénégal cũng như toàn bộ Châu Phi chỉ là một vùng đất man rợ, thổ dân chưa biết tới bánh xe, chưa biết sử dụng thú vật và dĩ nhiên chưa có chữ viết. Họ đã tiếp tục sống như thế cho đến giữa thế kỷ 19 khi Sénégal trở thành một thuộc địa của người Pháp. Lịch sử của Sénégal có thể coi là chỉ mới bắt đầu từ một thế kỷ rưỡi nay. Nhưng ngày nay họ đã có dân chủ, đã có thể được coi là một nước văn minh và cũng có một lợi tức bình quân trên mỗi đầu người cao gấp đôi Việt Nam với bốn ngàn năm văn hiến mà chúng ta tự hào. Tôi không mỉa mai niềm tự hào

bốn ngàn năm lịch sử vì đó là sợi dây gắn bó chúng ta với nhau. Nhưng chúng ta còn có thể tự hào tới bao giờ? Nếu chế độ này, và tình trạng này, tiếp tục thì chỉ một thế hệ nữa người Việt sẽ khó còn đủ can đảm để gọi tên đất nước này và nhìn nhau trong mắt.

**Cohen tới Việt Nam.** Cuối cùng thì bộ trưởng quốc phòng Mỹ William Cohen cũng đã thăm viếng Việt Nam. Chuyến đi này đã phải gác lại năm ngoài vì chính quyền cộng sản sợ phản ứng bất lợi của Trung Quốc. Nhưng lần này Lê Khả Phiêu cũng vẫn còn sợ không dám gặp Cohen, mặc dầu với cương vị tổng bí thư đảng cộng sản ông là người thực sự đứng đầu quân lực Việt Nam và hơn thế nữa cá nhân ông là một tướng lãnh. Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc thường được người dân độc đùa là "Độc Lập trừ Tự Do trừ Hạnh Phúc". Nhưng thực ra Việt Nam ngày nay cũng không độc lập.

**Bạo hành tại Bắc Cali.** Sôi nổi trong cộng đồng người Việt tại Bắc Cali. Một người Mỹ tổ chức triển lãm tranh chân dung Hồ Chí Minh tại Oakland. Thế là lại biểu tình. Phải chăng vì chúng ta đang thiếu đề tài để tranh đấu, hay vì chúng ta đã khô cạn ý kiến và sáng kiến? Nhưng lần này không còn "khí thế đoàn kết" nữa mà lại xảy ra bạo hành. Các tổ chức trực tiếp hay gián tiếp gây ra vụ bạo hành này không thuận với tổ chức Hoàng Cơ Minh. Một chức sắc của tổ chức Hoàng Cơ Minh đã viết cả một bài lên án thái độ của một "thiểu số quá khích" và nhắc nhở nếp sống dân chủ, văn minh. Người ta chỉ có thể lên án hành động thô bạo, bày tỏ cảm tình với nạn nhân và đồng ý với bài này. Nhưng tôi không khỏi phân vân. Chính tôi và một số chí hữu trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã từng là nạn nhân của một vụ bạo hành có chuẩn bị, có tổ chức, và bằng dao, mà thủ phạm không ai khác hơn là tổ chức Hoàng Cơ Minh. Lạ thay bản tính con người! Khi cần người ta có thể tìm ra những lời lẽ rất đúng để lên án một cách có lý có tình một hành động xằng bậy mà chính mình cũng đã làm nhiều lần và không hề ngưng. Nhưng một lập trường đúng, dù do động cơ nào cũng vẫn tốt.

Nguyễn Gia Kiểng

## Suy nghĩ về Đại hội VI Hội Nhà Văn Việt Nam

(trích tham luận gửi Đại hội)

Nhìn lại những thế kỷ đã qua, nhân loại đã tiến bước những bước khổng lồ. Từ sinh hoạt bầy đàn ăn hang ở hốc, đã bước tới một xã hội văn minh nhà cao cửa rộng, đi lại bằng ô tô, tàu thủy, máy bay, lao động chân tay bằng robot, lao động trí óc bằng ordinateur. Từ những xã hội chuyên chế, độc tài, đã màn gần với muông thú, đã tiến tới những xã hội dân chủ có những khế ước chung (hiến pháp và luật pháp) mang tính nhân văn, khoan dung, tôn trọng con người.

Tính chất dân chủ và tôn trọng nhân quyền trong xu thế hội nhập toàn cầu hoá là quy luật tất yếu của thế kỷ mới. Nó là đòn bẩy để xã hội loài người phát triển ngày càng xa rời con thú, ngày càng tiến tới một xã hội thánh thiện hơn, con người được tôn vinh xứng đáng với con người. Do sức phát triển của khoa học kỹ thuật thời kỳ hậu công nghiệp, trái đất bỗng trở thành nhỏ bé, loài người như sống chung dưới một mái nhà. Buổi sáng còn tản bộ trên đường phố Paris, buổi chiều đã ngồi uống rượu saukê trong quán ăn Nhật Bản. Một biến động dù cục bộ ở vùng sa mạc hẻo lánh châu Phi, chỉ vài phút sau toàn thế giới đều được biết, được trông thấy trong khuôn viên nhỏ của vô tuyến truyền hình. Con người có những giá trị chung, mọi quốc gia đều tôn trọng.

Không thể vin cố vào những đặc điểm dân tộc, đặc điểm địa lý, sự khác biệt tâm lý phương Đông, phương Tây, mà trì hoãn hoặc phủ nhận những giá trị chung này. Thử nghĩ xem, bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 do Hồ chủ tịch đọc trước quảng trường Ba Đình, có nói đến quyền con người của Mỹ và của Pháp, nó chẳng là những giá trị chung của nhân loại đó sao? Và chủ nghĩa Mác-Lênin ta vẫn tuân theo lâu nay đâu có phải là sản phẩm của phương Đông? của Việt Nam ta?

Vậy thì, sau những năm tháng chiến tranh kéo dài, chúng ta đã phải trả một giá qua đắt để giành độc lập thống nhất lãnh thổ. Tiếng súng chấm dứt đã được một phần tư thế kỷ rồi, vì sao nước ta vẫn là một trong 13 nước đói nghèo nhất thế giới. Theo cách tính của Liên hiệp quốc, những nước thu nhập bình quân 365 đôla/đầu người/năm là nước đói nghèo,

nước ta bình quân mới hơn 200 đôla/đầu người/năm. Không thể nói rằng, ta làm kinh tế trước, rồi mở rộng dân chủ sau, hoặc chỉ cần mở rộng dân chủ nơi cơ sở.

Hồi còn sinh thời cố tổng thống Pháp Mitterrăng ( Francois Mitterand ) sang thăm nước ta, có nói đại ý, dân chủ và phát triển đi đôi với nhau như một cặp song sinh. Dân chủ cần thiết cho phát triển, và không thể phát triển nếu không có dân chủ. Mà dân chủ của chúng ta không cần phải tìm đâu xa. Dân chủ là quyền làm chủ của người dân, đã được ghi trong hiến pháp và đã được các khoá quốc hội nhất trí thông qua suốt từ 1946 tới nay. Các quyền cơ bản của sinh hoạt dân chủ là điều 69 ghi trong Hiến pháp Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật."

Nếu đến giờ, ta vẫn chưa thực hiện được quyền này, là có lỗi với Bác Hồ, có lỗi với biết bao người đã nằm xuống trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Bác Hồ chẳng đã nói: "Độc lập mà dân không được tự do, không được hạnh phúc, thì độc lập không có ý nghĩa lý gì." Đáng tiếc là cho đến tận nay, chúng ta vẫn chưa có báo chí tư nhân và xuất bản tư nhân. Điều này phải trách lỗi ở Quốc hội, và trách lỗi ở những người cho báo chí tư nhân là quan điểm tư bản chủ nghĩa, là xấu xa, là không nên cho phép. Vậy thì có dám bỏ điều 69 trong Hiến pháp đi không?

Báo chí tư nhân và xuất bản tư nhân là phương tiện tối thiểu để thực hiện quyền tự do dân chủ. Không có phương tiện ấy, lấy cái gì để đảm bảo rằng chúng ta đã có tự do và dân chủ. Cho nên tuy cả nước có đến trên 600 tờ báo đấy, nhưng mọi người vẫn cảm thấy không được tự do. Quyền lực thứ tư của con người bị treo giò, thì đấy là điều kiện thả lỏng gây ra những tệ nạn xã hội: tham nhũng, cửa quyền, trù úm, bè phái, bắt người trái phép, sử oan người vô tội...vv...

Trách nhiệm ấy, một phần lớn, thuộc về những người cầm bút chúng ta. Nếu những người cầm bút dùng cảm nói lên sự thật, kiên trì nói lên sự thật với các

## Mục lục

1. *Đài Loan, một quốc gia đang thành hình*

**Thông Luận**

3. *Dân chủ đa nguyên thắng lớn tại Sénégal*

**Huỳnh Hùng**

4. *Đài Loan trưởng thành trong dân chủ*

**Nguyễn Phi Phụng**

8. *Có động đậy gì không?*

**Bùi Tín**

10. *Kết thúc để bắt đầu*

**Cao Ngọc Quỳnh** phiên dịch

13. *Kịch bản cho thế kỷ 21*

**Trần Độ**

15. *Hai mươi lăm năm nhìn lại*

**Trần Bình Nam**

17. *Nhận diện về chủ nghĩa cá nhân*

**Diệp Tường Bảo**

20. *Sự hình thành cộng đồng người Thượng trên cao nguyên miền Trung*

**Nguyễn Văn Huy**

25. *Tranh luận trên vấn đề xây dựng Đại học Sư phạm Trọng điểm*

**Tôn Thất Long**

28. *Tin tức thời sự*

31. *Tạp ghi*

**Nguyễn Gia Kiểng**

32. *Suy nghĩ về Đại hội VI Hội Nhà Văn Việt Nam*

**Hoàng Tiến**

lãnh đạo Đảng và Nhà nước, thì đã không thể xảy ra vụ án Nhân văn - Giai phẩm làm tàn lụi biết bao tài năng của đất nước; thì đã không có vụ bắt bớ Xét lại - Chống Đảng, đánh vào đồng chí của ta, toàn là những cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng; thì đã không xảy những việc bắt oan và xử oan các nhà văn Dương Thu Hương, nhà thơ Bùi Minh Quốc, nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, các nhà tri thức khoa học Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, các lão thành cách mạng Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà, và cả việc kỷ luật nhà văn trung tướng lão thành Trần Độ gần đây...

Hà Nội, tháng 3 năm 2000

Nhà văn **Hoàng Tiến**